

chẳng
có chi
bí mật!

Chúng em là hai
nữ sinh. Vào mỗi
bình minh và tối
khi đi ngủ,
hai em siêng chải răng
với **thuốc đánh răng**

Perlön

có ly tử FLUOR màu nhiệm,
bảo vệ ngà răng
chống sâu răng.
Nhớ thế răng chúng em
lúc nào cũng trắng trong
và thật khỏe.

Perlön

bạn của
răng non

Ấn loát OFFSET TRUNG

GIÁ : 15\$00

HỒ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

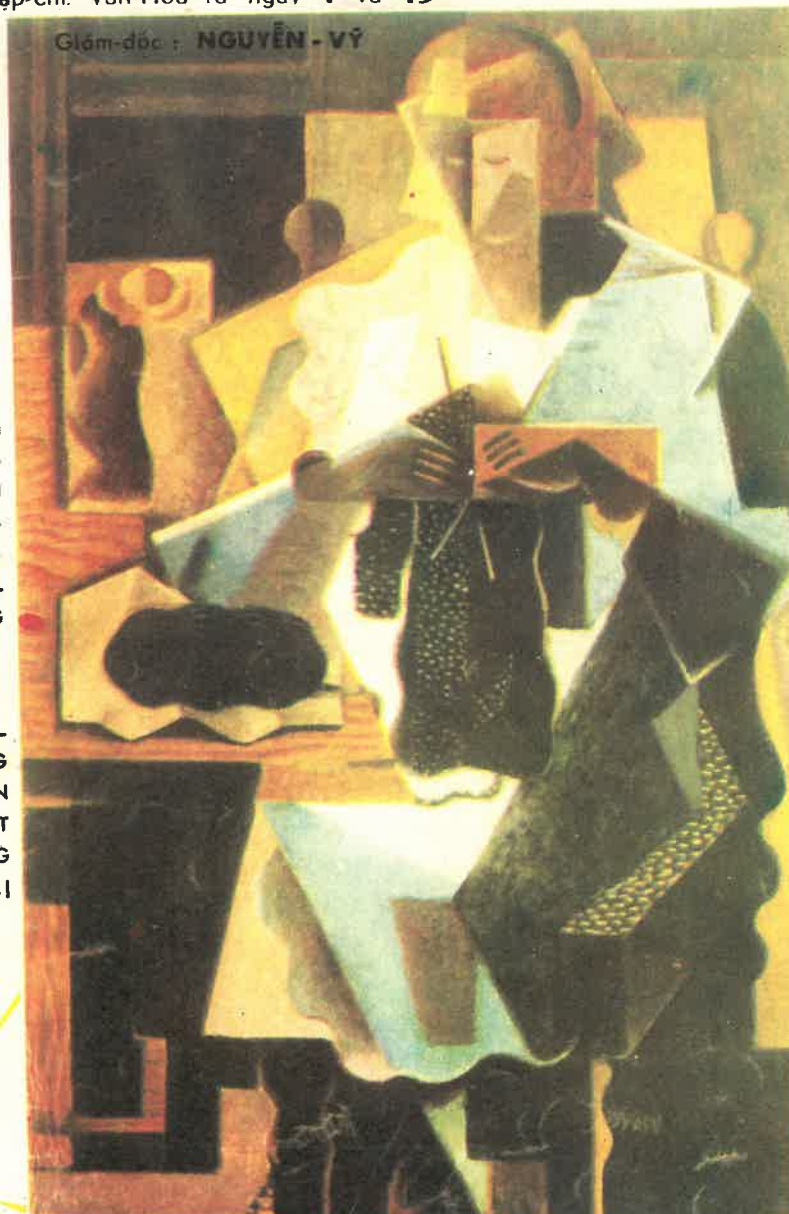
NGUYỄN - VỸ — ĐIỀU
KHOA PHONG —

★
NGUYỄN
VÕ QUANG
NGUYỄN THU
LÂN BÌNH —
VĂN SƠN —
TẦN KIẾT —
DƯƠNG

★
THIÊN —
PHƯƠNG
— NGUYỄN
THANH VIỆT
— HOÀNG
— NHƯ TRI

★ ★ ★

174



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẠM XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ số 174 ★ 15-6-1966

- | | | |
|--|------------------|---------|
| 1.— Yêm-mộng Huế — Đà-nẵng | Nguyễn-Vũ | 5 — 10 |
| 2.— Bức thư Paris | Nguyễn văn Cồn | 11 — 13 |
| 3.— Một số thi ca đánh dấu thời loạn | Phạm văn Sơn | 14 — 20 |
| 4.— Nước mắt người em (thơ) | Thùy dương Tử | 21 |
| 5.— Nửa tấm lặc bằng nhôm (truyện) | Lan-Đình | 22 — 28 |
| 6.— Các ngôi sao có thể. | Đức Tiến | 29 — 32 |
| 7.— Lợi một người (thơ) | Nguyễn Thu Minh | 33 |
| 8.— Người đàn bà lừng danh : Messaline | Tân-Phong | 34 — 41 |
| 9.— Tuấn, chàng trai nước Việt | Nguyễn Vũ | 42 — 45 |
| 10.— Những người xã-hội | Thiếu Sơn | 46 — 50 |
| 11.— Cuộc diện (thơ) | Yên-Băng | 51 |
| 12.— Bà giáo Timm (truyện dịch) | Thanh việt Thanh | 52 — 63 |

13.— Ngơ ngẩn (thơ)	Phương-Duyên	64
14.— Lục địa Bắc Mỹ Châu	Thái Bình Dương	69 — 76
15.— Nhà văn Phan-Khôi	Thái Bạch	77 — 87
16.— Chuyện quê hương (thơ)	Triều văn Tử	88
17.— Lạn tương Như... (giải thoại)	Huỳnh thượng Chí	89 — 92
18.— Indonesia và Mã-lai-á	Trịnh văn Tiến	93 — 99
19.— Tại sao đình chỉ lễ Phật-dân ?	Diệu Huyền	100 — 103
20.— Diên (thơ)	Tổng phúc Thọ	104
21.— Tiếng động buổi trưa (đoản văn)	Như Trị	105 — 106
22.— Bến hải — Huế — Saigon	Tâm Trí	107 — 112
23.— Phở thông vòng quanh.	Tía Khenh	113 — 130
● Bìa : « Đan-áo ». tranh vẽ của	họa sĩ METZINGER	
● Trình bày.	Nguyễn-Minh	
● Tranh vẽ trang trong.	họa sĩ Ngọc-Dũng	



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thề-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 - * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - * Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
(vente — abonnements — Publicité)



Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

★ NGUYỄN - VỸ

(xem tiếp P.T. 173)

● THƯỢNG-TỌA THÍCH-TRÍ-QUANG

1. Cá-nhân của thầy

Tôi đã nói : thầy là một vị Chân-Tu. Luôn luôn thầy giữ phong độ của một tu sĩ. Có nhiều kẻ phê bình thầy là một người quá-khích. Đó là họ xét thầy qua những cuộc tranh đấu sôi-động do thầy khởi xướng. Nhận xét thầy Trí-Quang như thế thật là vội-vàng và, dĩ-nhiên là sai-lầm. Sự thật, thầy ưa ôn-hòa, không thích bạo-động, tính-tĩnh hòa-nhã, vui-vẻ, Phải có quen thân với thầy lâu năm mới hiểu được thầy.

thầy Thích Trí Quang chỉ dùng thì giờ rảnh vào một công việc duy nhất : khảo cứu Văn-chương, Lịch-sử, và Triết-học Phật-giáo. Người ta làm ra thật nhiều tiền để xây cất «villa» cho Mỹ mướn, thầy Trí-Quang chỉ lui cui đi kiếm mua sách cũ làm một thư-viện có rất nhiều sách quý, để tiện việc nghiên-cứu của thầy về Văn-hóa. Một chuyện rất nhỏ, như thầy thiếu một quyển Phồ-Thông tạp-chí nào đó, thầy viết thư về tôi, hỏi cho kỳ được quyển đó, hoặc nhờ tòa soạn tìm đâu giúp cho thầy những số mà hiện nay không còn, để thầy giữ đủ trọn bộ. Ngoài ra, thầy chỉ có một môn giải-trí độc-nhất là đánh cờ tướng.

Dưới thời ông Diệm, chưa đến lúc tranh-đấu, thầy Trí-Quang viết các sách về triết-lý Phật giáo và sưu-tầm những câu ca-dao phổ-cập nhất trong dân-gian về Phật-Giáo, kể cả những câu tục-ngữ, ca-dao, văn-thơ chế-nhạo « Thầy Chùa », để nghiên-cứu về vị-trí của Phật-Giáo và Tăng-Ni trong đời sống tinh-thần của Dân-tộc trải qua các thời-đại.

khỏe của thầy rất kém. Có lần, đã lâu, gặp thầy ở chùa Ấn-quang, tôi ngạc nhiên bảo :

- Sao thầy xanh-xao quá vậy, thầy ?
- Tôi đau, nằm nhà thương mới ra đây, anh ơi.
- Thầy đau bệnh gì, nay đã khỏe chưa ?
- Bệnh thầy-chùa mà ! Cứ đau hoài.

Tôi phì-cười. « Bệnh thầy-chùa », là thầy cố ý nói ăn chay, thiếu sinh-tổ, sinh ra các chứng bệnh thiếu máu.

Một tạp-chí Mỹ có viết một bài khá dài về thầy Trí-Quang. trong đó có một điểm sai-lầm về ngày tháng năm sanh của thầy.

Đúng ra, thầy Trí-Quang có nói với tôi là thầy sinh vào ngày 24 tháng 11 năm Quý-Hợi, tức là ngày 31-12-1923. Năm nay thầy 43 tuổi.

Đấy, tôi nói khá đầy đủ chi-tiết cá-nhân của thầy Trí-Quang như trên, để bạn đọc hiểu rõ được phần nào con người vật-chất của Thích-Trí-Quang, lãnh-tụ chính-trị quan-trọng nhất của Phật-Giáo Việt-nam hiện nay.

2.— Tư tưởng chính-trị của Thầy Trí-Quang.

Nhiều người quả quyết, nhiều kẻ nghi ngờ, rằng Trí-Quang là Cộng-sản. nếu không thì cũng là thân cộng. Nhận-xét như thế là sai-lầm, hơi vội-vàng, nông-nổi, là không hiểu bản chất của Thích-Trí-Quang. Còn nói rằng, vô tình hay cố ý thầy Trí-Quang đã làm lay sai cho Việt-cộng, thì lại càng nói bá-láp nữa. Hoàn toàn nói bậy. Rất nhiều lần, trước thời Ngô-đình-Diệm lặn, dưới các chính phủ Bửu Lộc, Tâm, Hữu, thầy Trí Quang thường nói với :

— Cộng-sản là vô-thần, mình không chơi với họ được.

Hoặc :

— Cộng-sản mà vào đây thì còn gì là Chùa-chiền, là Phật-giáo nữa !

Đàm-đạo về lập trường của những kẻ chống Cộng không có phương pháp hoặc bằng những phương pháp ngu xuẩn, thầy Trí-Quang cũng thường nói :

— Chống Cộng mà không hiểu tâm lý và đường lối của Cộng sản, thì không ăn nhằm gì.

Thầy cũng thường nói :

— Với cộng sản, làm gì có tự do dân chủ.

Tôi tin rằng một người đã thốt ra những lời nói như thế trong những câu chuyện thân mật chứ không phải ngoại giao, không thể là một đảng-viên Cộng sản, hay là một người thân Cộng được.

Nhưng thầy Thích-Trí-Quang không phải là một người Quốc-gia tiêu-tư-sản, hay trường-giả, phong-kiến, loại quốc-gia xôi-thịt, thụ-động, chạy theo thời-cuộc, loại « quốc-gia » mất nước, như một số « lãnh-tụ » « đảng phái » hữu danh vô thực, chỉ lo tranh-dành địa-vị, quyền-lợi cá-nhân. Trí-Quang là một người có tư-

YEM MÔNG HUẾ ĐÀ NẰNG

tướng tiền-bộ (progressiste), cách-mạng thật-sự, chính tại vậy mà đôi khi những kẻ hiểu lầm cho thầy là quá-khích. Quá khích là những kẻ thừa-hành mệnh-lệnh, không theo đúng chỉ-thị thích-hợp với đường lối tranh-đấu bất bạo-động, những kẻ quá hăng say, đi quá trớn mà thầy không kiểm-soát hết được. Trong các cuộc tranh-đấu, có nhiều kẻ, hoặc thanh niên Phật-tử, hoặc thanh-niên Tăng-Ni, thiếu kinh-nghiem chính-trị, kém hành-động khéo-léo, và cũng có nhiều phần-tử ngoại Đạo, lợi-dụng thời-cơ xen lẫn vào hàng-ngũ Phật-giáo, hoặc mượn chiêu bài Phật giáo để hoạt-động theo mục-phiêu riêng, cổ tình gây ra tình trạng bất ổn, nhiều khi quá khích. Thầy Trí-Quang không thể nào kiểm-soát toàn thể các phần-tử xáo trộn đó được, nhưng thầy vẫn phải nhận lãnh liên-dới trách-nhiệm của các cuộc xáo-động mà chính thầy không tán-thành. Nên biết rằng thầy Thích-Trí-Quang là một chính-trị-gia, thích giải-quyết mọi vấn-đề khúc-mắt bằng đường lối ngoại-giao, chứ thầy không phải là một kẻ sách-động, (il est un homme politique mais non un agitateur). Những người cầm-quyền và những kẻ đối-thủ với Thích-Trí-Quang, nên hiểu diêm đó thì mới tránh được mọi nhận-xét sai lầm về thái-độ của thầy.

Ngay về việc Đạo cũng vậy. Có nhiều lần, trong các phiên nhóm hoàn-toàn về Phật-sự, trong các Hội-nghị Phật-giáo toàn quốc, Thầy Trí Quang cũng thường tỏ ra một thái độ cương quyết nhưng ôn hòa trước những vấn đề trọng đại. Đôi khi thầy bỏ phòng nhóm đi ra để phản đối một vài quyết định về tổ chức mà thầy nhận thấy không thích hợp với trào lưu tiến bộ. Thầy là một vị chân tu theo đúng ý-nghĩa cao-siêu của Kinh-luật nhà Phật, nhưng về phương diện phát triển Phật-giáo thầy lại là một nhà tổ-chức.

Theo chỗ tôi biết, thì hệ thống Viện Hóa-Đạo và Viện Tăng Thống, chính là do kế-hoạch hoằng Pháp tiến bộ mà thầy Trí-Quang đã vạch ra ngay còn dưới thời Ngô-dinh-Diệm.

Tôi đã nói : Thầy Trí-Quang là một nhà chính-trị bất-đắc-dĩ, và cũng là một lãnh tụ bất đắc dĩ, chứ thực ra thầy không ưa làm

YEM MÔNG HUẾ NÀ NẰNG

chính trị. Nếu ham làm chính trị, lập đảng phái, thì thầy đã hoạt động, công khai hay bí-mật, ở thời kháng chiến rồi.

Nếu thầy là Cộng sản hay thân Cộng, thì suốt thời kháng-chiến thầy đã không nằm ở chùa Bảo-Quốc và chùa Từ Đàm để viết những quyền Luận rất cao thâm về Phật-giáo. Thầy chỉ tự bắt buộc phải tranh đấu từ ngày Ngô-dinh-Diệm bắt đầu khủng bố Phật-giáo và đàn áp Phật-giáo-đồ ở Huế, và ở Saigon. Và một khi thầy ra tranh đấu vì Đạo Pháp, là thầy cương quyết. Thầy là người đầu tiên khởi xướng phong trào chống chế độ Ngô-dinh-Diệm.

Thầy tiếp-tục, vì Đạo-Pháp, vì Dân-tộc, điều khiển phong trào tranh-đấu dưới các thời Nguyễn Khánh, Trần văn Hương, chính vì những chính phủ đó đã hành-động không đúng với nguyện vọng của toàn Dân, và phục-vụ quyền lợi cá-nhân, bè đảng, hơn là Tổ-quốc, Dân-tộc.

Chỉ tiếc một điều là thầy chỉ nhìn vào tinh-thần tranh-đấu mà không chú-trọng đến tổ-chức vật chất của cơ-cấu cách-mạng, cho nên thầy không kiểm-soát được hành-động nóng nảy, bùng-bột, vụng về, và vô kỷ-luật của những kẻ mà thầy trao cho trọng-trách điều khiển cuộc tranh-đấu ở các địa-phương, kể cả Saigon, trong lúc thầy ở Huế.

Lắm lúc, thầy bị các biến-cổ tràn-ngập, mà thầy không có phản-ứng kịp thời và bình-tĩnh nhận lãnh tất cả trách-nhiệm, mặc dầu thầy thấy rõ những biến chuyển bạo-động và vô kỷ-luật có thể làm hư hỏng kế-hoạch chính-trị của thầy. Tin tưởng vào những kẻ thi-hành mệnh-lệnh, thầy không đặc-biệt lưu-ý đến các biện-pháp cần thiết để phòng các thủ-đoạn, âm-mưu, của các phần-tử quá khích, vô-trách nhiệm, thuộc về phe này, hoặc phe khác, xâm-nhập vào hàng ngũ phong trào, lực-lượng, để lợi-dụng, thai thác có lợi cho chúng, hoặc chỉ để phá hoại mà thôi. Thầy là một Tu-sĩ làm chính trị, nhất là một Tu-sĩ Phật-Giáo, đã thấm nhuần thuyết từ-bi hỷ-xả của Đức Phật, chứ thầy đâu có những mánh-lời xảo-quyết nguy-hiêm, của các nhà chính-trị đầy đủ thủ-đoạn.

Thích-Trí-Quang là một nhà chính-trị vĩ, vì đường lối đấu tranh ôn-hòa nhưng cương quyết,

Nhưng có hai điều rất đáng tiếc khiến cho kết quả các cuộc tranh đấu không làm cho thầy được hoàn-toàn thỏa-mãn: một là địa-vị Tu-sĩ Phật-Giáo chân chính của Thầy không cho phép thầy nói năn và hành-động trái với Giáo-điều tinh-túy của Phật-giáo, (các cuộc bạo-động đều ngoài ý muốn của thầy). Chính thầy Trí-Quang cũng có nói với tôi về điểm quan-trọng ấy.

Hai là thầy vẫn hoàn toàn cô-độc trong vai-trò lãnh-tự chính-trị mà tình-thể bắt buộc thầy phải nhận lãnh, chứ thực sự thầy không ham muốn. Những người ở chung quanh thầy, một số trí-thức xôi thịt chạy theo thầy, một vài giáo-sư Đại học, Bác sĩ, v.v., là những kẻ xu-thời, không có lập-trường vững-vàng, thiếu kinh-nghiệm chính-trị, không giúp được vị lãnh-tự của mình những ý kiến gì xây-dựng vững-chắc cả. Thấy có phần thắng lợi, thì họ hăng-hái theo thầy, mong được làm Bộ-trưởng, Đại sứ, đến khi tình thế biến chuyển mà họ thấy quyền lợi cá-nhân của họ không được bảo-đảm thật sự, thì họ trở vô tiếp-tục làm công-chức ăn lương chính phủ, bất cứ chính-phủ nào.

Họ đâu có trách-nhiệm gì với Nhân-Dân, với Tò-quốc, vì họ biết rằng Lịch-sử sau này sẽ không kể đến cái tên của họ cơ mà.

★ NGUYỄN-VỸ
(Bài từ Huế gửi về)



gửi anh

NGUYỄN - VỸ

★ Nguyễn - văn - Cồn (Paris)

TẶ - chỉ Phở Thông số 171, ra ngày 1-5-66 có đăng bức thư anh gửi cho tôi.

Bức thư đó, tuy anh có nhã ý gửi riêng cho tôi, nhưng cũng là bức thư gửi chung cho tất cả các bạn cộng sự và các bạn đọc Phở Thông ở Hải ngoại, từ Nhật-bản qua Mỹ-quốc, đến Paris.

Các bạn ấy, lẽ tất nhiên cũng như tôi đã phân vân khi hay tin anh tỉnh dưỡng ở một ngôi Chùa ở Miền Trung. Họ tưởng đâu anh đã chán nản sự đời, và không còn cai-quản tờ Phở Thông nữa; nhưng một phần nào họ bớt hoang-mang khi được biết anh vẫn lo-lắng, chăm-chú cho tờ tạp-chí thân mến của họ.

Tôi mong rằng trong im-lặng, thanh-khiết của cảnh Chùa, trong khói hương thành kính, lời kinh cầu nguyện và tiếng chuông ngân nga trong cảnh chiều tịch-mịch, anh

sẽ tìm lại được sức mạnh của Tin-tưởng để phụng sự Chân-Lý, dân và nước Việt-Nam.

Riêng tôi, xin cảm ơn anh đã cho tôi biết tình hình ở quốc nội về vật chất cũng như về tinh thần, và cũng cho tôi biết là phần đông đồng-bào sống chật-vật.

Theo các tờ báo Mỹ như *New York Times* và vài ông nghị-sĩ Mỹ qua viếng nước ta thì : Sài-gòn đã thành ra chỗ « buôn phấn bán hoa », và nhiều thiếu-nữ Việt-Nam đã trở nên « những nàng đẹp trong đêm (les belles de nuit) » làm đồ « tiêu-khiển cho kẻ dao gươm » (le repos du guerrier).

Tuy ta vẫn biết trong thời giặc giả và với sự có mặt của các đội binh ngoại quốc trong một nước, nghề mại dâm rất thịnh vượng, và tuy vẫn biết đó chỉ là một số nhỏ thiếu-nữ Việt-Nam sa ngã, nhưng ta cũng thấy rằng nền luân-lý của nước ta đã bị tổn thương rất nhiều ; cho đến nỗi « một bà nghị-viên thành phố Saigon đã yêu cầu rằng các ông lính ngoại-quốc đến nước ta, nên đem theo « bạn gái giang-hồ của họ ».

Ta mong rằng khi hòa-bình sẽ được tái-lập ở nước ta, thì bao nhiêu bọt bèo, dơ bẩn ấy sẽ bị nước thủy triều lôi cuốn đi, và sự nề-nếp của luân thường đạo lý sẽ lại được tôn trọng.

Anh lại cũng cho tôi biết ở các thành thị miền Nam, các đảng phái đối chọi nhau, không biết hợp tác trên một nền tảng nào ; ..

Nếu

người mình biết nghĩ đến tiền-đồ của Tổ-quốc, đến quyền lợi tối cao của dân tộc, thì sự hợp quần sẽ có, và cũng không còn có cảnh « huynh đệ tương tàn ». Muốn đi đến chỗ đó, ta cần phải bác bỏ tất cả những câu biều ngữ xúi giục

trước sự hăm dọa của ngoại bang, dân tộc mình đã biết xiết chặt hàng ngũ để bảo vệ đất nước : gương Trần-quốc-Tuấn chống quân Mông-Cổ còn đó, gương Lê Lợi phá quân nhà Minh còn sáng, gương Nguyễn Huệ diệt quân nhà Thanh chưa xa.

« Không ngoan đá đẩy người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau ! »

Anh Nguyễn Vỹ thân mến, tôi mong rằng anh sẽ bình phục nay mai để làm cho tờ Phở Thông ngày thêm tấn phát, để phụng sự đắc lực Văn hóa Việt-Nam, với tất cả học hỏi và ánh sáng do Đức Phật Từ Bi đã ban cho anh.

Thân mến,

Các bạn của anh ở Hải-ngoại,

Các bạn đọc Phở Thông ở Pháp

và tôi, bạn anh

★ NGUYỄN VĂN CỎN

Đã hơn một lần, tôi nhắc đến cái thảm trạng của xã-hội VN dưới đời Tự-Đức.

Cái thảm trạng đó đã do chính trị hồi ấy đã gửi vào những con người bất cập thời vụ hay vô trách nhiệm nên luôn ngót 40 năm vua Tự-Đức cầm quyền mà nước cứ loạn, dân cứ tàn, kẻ thù da trắng cứ lấn áp dân ta hoài cho tới cuối thế kỷ 19 nước Việt-Nam đã nằm gọn trong bàn đồ của Pháp-quốc hải ngoại.

Vua Tự-Đức tuy hữu tâm đối với xứ sở nhưng ngài chỉ giỏi về thơ phú, triều thần cũng chẳng có một chánh sách nào khả dĩ phú quốc cường binh, mà hầu hết chỉ đặc lực trong cái trò đua nịnh và dối trá.

Chúng tôi xin kể ra đây một bi hài kịch do một cuộc tập bắn đã diễn ra tại cửa Thuận, an trước mắt vua Dục Tông :

Ngày ấy là 19 tức ngày cuối cùng của cuộc tập bắn. Vào giờ Mùi (10 giờ sáng) nhà vua đang ngồi tại hành cung bỗng nghe ngoài khơi có tiếng súng nổ. Thì ra thuyền của ta bị hai chiếc Tàu Ô đánh cướp. Thuyền quan có 9

* PHẠM-VĂN-SƠN

một số thi ca

đánh dấu thời loạn

« Thế mà nửa giận nửa thương
Giận thay chúng nó, thương
đường quân ta ».

MỘT SỐ THI CA

chiếc, thuyền giặc có 2. Ta đông mà thua, thậm chí tàu giặc dám xông vào tới tận bờ bắt đi mất hai chiếc của triều đình, bắt kẻ vua quan đang tụ tập đông đảo ở đó (cửa Thuận). Hải quân của ta được lệnh cấp cứu, súng nổ ầm ầm nhưng chỉ trúng vào không khí. Nhà vua bị xúc động hơn ai hết, khi trở về có làm một bài thơ in ra 140 bản, phổ biến đi các tỉnh, các Bộ, các Nha đề khiển trách các quan coi về thủy quân như sau :

« Rằng năm Quý-dậu tháng tư,
Ngửa vâng hoàng-thượng thánh
từ sắc ban,
Mười hai giá ngự Thuận-an,
Hiệp đoàn văn võ quân quan hộ
tùng,
Tưng bừng cờ phất trống rung,
Chèo hai mái nhẹ, thuyền rồng
như bay.
Vẳng nghe tiếng trống vang dậy,
Xa xa mấy bức buồm bay nhẹ
nhàng.

Cảnh này trông thấy vẻ vang,
Đủ khoe gác tia lâu vàng xinh
thay !
Càng nhìn càng đẹp càng say,
Dấu mà trăm cảnh, đầu tây
Thuận-An.

Ai ngờ một phút tự nhiên,

Bỗng đâu chín chiếc tải thuyền
chạy ra,

Ngọn buồm nhấc thấy xa xa,
Ngoài khơi nghe tiếng súng ra
đùng đùng.

Tàu Ô áp đến hành hung,
Đều ran tiếng súng găm cùng to
gan.

Trương buồm chạy dọc chạy
ngang,

Cắm hèn mấy lũ, mấy đoàn lâu
Ô.

Trăm trở bố mẹ xi xô,
Đưa đâm, đưa chém, đưa xô
xuống tàu.

Các quan khi ấy liền tàu :
Ngửa trông hoàng thượng trên
lầu nhìn ra.

Lệnh truyền hộ vệ thần cơ,
Nào ai bắn trúng tàu Ô nó rày !
Quyền ban lộc hưởng no đầy,
Sắc vừa ban xuống, nập ngay
súng liền.

Bắn thì phát vạc, phát xiên
Bắn ra chẳng trúng vào thuyền
tàu-Ô.

Hờ thì nó chạy nó vô,
Dắt đi hai chiếc, ai mò chẳng
trường,

Thế mà nửa giận nửa thương,
Giận thay chúng nó, thương
đường quân ta.

Người thì bị thuốc cháy da,
Kẻ thì bị đạn máu ra đầy mình.
Làm cho chúng nó dễ khinh,
Găm lại tự mình chẳng biết cứu
nhau.

Phải chi điệu vọt nơi đâu,
Đã toan lập lượng chuốc mầu
tàu vô.

Chẳng qua sự đã sờ-sờ,
Ai ai cũng lặng như tờ nín hơi,
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Làm quan ăn uống lộc trời lăm
ru !

Nghênh ngang võng-võng, dù-dù.
Bằng vàng hia mào xuân thu
phát đầu,

Gắm ra tài cán gì đâu,
Rời ra múa mở vênh râu chồm
chè !

Phen này mắt thấy tai nghe,
Tham sinh úy tử một bề như
nhau.

Ấn thì giành trước giành sau,
Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi.
Cũng xưng là đấng làm tôi,
Cớ sao chẳng biết hồ người trong
mình ? (1)

Ngoài bài thơ Nôm này, Tự-
Đức còn có bài thơ Hán ví bọn
hải-phỉ như cá mập, cá xà ngoài
biển, như hồ, báo trên rừng với
ước mong chúng bị tận diệt cho
dân đỡ hại. Ngài còn thống-trách

bộ Công, bộ Binh cùng các quan
thủy-sự, hải-phòng, đặc biệt tinh
thần trách nhiệm và đòi một biện-
pháp tu-chỉnh gấp rút tình-trạng
của hải-quân.

Riêng giai-thoại này cũng đã đủ
phô bày bộ mặt thực của quân
lực Việt-Nam vào cuối thế-kỷ 19
giữa một giai đoạn lịch-sử đen
tối nhất đáng lẽ nó phải được
phong-phú về quân số, kiện cường
về huấn luyện và trang bị, hăng
hái về chiến đấu. Nhưng khi tăng
lớp lính đạo đã bắt tãi lại ít ý-
thức đối với bốn phận nếu nó yếu
hèn là lẽ tất nhiên và việc mất
nước cũng tất nhiên nữa.

Ngày 25-2-1861, quân Pháp hạ
được đồn Kỳ-hòa tức thành Chí-
hòa ngày nay, sau một trận đánh
hết sức kịch-liệt. Đại tướng chỉ-
huy về phía Việt-quân ở đây là
Nguyễn-tri-Phương kiêm chức
Kinh-lược đại thần, phụ tá có
Tán-lý Nguyễn-Duy (em Nguyễn-
tri-Phương) và Tán-tướng Tôn-
thất-Chi. Số quân của ta có tới

(1) Theo tài liệu của *Bản-Kế*
đăng trong *Bách Khoa số 100* ra
ngày 1-3-1961.

12.000 người, việc bố phòng rất
cẩn mật. Số quân của Pháp chỉ
có 600 nhưng hỏa-lực rất mạnh,
nhờ có súng lớn tương đối tối
tân, (súng nạp hậu nên bắn mau
và xa hơn súng đại bác của ta nạp
tiền đạn đi không được dài,
kỹ thuật tác xạ của ta lại kém
chính xác). Sau nửa ngày ác-
chiến, đồn Kỳ-hòa mất, Saigon,
Gia-định lọt vào tay quân Pháp.
Thắng xong ở đây, Pháp đánh
luôn Biên-hòa và Định-tường là
hai khu vực giáp-giới với Việt
quân do kế-hoạch mở rộng phạm
vi ảnh hưởng và thôn tính dần
đất đai của Việt-Nam nhân khi
thế quân đội của chúng đang
mạnh.

Trung-tá Bourdais được lệnh
của Thiếu-tướng Charner mang
một số sĩ-quan và pháo-hạm dùng
đường thủy tiến xuống Tân-an và
Bến-lức. Ngày 11-4-61, họ đổ
bộ ở bến Trung-lương (trước cửa
Cù-ốc) cách Định-tường vài cây
số. Ở đây Việt quân có đóng cứ
làm chướng-ngại-vật và lập đồn
ở hai bên sông bắn xuống
tàu địch xối-xả, nhưng rồi Pháp
quân cũng qua được và tiến đến
thành Mỹ-tho chỉ còn cách có 200
thước. Họ tới đây thì Việt-quân

đã rút êm lối ba giờ trước sau
khi đốt kho lúa, phá hủy các công-
thợ.

Người trách-nhiệm giữ thành
Mỹ-Tho là Tổng-dốc Nguyễn-
công-Nhân và An-sát Huỳnh-
mẫn-Đạt không ra lệnh giao phong,
trái lại rủ nhau bỏ chạy trước,
mặc dầu họ không bị một sự bất
ngờ nào hết. Pháp quân ở Trung-
lương 3 hôm, đến hôm thứ tư mới
tiến đánh thành. Xét ra bộ chỉ-
huy Việt-Nam thừa sức bố trí
trên các nẻo đường chặn địch
dẫn quân tới kể từ khi ta mất
thành Gia-định (14-2-1861).
Trên tiền tuyến ta chỉ lập được
8 cái chướng ngại-vật và một ít
đồn duyên-giang cho có và tuy
binh sĩ tận tâm chiến đấu nhưng
công cuộc bố phòng như vậy
quá yếu ớt đơn - sơ, nếu
so với sức mạnh của địch.
Đáng lẽ ngay khi Gia-định bị tấn
công (tức là ngót hai tháng trước)
quân lực Việt-Nam đã phải tăng
cường về mọi phương-diện để
ngăn địch bởi đây là tiền-tuyến.

Bố phòng chèn ép đã đủ cho
ta thấy rõ tinh thần trách nhiệm
của các quan tỉnh Định-tường
nên khi giặc gần tới thành họ đã

bỏ chạy là điều không đáng lạ. Vì sự hèn nhát hay khiếp-nhược của người chỉ-huy nên cuộc chiến-đấu thiếu hẳn niềm tin-tưởng là động lực chống giặc rồi, nhân dân hiểu rõ sự tình của mấy ông lớn nên đã có bài thơ mỉa-mai quan Tổng-đốc họ Nguyễn như sau :

*Có quan hùng dũng Nguyễn-
Công-Nhàn,*

*Hùng dũng nhưng mà lại nhát
gan*

*Giặc tới Bến Tranh run lập-cập
Tàu vô Cửa Tiểu chạy bỏ càng.*

*Mưu thần trước biết ngang sông
chấn (2).*

*Kể quý sau toan đóng cửa hàng.
Thất thủ muốn liêu cho rõ tiết,
Ngặt vì con, vợ bận chưa an (3).*

Tác giả bài Đường luật này không phải là không biết quân lực Việt-Nam thua đó quá thua sút, Nguyễn-tri-Phương có vạn quân trong tay mà không giữ nổi đồn Kỳ-hòa thì Nguyễn-Công-Nhàn chống sao nổi giặc Pháp ở Mỹ-tho với một số quân lực ít hơn. Điều đáng chê họ Nguyễn ở đây là thiếu tinh thần tích-cực, thiếu tiết tháo mà thôi. Nếu ai cũng mất tinh thần ngay khi giặc tới nhà rồi thúc thủ chờ giặc đến

tiếp thu thành trì thì còn đâu hào khí cho con cháu nối tiếp cuộc phục quốc sau này ? Chúng tôi vì lẽ này, công nhận búa rìu dư luận có ý nghĩa thích đáng, và sĩ khí của giới lãnh đạo vô cùng quan trọng trước những biến cố của đất nước. Nguyễn-tri-Phương và Hoàng-Diệu sau này (1873-1882) mất thành thua trận đã tuần-tiết. Cái chết của hai ông nhường có tính cách tiêu cực nhưng không phải là hoàn toàn vô ích. Từ xưa tới nay kẻ sĩ của Đông phương đã tìm ra cái lẽ cần thiết và cái giá trị của sự sống cũng như của sự chết. Họ sống đã không phải là để làm cái giá treo áo, cái túi đựng cơm thì cái chết cũng không là để với cỏ cây cùng mục. Cận lai trong trận giặc Thái-bình-dương người Nhật đi đến chỗ bất lợi (1945) một số lớn chiến sĩ Phù-tang và cả nhân dân Phù-tang đã tự tử có phải vì sự tuyệt vọng hay vì cái nộ khí nhất thời đâu mà vì ý muốn kích thích tinh thần của dân tộc và thể hệ tương

(2) Có hàn sông Cửa Tiểu và Bảo định-hà như ta đã thấy trước

(3) Chép theo sách « Bốn vị anh hùng kháng chiến miền Nam » trang 15.

lai. Kết quả rất hiển nhiên và mau chóng là chỉ sau Đệ nhị thế chiến hai mươi năm, kẻ chiến bại hôm qua đã không nhục mà hôm nay lại được nghênh ngang nhìn thẳng vào mặt kẻ chiến thắng.

Ngược lại, người Đông phương rất khinh bỉ những kẻ tham sinh úy tử nhất là kẻ nào giữ một trọng trách trong gia đình hay ngoài xã-hội. Những kẻ đó tóm lại sống đã không được cầu thả thì chết cũng phải cho đáng chết.

Theo quan niệm này, chúng ta có thể tìm ra rất nhiều thi ca của quần chúng đã khen nhiều cái chết vinh và chê cái sống nhục trên lịch-sử. Tỉ-dụ trong vụ Hà-thành thất thủ lần thứ hai (ngày mồng 8 tháng ba năm Nhâm-ngọ — 1882), có việc Tổng-đốc Hoàng-Diệu thua Pháp đã tự vẫn, Án sát Tôn-thất-Bá mượn cớ đi điều đình đề theo giặc, Đề-đốc Lê Trinh giả dò tự tử, Bố-chánh Cao-hữu-Sung trốn lên Phủ Hoài-đức, Ông Nguyễn-văn-Giai tức Ba Giai tác giả « Hà thành chính khí ca » đã viết những ý cảm-khái về Hoàng-Diệu như sau :



*«... Một cơn gió thảm mưa sầu,
Nấu nung gan sắt, dãi dầu lòng
son.*

*Chữ trung còn chút con con,
Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc
cây. (4)*

*Trời cao biển rộng đất đầy,
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm
ghi l*

*Thương ôi trong buổi lưu-ly,
Tắc riêng ai cũng thương vì
người trung.*

*Rủ nhau tiên góp của chung,
Đưa người ra táng ở thung học-
đường.*

Thiệt tha nhẽ, ngần ngại nhường.

(4) Hoàng Diệu treo cổ lên một cành đa bên miếu thờ Quan Công để tự vẫn.

MỘT SỐ THI CA

Tả tơi thành quách, tời tàn vật
nhân.

Ngán thay cho cái phong trần
Tiếc thay cho kẻ phong thần lắm
thay !...

Vì ai nên nổi nước này ?
Đề người danh tiết biết ngày nào
quên !

Giải Nhị-hà, cõi giang biên.
Trăm năm tiêu cốt đề nghìn đời
cõi... »

Nổi theo lời khen tiếc rất thống
thiết lâm ly này cũng tác giả bài
thơ lục bát trên đây có bài mĩa-
mai Để-đốc Lê Trinh như sau :



★ TÂM SỰ

Hai bà ngồi thêu, tán chuyện gẫu với nhau. Một bà nói :

— Anh cả tôi làm chánh án Tòa thượng thẩm, anh thứ giáo
sư anh-văn cấp trung học, anh thứ ba làm trông thanh tra thuế vụ...

— Thế thì chị còn phần nàn nổi gì ?

— Ấy ! Chị nghĩ xem, đâu có sung sướng gì. May mà anh
thứ tư của tôi vừa tìm được chân bồi khách sạn. Nhờ lương bổng
anh ta mà nuôi cả gia đình đấy.

Quan Đền tự tử

Nhắc cân Thát-lĩnh với hồng-mao.
Nghe nói quan Đền kháng khát
sao !

Thất cồ tay đà vịn xuống thấp
Trăm mình đầu lại ngồng lên cao !
Lăn lưng sờ thuốc rơi đầu mắt ?
Lấy hốt làm gươm thích chẳng
vào.

« Tú bắt tử » rồi ngo ngằn mặt,
Hỏi thăm : Quan Bó chạy
đường nào ?

(còn tiếp)

★ THUY DƯƠNG TỬ

nước mắt người em

cho Thanh SV Vănkhóa

mắt em buồn nhỏ giọt quê hương
rưng rưng hàng lệ tuổi mình thương
phận gầy đau đớn miền non nước
em đã buồn như anh buồn thương !

vô tình em khóc hận cho ta
nước mắt mai này sẽ biệt xa
kinh kỳ máu nhuộm ngày sương khói
em có buồn như ta buồn ta

rồi mai này đất nước yên vui
nhớ kẻ ngày xưa có ngậm ngùi
hay đã qua rồi ngày bom đạn
em có buồn ! khi ta ngược xuôi ?

có lẽ em người gái Việt-nam
khóc hờn non, nước một màu tang
quê hương máu lửa ngày điên loạn
em có còn là em Việt-nam ?...



nửa tám lắc bằng nhôm

Truyện ngắn

★ LAN - DINH

MỌI khi tan sở Trúc đi xe buýt đến trường đón San thì vừa kịp. Nhưng chiều nay Trúc đi taxi. Hôm qua Trúc về muộn, bây giờ nàng muốn đón San thật sớm, để bù lại « cái lúc thằng bé phải ngồi một mình buồn so ». Tuy vậy, đường phố vào giờ tan sở hay kẹt xe. Trúc vẫn trễ hẹn với con như thường. Nàng lại nghĩ bụng « Thế này thì con tôi mong mẹ đến đỏ mắt ».

Xưa nay, từ gia đình, họ hàng đến bạn hữu, ai cũng từng biết Trúc là người nhạy cảm. Như

hôm đầu tiên đưa San đi học, Trúc đứng ngoài hè phố, trông người gác cổng « quơ » San vào trong sân, thằng bé đi mấy bước rồi ngoảnh lại nhìn mẹ; thế cũng đủ làm Trúc phải quay vội sang phía khác, khóc thầm.

Ngay bây giờ Trúc cũng sắp khóc được rồi, vì ân hận đã thất hứa với con. Nhất là Trúc còn nhớ rõ mấy lần trước ở trường chỉ còn ông tây đen gác cổng và San. Ông tây đen đứng vắt chéo chân, dựa vai bên cột hiên, vừa hút tẩu vừa trông chừng San. San ngồi bệt trên thảm, trước

NỬA TÁM LẮC BẰNG NHÔM

cửa phòng khách, hai bàn tay đặt trên hai đầu gối, mười ngón xòe rộng, mặt tiu ngiu. Cứ thế cho đến bao giờ Trúc về tới, ông tây đen nhận đứng mặt người quen, mới mở cổng « thả » San ra.

Chiếc taxi dừng lại. Quả nhiên trong sân cũng chỉ còn ông tây đen gác cổng và San. Hai người cùng ngó nhau trông đến thăm hại. San đang ngồi trên cái ghế đá sát cổng trường, ăn lại mẩu bánh « con cua » còn thừa trước khi vào học. Trúc tự nhủ « chắc con tôi chờ mẹ lâu quá, không thể ngồi yên trên thảm được nữa, và ăn bánh cho có việc làm để đỡ nóng ruột... »

Trông thấy mẹ, San vội vàng xách cặp, vùng dậy huých mạnh một vai vào chân ông tây đen, buột khỏi hai cánh cổng khép hờ. Ông tây đen cười hỏn hển làm rung cả cổ bụng phê.

Hai mẹ con giắt nhau đi. San bước lừng bước nhún nhảy, ôn lại một điệu múa nhịp ba :

— Cháu gái tôi như làn nước
Nàng như làn nước linh động
Nàng chạy quanh co bên giòng
suối

mà có bọn trẻ đuổi theo
Chạy đi, chạy nhanh hết sức
chúng bay đi
nhưng không bao giờ
không bao giờ chúng bay bắt
được cháu gái ta.

Trúc cúi xuống, áp hai tay hai bên má San, « chụt ». San gỡ tay mẹ ra :

— Con bé ấy chạy đi đâu thế hả mẹ ? Rồi nó có bị bắt không ?

Trúc bế bổng San lên, dụi mặt vào lòng San, cười no nê :

— Chuyện dài lắm. Đề về nhà, tối nay, mẹ sẽ kể hết San nghe.

Một vùng quê xa khuất, nhưng thơ mộng. Đàn cừ — nhiều như mặt biển ngẫu bọt — lên núi ăn cỏ, hàng rào chân khua vang trên đường dẫn nghe ròn tai tưởng chừng mưa bão làm rụng quả xanh bạt ngàn.

★

Thuở Trúc còn bé, nàng cũng hay tinh nghịch chạy theo con ngói dẫn nước sông vào bãi. Như cô bé mồ côi, trong truyện, xõa tóc, chân không, chạy theo con suối lượn dài giữa đồng cỏ.

Trúc cũng mồ côi mẹ. Cha Trúc buồn, đi đánh bạc, ở mãi đầu suốt ngày, có khi suốt đêm. Có một mình, Trúc chẳng biết làm gì, lại sang nhà cụ Trưỡng, bên hàng xóm, chơi với Điền.

Hai đứa thường ra vườn trầu ở sau nhà, nấp vào những liếp tranh làm trò ú tim. Điền thường hay vật nón trầu, cầm giữa lòng bàn tay, úp xuống, cuống non có nhựa nên dính hẳn vào da. Nhưng Điền bảo « hóa phép » thì mới tài thế. Trúc biết thừa Điền nói khoác, nhưng nàng vẫn giả vờ tin thật, giả vờ tán tụng trăm trổ.

Có khi Trúc ăn cơm luôn ở nhà cụ Trưỡng. Cái chõng tre, dùng làm mâm, thấp nhưng dài gần hết một gian nhà bếp, bát dĩa (1) dĩa tre bày la liệt. Hai hàng ghế đầu bằng mây đan nhiều san sát. Người nhà ngồi gọn ở một đầu mâm, người làm — canh điền, thợ cấy, thợ tát ao — ngồi hàng đôi bên. Đồng vui đến ngon miệng. Bao giờ Trúc và Điền cũng sục chỗ ngồi cạnh nhau. Mẹ Điền hay nâng mặt Trúc lên mà hỏi âu yếm : « con có muốn làm con bu không ». Trúc gật đầu sung sướng vươn tay quàng lấy cổ bà cụ, thỏ

thỏ « có » ! Thế là các chị lại cười rũ ra.

Cho đến tối cha Trúc cũng không cần sang tìm nàng. Hình như ông đã yên trí có chỗ thân tín để gửi con rồi. Còn Trúc, nàng cũng đã mến thích nhà Điền gặp bội nhà mình, ban ngày vui, ban đêm càng vui hơn.

Hai đứa ngồi dựa đồng rơm ở góc sân, chia nhau từng nhúm nỏ, vốc cốm. Sáng trăng. Con trâu to béo, bóng lông lóng, kéo cái trục đá vò lúa, đi vòng quanh. Những người gầy rơ hoa hoa những cây nạng trông ngộ nghĩnh, tựa hình những vai tuồng. Thường thường hai đứa sẽ ngủ quên ở chân đồng rơm, từ lúc nào không biết. Sáng ra, hai đứa đã nằm bên nhau trong giường, các chị vào đánh thức, lại quệt ngón tay lên má, vừa cười vừa nói « lêu lêu »...

Trúc đã thuộc lòng từng thói quen riêng biệt của Điền. Chẳng hạn, có lần nàng đứng bên gốc cây táo, cầm cái mũ cói để hứng quả của Điền ném xuống, bỗng

(1) Thớt bát đáy nông gần giống cái đĩa.

con kiến rơi trúng mắt. Nhớ lời các chị dặn, Điền bảo Trúc ngừng mắt lên, vừa chớp mắt vừa lia lưỡi lên môi trên, ba lần, thì khỏi. Khỏi thật. Từ đó cứ lần nào bị kệnh mắt, Trúc lại làm như thế, và lại nhớ Điền.

Có lẽ, cả quãng đời đó, hai đứa chỉ giận nhau mỗi lần. Vào một vụ hè, hai đứa cùng học thêm, Điền làm toán sai, người anh họ dạy tư đã nói khích « Điền xách cặp cho Trúc không đáng, con trai thua con gái thì nhục lắm ! ». Bấy giờ Trúc sung sướng quá thành vô ý, đã bùng miệng, rứt cổ, cười. Điền giận đỏ tai. Mấy tuần lễ liền, Điền cứ làm đi, dừng dừng. Về sau Trúc phải òa khóc níu chặt tay Điền « Tại anh giáo chứ có phải tại Trúc đâu ? ». Điền bấu môi, dí một ngón tay vào trán Trúc, dần từng tiếng « Liền bà không bao giờ hơn liền ông được, biết chưa ? ». Trúc đã gật đầu lia lịa, cả chấp dài.

Cùng một năm, Điền đỗ tú tài, Trúc mới đỗ trung học. Ngày khai học hàng cũng là ngày cưới của hai người.

Lâu lâu, những đêm mưa rét,

vợ chồng quần sát nhau trong chăn bông, Trúc thường áp má vào ngực Điền, mắt ngược lên mắt anh : « Tại sao dạo xưa mình thù dai thế ? ». Điền lại tát yêu Trúc một cái : « Tôi ghét cái mặt cô làm bộ ! ». Trúc hỏi gan : « Thế cái lần chúng mình còn ở tiểu học, em giúp mình tô màu cái hình lục lăng, rồi hắt xi hơi làm văng nước mũi nhòe hết trang vở, bấy giờ mình đã cảm thước kẻ, định cốc em, sao lại thôi ? ». Điền thủ thi bên môi Trúc : « Anh nhường. Em chứ đứa khác thì anh đã vụt cho một cái nên thân rồi ! »...

Điền lại khom mình, sau bụi cúc tần, dán mắt vào ống nhòm trắc-lượng-kính (2). Vùng trước mặt vẫn im vắng. Sốt ruột, Điền vẫn nói cái tai hồng, xoay cặp ống kính sang phía khác. Cũng một đêm xú mệnh mộng... Nhưng thấp thoáng trong rừng lờ-ờ nào đó, có ngôi nhà. Ngạc nhiên, Điền vẫn vờ núp điều chỉnh cho vòm quan sát trở thành nét hẳn. Đứng ngôi nhà. Hơn nữa, đứng ngôi nhà bức bàn !

(2) Binoculaire

Điền đã đi khắp miền Đông, miền Tây, chưa bao giờ anh gặp kiểu nhà giống lối kiến trúc ở quê anh đến thế.

Ngày xưa, Điền đã mong ước được học đến cử nhân, thề thôi, rồi về làng... làm ruộng, cai quản gia tài của cha mẹ. Điền định lót một vài ô kính xanh đỏ trên mái ngói cho các căn buồng được trở nên sáng sủa. Còn Trúc, hàng ngày nài lại trang hoàng văn phòng của Điền, cái căn buồng có cửa sổ trông ra vườn táo. Như hồi hai đứa còn niên thiếu, vừa biết yêu nhau, Trúc đã hái hoa dạ-hợp cắm vào bình, đan rọ cối đựng thị chín treo lên chần song, ở phòng học của Điền.

Nhưng Điền mới vào đại-học, đã đến tuổi nhập ngũ. Mười mấy năm rồi. Hôm qua Điền còn gửi thư nói dối, Trúc anh vẫn làm tế-mục-vụ ở đơn vị. Sự thật Điền đang ngồi đây! Con kinh vất ngang trục tiến quân, địch cố thủ, nấp trong cánh rừng bên kia, bắn tỉa. Cả chục lần xung phong, ủa xuống nước, cả chục lần súng đại liên quét ngược, đầy lui. Một ngày, một đêm ngâm bần.

Sớm nay, bộ chỉ huy yêu cầu Pháo-binh trợ chiến, bắn vòng cầu

sang phía địch, sư-đoàn phải Điền lên trận tiền, cầm đầu tổ thám sát, và điều chỉnh cuộc tác xạ.

Sức nhớ, Điền moi bức thư giắt kỹ ở túi áo trong, để đọc lại xem có gì quên chưa trả lời chẳng:

Bố yêu,

Chàng thư sinh vốn giòng hào kiệt, xếp bút nghiên theo việc binh đao.

Tháng này Sơn được lên bằng danh-dự, bố ạ. Em thấy giấy nhà trường gửi về khen cu cậu giỏi văn phạm. Công em đấy nhé! Bố thưởng mẹ con em cái gì không? Ắt chắc sau này Sơn sẽ trở thành một nhà ngôn ngữ học, bố nhỉ!...

Cuối thư, những chữ của Sơn to tướng, tròn vo.

Sao lâu thế bố không về đưa mẹ với Sơn đi...

Chợt Điền thấy có gì thoáng rợp trên đầu. Anh lạ lắm ngừng nhìn. Con điều-hâu kếp xù đang sa thấp, nghiêng cánh lượn tròn, vòng bay thu hẹp dần, rồi nó đáp xuống đầm xú. Nhưng thoát cái con điều-hâu đã tung lên, lao thẳng về cuối trời, biến mất. Điền

ngờ vực ngó vào máy ngắm. Anh chưng hửng, tròn miệng ngạc nhiên.

Từng lùm khói đạn mọc lên, hiện rõ trên hai cột sổ ngang dọc, trong vòm kính. Trái tạc đạn thứ tư vẫn còn rơi xa mục-tiêu quá tầm mười-hai ly-giác, và lệch sang bên trái bảy ly-giác.

Điền lại nâng ống nói của máy vô-tuyến-diện 508, nhưng anh chưa kịp gọi về thì đã nghe tiếng rē gió kêu ống-ợo sát mang tai. Quả bích-kích-pháo nổ sát mình và liên tiếp mấy phát liền. Điền bị tung bổng, ném ra xa. Những văng đất bùn bật lên không, kết thành đám mây đen tối xăm, rồi bờ ra, rụng xuống tăn mạn, nóc rừng xô dạt lảo rảo như mưa đá.

Địch cũng tinh ranh, đã khám phá được chỗ nấp của Điền. Một mảnh gang sót qua mặt, ghim xuống vai Điền.

★

Sơn đã ngủ say. Trúc lại gượng nhẹ trở dậy, ngồi thăm trên cạnh giường, hai tay ôm chặt chiếc gối vào ngực, đối diện với khung ảnh của Điền đặt trên mặt bàn ngủ. Điền mặc quân phục trông hay-hay, mới lạ nhưng, chẳng có vẻ

hiên ngang chút nào, trái lại chỉ tăng thêm tướng học trò. Đôi mắt Điền mở rộng, sâu thẳm, sáng mà buồn, như có lửa cháy âm-ỉ ở đáy con người.

Bao giờ Trúc cũng cho rằng lý ra Điền không hợp với nghề võ, anh chỉ có thể làm nhà giáo, hay một nghiệp chủ là cùng. Nhưng gặp thời loạn...

Sớm hôm đó, Trúc vừa đến sở, mới ngồi, chưa kịp làm gì, chị sen đã bế Sơn chạy vào bàn giấy, và chỉ thốt được mỗi tiếng « mợ! » Nhưng Trúc cứ nhìn gương mặt hốt hoảng của người đầy tớ, nàng cũng hiểu hết sự xảy ra. Có ai đưa tới nhà một phong thư màu vàng, và nửa tắm lắc bằng nhôm.

Trúc ôm Sơn, thuê xe đến quân y viện. Một dây dài băng-ca. Viên hạ-sĩ-quan đưa Trúc tới chỗ cái thầy bị vát gần hết mặt, gãy lìa một bên vai. Trúc lầy bầy day mặt Sơn ra sau lưng, và quì xuống, nài so tắm lắc, nửa đang cầm, nửa còn đeo ở cổ người chết. Hai mảnh in hệt từng nét khắc: « Nguyễn-bảo-Điền. SQ. 300.407 ». Trúc rụng rời, xây xăm đến nỗi quên cả khóc.

Trúc không khóc được ngay lúc

nhận xác Điền. Nhưng sau đó, đêm đêm, nàng vẫn khóc thầm trên tóc San.

Đang soi ngắm vào ảnh Điền, bỗng Trúc đặt mình nhận thấy hai bố con giống nhau đến phát sợ. Nàng vội vàng ngoảnh nhìn San. San vẫn nằm thoải mái, mở rộng chân tay, ngáy đều đều, nhẹ nhàng, mắt nhắm vừa khít, miệng lúc nào cũng phảng phất nụ cười. Cái nét ngủ của người nhàn.

Nhưng Trúc lại ngắm ra một cổ bằng chứng báo hiệu đời San sẽ khổ. Trúc để San đứng mùa Đông (những ngày buồn lạnh), hôm hăm-ba tháng chạp (gần kề ngày Chúa giáng sinh để gánh tội cho loài người), 9 giờ sáng (giờ

làm việc). Tính ra thì San (tuổi Dương-cửu : Đa cảm, giàu lòng nhân, can trường, vất vả, già trước tuổi.

Hơn nữa, Trúc còn nhớ rõ nhiều sự thật đã ứng nghiệm, San lọt lòng ở nơi tha hương, chẳng mấy khi được gần bố, mới lên bốn đã mồ côi...

Thình lình Trúc ghì lấy San, buột miệng :

— Không !

San đặt mình, tròn mắt ngạc nhiên, tuy đang nửa tỉnh, nửa mê, nhưng bằng phản ứng tự nhiên, nó cũng bá cổ mẹ, rúc mặt vào nách mẹ, và lại ngủ tiếp. Đêm đêm.



● THÌ RA... VẬY

Dân chúng đô thị Trujillo (Pérou) từ đầu năm 1966 vừa qua không còn được vui chơi ở các « ba » thoát y vũ nữa. Các ba này đều bị đóng cửa do một nghị định khắt khe của Tòa Thị Trưởng. Thì ra vị tân thị trưởng là một người đàn bà.

một nhà toán học
32 tuổi làm sống
lại khoa chiêm
tinh học

các ngôi sao
có thể
làm đổi thay

SỐ MẠNG
CỦA BẠN

★ ĐỨC - TIẾN



NẾU Louis Jouvét là một trong những diễn viên tài ba nhất của nước Pháp, chưa chắc đã phải là vì ông có khuynh hướng về kịch trường. Nếu Anquetil đã ba lần thắng trong cuộc đua xe đạp vòng quanh Pháp-Quốc, chưa chắc đã là vì anh ta có những điều kiện lý tưởng của một nhà quán quân xe đạp.

Bạn có muốn biết sự bí mật nghề nghiệp của họ không? Một người đã sinh ra khi Hỏa tinh vừa mọc. Một người kia đã ra đời dưới dấu hiệu của Mộc Tinh. Điều này có vẻ quá giản dị. Kể từ thời người ta nói sự thành công của bạn tùy thuộc vào các ngôi sao, chúng ta đều có quyền nghi ngờ.

Tuy nhiên, lần này không phải là một tác giả mục tử vì tây phương, cũng không phải là nhà chiêm tinh học, mà là một nhà toán học đứng đắn đã đưa ra giả thuyết mới. Đó là ông Michel Gauquelin, người đã tốt nghiệp viện tâm lý học của đại học Ba lê.

Trước đây các nhà bác học đều không tin là ảnh hưởng của các ngôi sao đối với chúng ta. Nhưng kể từ năm 1955, Gauquelin không tin chắc là các nhà bác học đã đúng.

Mọi sự đều bắt đầu từ ngày ông muốn kiểm soát lại một nguyên tắc cổ xưa của khoa chiêm tinh, nguyên tắc « những căn nhà ».

Một « căn nhà », là vị trí của các hành tinh trong thái dương hệ, ở vào một giờ giấc nào đó trong ngày. Thật vậy, vì trái đất vận chuyển nên các hành tinh đó cũng mọc và lặn như mặt trời và mặt trăng. Kể từ lâu nay, các nhà chiêm tinh học nghĩ rằng vị trí của các hành tinh lúc một người ra đời, có ảnh hưởng tới số mạng của người này.

Gauquelin cứu xét vấn đề đó trên phương diện nhà toán học. Ông cho rằng không cần đến ý đến ngày và năm sinh. Chỉ có giờ sinh và nơi sinh là đáng kể. Vì lẽ vị trí của các hành tinh không giống nhau mà vào giờ phút đó thì vị trí ở mỗi nơi một khác.

Sau cùng, làm thế nào để biết được ảnh hưởng hồ tương? Chính trên phương diện này, Gauquelin đã làm mới mẻ vấn đề. Thường thường, trước đó các nhà chiêm tinh chọn lựa một loạt những người ra đời dưới cùng một dấu hiệu chiêm tinh, sau đó tìm cách khám phá xem giữa đám người đó có điều gì tương quan với nhau.

CÁC NGÔI SAO

Gauquelin trái lại, đã lựa chọn một số người mà số mạng có một vài điểm giống nhau. Sau đó, ông mới tìm xem những gì đã xảy ra khi những người này ra đời. Ông nhận thấy sự phân phối các vụ sinh sản có vẻ như không phải là sự tình cờ. Một vài nghề nghiệp quả đã được đặt dưới dấu hiệu của một hành tinh rõ ràng, đa số những người hành nghề này đã ra đời lúc hành tinh đó mọc hoặc ở trên đỉnh, chứ không bao giờ ở vào một vị trí nào khác. Các nhà quân sự đều sinh ra dưới dấu hiệu của Hỏa Tinh và Mộc Tinh, các thể thao gia dưới dấu hiệu Hỏa Tinh, các tài tử dưới dấu hiệu của Mộc Tinh, các nhà bác học dưới dấu hiệu của Thổ Tinh, các chánh trị gia dưới dấu hiệu của Mộc Tinh, các văn gia chịu ảnh hưởng của mặt trăng, các chủ cơ xưởng chịu ảnh hưởng của Hỏa Tinh.

Dĩ nhiên cũng có những ngoại lệ. Theo Gauquelin, không có gì là tuyệt đối. Nhưng ảnh hưởng của các vì sao đối với số mệnh con người quá rõ ràng để có thể coi đó là sự tình cờ. Đó là một thứ quy luật của Thống kê. Trong vật lý học người ta gọi đó là

« một tác dụng ».

Trước một kết quả kỳ lạ như vậy, một vấn đề được nêu ra: tất cả những bài tính đó có đúng không? Vì lẽ không có gì khó hơn là việc đem số mệnh của con người đặt thành phương trình. Và trong năm năm liền, việc làm của Gauquelin đã được các nhà toán học tài giỏi của viện đại học Ba lê, Fribourg, Bá Linh mang ra mổ xẻ. Người ta tìm thấy những sự lầm lẫn trong phương pháp, người ta sửa chữa lại, nhưng càng ngày tác dụng Gauquelin càng nổi bật lên.

Có những nhà tìm kiếm khác ở Ý, ở Đức, ở Bỉ, ở Hòa Lan đã làm lại những con tính, theo một lẽ lối hoàn toàn độc lập, căn cứ vào những nhân vật tầm tiếng khác ở trong nước họ: một lần nữa tác dụng Gauquelin lại được xác nhận.

Ngày nay, không ai còn coi thường ý kiến của Gauquelin và phân khoa Tâm lý-học thuộc viện đại học Fribourg đã quyết định tài trợ cho ông để ông theo đuổi công việc tìm kiếm.

Vậy có thật là các vì tinh tú xác định sự lựa chọn nghề nghiệp

của chúng ta mà chúng ta không biết không?

— Chắc chắn là không.

Ông Gauquelin đã trả lời như vậy. Ông đã tính toán lại, nhưng lần này ông lựa chọn một nhóm người khác ở trong cùng một nghề như các người trước nhưng khác những người trước là họ không có gì xuất sắc. Trong số những người này, ông không thể thấy có cùng một ảnh hưởng của các hành tinh đó. Như thế là, đối với những người kém cỏi, giờ sinh chỉ là sự tình cờ. Và như thế là tác dụng Gauquelin chỉ thích ứng với những người thành công.

Người ta thường nhận thấy là sự thành công về thể thao, quân sự hoặc về khoa học tùy thuộc nhiều vào tính tình, vào một vài khả năng tâm lý hơn là vào sự can đảm, hoặc những tính chất hoàn toàn trí thức.

● VỀ VỚI THÊ HAY THIẾP

Sau khi một người đứng dậy, ông Chánh Án trịnh trọng tuyên bố:

— « Bị can! ông được Tòa tha bổng. Tòa không xét về vợ hay vợ mà người ta đã khờ tở ông. Ông được tự do về nhà...

Bị can xin hỏi lại:

— Thưa ngài Chánh Án, bây giờ tôi được về nhà bà nào ạ?

Người ta không thể nào tìm thấy một danh từ nào thích hợp hơn để chỉ hiện tượng này đó là năng khiếu. Đối với người dễ thành công, người ta bảo người đó có khiếu. Kể từ nhiều năm nay, các nhà tâm lý học đã cố gắng tìm cách giải thích « năng khiếu ». Tuy không có chủ định, nhưng liệu Gauquelin có thành công trong việc giải thích này không? Tuy nhiên, ít nhất ông đã chứng tỏ là có sự tương quan giữa một vài hành tinh với năng khiếu của một vài người.

Cho tới nay, những điều khám phá của Gauquelin đã làm những kẻ hồ nghi nhất cũng phải lưỡng lự.

Đề kết luận, trước khi chọn nghề cho con của quý vị, có thể quý vị nên xem con quý vị đã sinh dưới dấu hiệu nào.



lời một người

Tôi đi trong mùa xuân
 Tôi về giữa mùa thu
 và ở suốt mùa đông
 Để lòng mình buốt giá
 Sự cô đơn trở về trong im lặng
 Niềm đau, cuộc đời và cõi chết
 Tình yêu thương cũng hết, khô cạn và mục rã
 Còn lại xác thân thôi!
 Ôi, tuổi trẻ, cuộc đời và cõi chết
 Bao giờ được nhìn lại cái tôi của mùa xuân
 mùa thu và mùa đông?

★ NGUYỄN THU MINH



NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH TRONG LỊCH - SỬ NHÂN LOẠI



21.- MESSALINE

★ TÂN - PHONG

(tiếp theo P.T. 173)

MESSALINE chuyên quyền đến tích cực, không ai dám khuyên răn, cản trở, chống-đối. Hầu hết những quan lại cao-cấp, công-chức, tướng-tá, hoặc sĩ quan hầu cận nào được ra vô tự-do trong Triều đình của Hoàng đế Claude, mà có thân thể mập-mạnh, dẻo dai, gân-guốc, rúi-ro bị Hoàng-hậu ghé cặp mắt xanh đến, màu xanh rờn-rợn của mắt mèo, đều lo-sợ sẽ bị làm « công-tác » cho Hoàng-hậu thỏa-mãn nhục dục.

Nhưng Hoàng-hậu lúc nào cũng thấy ngứa ngáy thèm thuồng, cháy da cháy thịt, không bao giờ được thỏa mãn cả. Sử sách chép rằng có nhiều người đàn-ông tuy đẹp trai, khỏe khoắn, nhưng không đủ sức cung phụng Hoàng hậu, liền bị Hoàng hậu tức giận cho uống thuốc độc chết tốt sau khi ôm-ấp lẫn-

lộn trên giường Rồng. Trong số nạn nhân « bất lực » bị Messaline cho về châu Diêm chứa một cách bí-mật tàn-nhân và mau lẹ, có cả hai ông Thượng-nghị-viên có tên tuổi nơi nghị trường : Justus Catonius và Vinicius.

Thế rồi năm 47, hai tướng lãnh âm mưu nổi loạn, Scribonianus và Viniciatus, có một đạo quân hùng hổ dưới quyền chỉ huy của nhị vị tướng quân. Họ định ám sát Claude rồi sẽ thanh toán luôn Messaline. Nhưng cuối cùng quân sĩ không tuân lệnh đó, việc âm-mưu bị đổ bể, hai ông tướng phải tự tử.

Từ vụ đảo chánh hụt ấy, Messaline càng thi hành một chánh-sách cực-kỳ tàn bạo, độc tài, khắc khổ. Nàng khùng bố cả đám quan liêu quý phái ở Triều đình, đàn-áp thẳng tay, khiến cho những kẻ nào còn muốn sống đều phải cụp xương-sống làm đôi trước mặt Messaline.

Tuổi càng lớn, dâm dục của nàng càng khó thỏa mãn được, nàng bày đặt ra những hành phạt khủng khiếp không khác gì các cảnh hoang đường ghê tởm dưới Địa ngục, để cho nàng chứng kiến, như: quăng nạn nhân trong đồng lửa đang cháy phừng-phực, bắt trói tay chân của nạn nhân vào một cây trụ để cho bọn nô lệ thay phiên nhau đánh đập toàn thân bằng đủ thứ roi, roi cá đuối, roi da thú, roi giây cối, v.v... Tội gì? — Tội chống lại mệnh lệnh của Hoàng hậu.

Các nhà lao La-mã đều vang dội đêm ngày những tiếng kêu-la rên-xiết không thể nào tả được.

Polybe, một bạn thân trung thành nhất của Messaline, khuyên can nàng, liền bị nàng sai người ám-sát ngay sau khi nằm với nàng trên giường, vừa bước xuống đất, ra ngoài.

Trong Lịch-sử nhân-loại, những người đàn-bà khao khát nhất về dục-tình, dù như Võ-Hậu của Trung Quốc, Catherine của Nga, Lucrece Borgia của La-mã cũng không thể nào so-sánh kịp với Messaline.

Nhưng việc gì rồi cũng có một kết cuộc. Một con quỷ-cái như thế cũng phải có ngày đền những tội ác ghê tởm của nó. Giờ phút giải phóng của nhân-dân La-mã đã đến sau bao nhiêu tai-họa kế tiếp do kẻ ác-phụ gây ra.

Vị cứu-tinh xuất-hiện, là một chàng trẻ rất đẹp trai tên là Silius. Trông thấy chàng, Hoàng hậu Messaline mê ngay. Nàng si Silius cho đến nỗi nàng bảo sẵn sàng hy-sinh tất cả những người đàn ông khác còn được nàng yêu chuộng, như chú hề Mnester. Silius đã có vợ, tên là Junia Silana. Nhưng Messaline

hăm dọa sẽ giết Silana nếu cản-trở mệnh-lệnh của nàng.

Silana khiếp sợ, đành cam miêng, rút lui trong bóng tối. Messaline công khai lấy Silius, tặng cho chàng không biết bao nhiêu là vàng bạc, châu báu. Rồi vài ba tháng sau, quyết định làm lễ thành hôn chính thức với chàng.

Trước hết, nàng tự tôn lên trước vị Augusta, Hoàng hậu tối cao của La-Mã, nắm trọn quyền trị quốc. Nhưng dù sao, Hoàng-đế Claude, chồng của nàng, hãy còn tại vị, nàng phải đợi ngày Claude đi kinh lý miền Ostie chủ tọa một Đại Lễ Thần-linh ở đấy.

Đây phải nói đến một sự ngu ngốc không thể tưởng tượng được của Claude, Hoàng-đế chính thức của La-Mã. Hôn nhân giữa Messaline và Silius, không phải Claude không biết. Trái lại, Messaline có cho chồng biết

đàng hoàng, và ông chồng Hoàng-đế ấy cũng bằng lòng. Tại sao lạ vậy? Tại vì một mưu mô quỷ quyệt của Messaline. Biết tính Claude rất lo-sợ bị ám-sát, bị tai nạn, và rất dị-đoan, mê-tin những điềm chiêm bao kinh hãi và những lời phù thủy, hoàng hậu Messalinehăm dọa Claude như sau đây :

— Em năm chiêm bao thấy cả thành phố La-mã nổi dậy giết Hoàng-đế... Sợ quá, em vội-vàng đi tìm thầy phù-thủy và các chiêm-tinh-gia danh tiếng. Tất cả đều bảo em phải làm một giấy giá-thú giả mạo với chàng Silius, em phải giả-vờ nhận hẳn làm chồng của em, và Hoàng - đế phải tự tay ký tên chấp-nhận cuộc hôn-nhân đó, và đóng ấn vào giấy giá-thú giả mạo đó, thì Hoàng-đế mới khỏi bị ám-sát và tránh được các điềm hung dữ trong chiêm bao. Hoàng-đế cứ yên lòng,

chỉ là giấy hôn thú giả-mạo thôi, em bắt buộc phải làm như thế và mong Hoàng-đế vui lòng chấp nhận như thế, chỉ vì tính-mệnh của Hoàng-đế đang lâm nguy, đang bị bọn quý-sứ có sừng ở Âm-phủ lại phá. Nếu Hoàng-đế bằng lòng thì bọn quý-sứ tướng Silius là Hoàng-đế chồng của em, và chúng sẽ giết chết Silius, chứ không giết Hoàng-đế. Đó là mưu mô bí-mật giữa Hoàng-đế với em để đánh-lừa lũ quỷ Satan có thể tính-mệnh của Hoàng-đế mới được chu-toàn.

— Còn thằng Silius thì sao ?

— Em phỉnh nó ký tên vào giấy giả-thú với em, nó đã chịu rồi. Em giấu kín, không cho nó biết vụ chiêm-bao của em, và vụ quý-sứ Lucifer sẽ giết hại nó. Em phải hy-sinh tính mệnh của Silius để cứu tính mệnh của Hoàng-đế, Hoàng-đế có hiểu em không ? Có yêu em không ?

— Ừ, Hoàng-hậu muốn sao cũng được.

Thế là Claudenghe lờ Messaline liền hạ bút xuống giả-thú, ký tên vào giấy đóng kèm ấn đỏ một bên, chấp nhận cuộc hôn-nhân « chính-thức » giữa Hoàng-hậu Messaline, vợ của ông, và chàng Silius, một thanh-niên đẹp trai của La-Mã.

Ký xong giấy, Claude yên lòng đi Ostie, không còn sợ bị dân chúng ám-sát nữa. Trong Lịch-sử Thế-giới từ xưa đến nay, thật không có ông vua nào ngu ngốc đến thế.

Vắng Claude, Messaline liền tổ-chức lễ cưới vô cùng long-trọng với Silius ngay trong Cung-Điện Hoàng-đế. Cùng những công bộc trung thành với nàng, những kẻ hầu-hạ, tôi-tớ, những bọn nịnh-thần vì thấy Claude dần dần quá, chắc không ở ngôi được lâu nên họ bám vào Messaline, nàng mở yến tiệc linh-dinh, thết đãi Triều thần

có hàng nghìn người tham dự, chúc mừng, y như đám cưới thật của Hoàng-hậu. Thôi thì ăn uống say sưa, tung bừng hoan lạc, dờn ca nhảy múa nhộn cả kinh đô. Nàng còn có ý-định sẽ tôn Silius lên ngôi Hoàng-đế, sau khi tìm cách thủ tiêu Claude.

Nhưng một nhóm người trung thành với Claude định gặp Vua, nói rõ hết câu chuyện cho vua nghe và bàn việc ám-hại Messaline. Ba người hăng hái đi tìm Hoàng-đế: **Narcisse**, **Callistus**, và **Pallas**. Nói chuyện đám cưới cho vua nghe, Vua bảo:

— Chuyện Hoàng-hậu làm, Trẫm đã biết rồi. Trẫm đã bằng lòng ký giấy chấp nhận cuộc hôn thú, vì đó chỉ là giấy giả-mạo để đánh lừa bọn quỷ Satan muốn ám hại Trẫm đó thôi.

Nghe Hoàng-đế nói, ba nhà mưu-sĩ bật ngựa ra.

Callistus và Pallas thấy việc âm-mưu bại-lộ, liền rút lui, để khỏi bị Messaline lấy đầu. Nhưng Narcisse quyết hành động một mình.

Theo đúng kế hoạch đã định, ông có thuê hai con điếm, và dắt theo với ông: **Calpurnie** và **Cléopâtre**. Hai ả chạy đến náu áo Hoàng-đế mà la hét ầm-ĩ, bảo Hoàng-đế đã lấy 2 ả có thai. Claude tái mặt, chưa hiểu chuyện chi nhưng đã run cầm cập như con cây sậy. Ông chỉ sợ các quan và dân chúng đòi truất ngôi, vì hành động bỉ-đồi kia, dù là chuyện hoàn toàn vu khống.

Nhưng Narcisse giả vờ can thiệp ngay. Ông đánh hai con điếm nói láo, và tâu cho Hoàng-đế biết tất cả mưu-mẹo của Hoàng-hậu, và chính hai con điếm này cũng là mưu của Hoàng-hậu muốn làm nhục Hoàng-đế, để Hoàng-đế bị truất ngôi.

Hoàng-hậu sẽ lên kế vị và sẽ tôn Silius lên ngai vàng.

Claude tức giận quá, nghe lời Narcisse quyết đem quân sĩ trở về La-mã gấp rút để trừng phạt Messaline và bẻ lũ nịnh thần đồng lõa với nàng.

Trong khi đó, ở kinh-đô, Messaline đang say sưa yến tiệc với người yêu mới... Bỗng có tin Claude hồi kinh. Ai nấy sợ hoảng vội-vàng chạy tán loạn hết. Nhưng đám lính hộ-vệ của Hoàng đế phi ngựa về trước, đã ủa vào thành, chặn bắt tất cả những người dự tiệc.

Silius bị tử hình tức khắc. Những ai từ trước đến giờ đã liên lạc với Messaline, có cảm tình với Messaline, đều bị sát phạt hết. Traulus Montanus, một cậu thanh niên đẹp giai, bị Messaline bắt đem vào ngủ một đêm, bây giờ có người khai ra, cũng bị chém đầu.

Sau khi chứng kiến cuộc **đền nợ máu** của hàng trăm người trong một lúc, Claude vào phòng tiệc, ăn uống ngon lành, phớt tỉnh. Narcisse hỏi :

— Tàu Hoàng thượng, còn Messaline thì sao ?



— Đề sáng mai hẳn hay. Narcisse biết tính sợ vợ và ngu-ngốc của Claude, Nếu đề đêm nay Messaline năn nỉ i-ôi với chồng, thế nào Claude cũng nghe lời nàng và chắc chắn sáng ngày mai, Narcisse sẽ mất đầu. Biết trước như vậy, ông làm thỉnh bỏ ra ngoài. Gặp một chú lính hộ vệ của Vua. Ông bảo :

— Mày vào phòng của Messaline, giết nó chết ngay bây giờ. Lính của Hoàng-đế.

Messaline trốn ra vườn của Lucullus, nằm lẩn xuống đất. Mẹ nàng, Lepida, ngồi cạnh, khuyên nàng nên tự tử. Bốn năm người lính hộ-vệ đang đi kiểm. Nàng, vừa trông thấy nàng, chưa kịp đâm thì nàng đã lấy dao găm

tự thọc vào cổ họng. Máu phọt ra đỏ lôm.

Claude đang ngồi ăn, chưa xong. Lính chạy vào báo tin :

— Tàu Hoàng-đế, Messaline đã tắt thở.

Claude không nói một câu. Ăn phớt tỉnh đến no-nê, ông bảo quân hầu :

— Cho Trăm một ly nước uống !



★ CÔ TÌNH NHÂN RANH MÃNH

Một chàng thanh niên si mê một Vũ nữ tại Vũ trường. Chàng muốn tỏ tình tha thiết, hỏi người yêu :

— Anh muốn tặng em một món quà trong ngày sinh nhật của em. Em cho anh biết sinh nhật của em là ngày nào ?

Nàng điềm nhiên đáp :

— Ngày Thứ Bảy, anh ạ.

★ TÌNH VÀ TIỀN

Nàng.— Anh yêu em vì anh biết em có cái vốn hai trăm ngàn đồng, phải không ?

Chàng.—Ồ, sao em nghĩ thế ? Anh yêu em đâu phải vì tiền ! Thi dụ em chỉ có cái vốn một trăm ngàn anh cũng yêu em cơ mà !



* Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo P.T. 173)

ĐỒ NG thời ở Saigon Cộng sản Đệ-tứ quốc-tế ở Pháp về, quyết tranh đấu chống lại Cộng-sản Đệ tam mà anh em Đệ-tứ cho là nô-lệ của Nga-sô, và tay sai của tư bản thực-dân, không thực tâm bên vực giai cấp vô sản « An-nam ». (Lúc bấy giờ, đến cả Cộng sản cũng ưa dùng danh-từ « An-nam » đã quen miệng).

Trái lại, anh em nhóm Cộng-Sản Đệ-tam kết án nhóm Cộng-sản Đệ-tứ là tay sai của đế-quốc, phản bội giai-cấp cần-lao và vô-sản thế-giới.

Các giới thợ thuyền Saigon lại thích Đệ-tứ hơn là Đệ-tam, không phải vì lập trường « đấu tranh » của Đệ-tứ hợp với quyền lợi của họ, nhưng chỉ vì mấy anh lãnh-tụ Đệ-tứ « nói hay », « nói giỏi » quyến rũ được các giới bình-dân, lao-động hơn mấy anh bên Đệ tam. Tạ-thu-Thâu, Phan văn-Hùm, Trần-văn-Thạch, những lãnh tụ Đệ-tứ quốc-tế An-nam, lúc bấy giờ là những thần-tượng thần yêu nhất của quần-chúng vô-sản An-nam. Bên Đệ-tam quốc-tế cũng có nhiều tay cừ, trong số đáng kể nhất có Dương-Bạch-Mai, Nguyễn-văn-

Tạo, nhưng Mai và Tạo không duyên-dáng, hoạt-bát, cởi mở bằng Tạ-thu-Thâu chẳng hạn, cho nên không lôi kéo được quần chúng mấy. Lối tuyên truyền của mấy chú Cộng sản Đệ-tam (theo mệnh-lệnh của Staline) cứng rắn quá, câu-nệ quá, cổ chấp quá, trong lúc miệng lưỡi của mấy chú Cộng sản Đệ-tứ (theo tôn-chức mới của Trotsky) thật là khôn ngoan, hoạt bát và hoàn-toàn cởi mở. Lý thuyết Trotskysme do các anh hấp thụ được ở Pháp, đem nhập cảng về Saigon, được đem ra mớ-xẻ, với tất cả tài hùng biện uyên chuyên, thích hợp với tâm-lý dễ-dãi và vui vẻ của quần chúng lao động Nam-kỳ. Do đó, phe cộng sản Đệ-tứ gặt được nhiều thắng lợi hơn phe Cộng sản đệ-tam.

Một lý do khác, cũng không kém thực-tế, khiến cho Cộng Sản đệ-tam mất nhiều uy-tín đối với quần-chúng lao-động cũng như trí thức (nói theo danh-từ mới của Cộng Sản : *lao động chân tay và lao động trí-óc*), là sự nắm chánh quyền của Mặt trận Bình-dân Pháp trong đó Cộng-sản đệ-tam chiếm ưu-thế. Cộng-sản Đệ-tứ không tham-gia nên được dịp lớn tiếng

đả-kích Đệ-tam lúc đứng về phe đối-lập thì đòi « giải phóng các dân-tộc bị áp-bức » nay đã lên nắm chánh quyền lại chủ-trương duy trì các thuộc địa, không đá-động đến vấn-đề giải phóng nữa. Đệ-tứ khôn-khéo vin vào nhược-diểm đó để mạt-sát Đệ tam là « lừa gạt giai-cấp vô sản bị-trị », « bắt tay với đế-quốc chủ-nghĩa » để được hưởng quyền-lợi, và tiếp-tục chánh sách thực-dân, đàn-áp nông dân và thợ thuyền. Dĩ-nhiên, các lãnh tụ Cộng Sản Đệ-tam quốc tế ở Đông-Dương, nói riêng ở ba « Xứ An-nam » hành-dộng theo mệnh-lệnh của « Nga-Xô Vĩ-dại » (dưới quyền độc-tài của Staline), không thể bào-chữa cho trôi chảy chánh sách mâu thuẫn của đảng đối với dân thuộc địa. Nhóm Đệ-tứ (cơ quan tranh-đấu ở Saigon là báo *La Lutte*, ở đường Lagrandière, GiaLong hiện nay) tiếp-tục đả-kích Đệ-tam chung quanh quan-diểm trên, và tố cáo Mặt trận Bình dân Pháp là tay sai của thực-dân, đế quốc.

Suốt thời gian tranh đấu giữa hai phe Cộng Sản, bên nào cũng tự xưng là theo đúng lập trường Mác-xít-Lê-ni-nít (Marxisme-

Lénisme) trừ các phần-tử đã gia-nhập vào Đệ-tam, còn hầu hết thợ-thuyền lao-động đều theo nhóm Đệ-tứ. Uy tín của Tạ-Thư-Thâu nổi dậy như cồn.

Trái với Sài-gòn. Hà-nội không có Đệ-tứ. Thấy vậy, nhân kỳ Hội nghị Đông-Dương nhóm Đệ-tứ ở Sài-gòn phái một cán-bộ nòng cốt ra hoạt động ở Hà-nội. Tên anh này là Huỳnh-văn-Phương, tự xưng là sinh viên Cao-đẳng Luật-khoa, nhưng anh chỉ ghi tên là « auditeur libre » thính giả tự do.

Bắt đầu, Huỳnh-văn-Phương hợp-tác với nhóm Đệ-tam của Võ-nguyên-Giáp, làm báo *Le Travail*, bằng Pháp-ngữ. Chỉ một thời-gian ngắn, *Le Travail* bị đình bản. Nhóm Võ-nguyên-Giáp ra riêng một tờ báo khác, *Le Rassemblement*. Lần này Huỳnh-văn-Phương bị bỏ rơi. Tuấn có quen biết Huỳnh-văn-Phương trong các cuộc gặp-gỡ về báo-chí và các cuộc vận-động tranh-đấu chống phát-xít. Tuấn thấy rằng trong lúc Hà-nội và các tỉnh Bắc-kỳ chưa có một người nào của Đệ-tứ Quốc-tế mà Tạ-thư-Thâu phái ra một cán-bộ như Huỳnh-văn-Phương để đối chọi lại nhóm Đệ-tam, là một điều hớ-hên, sơ-sốt, rất quan trọng.

Huỳnh-văn-Phương thiếu rất nhiều đức tính của một chiến-sĩ Đệ-tứ, về tài hùng biện, về lý-thuyết Các-Mác, Lê-nin, Trotsky, anh ta thua xa Đặng-xuân-Khu, lý-thuyết-gia của nhóm Cộng sản Đệ tam. Người ta thường gọi Khu là « théoricien rouge », lý-thuyết-gia đỏ. Về lập-luận, Phương kém Võ-nguyên-Giáp. Tuấn nghĩ rằng nếu Tạ-Thư-Thâu ra hoạt-động ở Hà-nội một thời-gian, chắc chắn Thâu sẽ gây được một phong-trào Trotskyisme khá mạnh, đủ sức đương đầu với nhóm Đệ-tam. Tạ-Thư-Thâu lại gọi Huỳnh-văn-Phương, một tên « em út » chưa có kinh-nghiệm tranh-đấu. Cho nên Phương bị cô-lập, không thể nào xây-dựng được một cơ-sở cho phong-trào.

Huỳnh-văn-Phương còn trẻ tuổi, rất hăng say, nhưng anh ta không đủ tư-cách và thiếu phương-tiện. Anh ta không tạo ra được một tiếng vang nào cả. Một thời-gian sau, anh ta bị chìm trong quên lãng.

Suốt thời-kỳ Mặt trận Bình-Dân, một số đông tù-nhơn chính-trị được trả tự-do. Tù-nhân Cộng-sản cũng được « ân-xá ». Đảng

Cộng Sản Đông-Dương khai-thác ngay tình-thế, và tất cả đảng-viên ở lao tù mới được ra đều được lĩnh hoạt-động trở lại ngay. Họ lập các tiểu-tổ khắp nơi, và số đảng viên mới lên đến 10.000 người, chưa kể những người có cảm tình với họ, nhưng không vào đảng. Khuất-duy-Tiến (thời kỳ Việt Minh nắm chánh quyền, anh ta làm đốc lý thành phố Hải phòng), Trần đình Tri (thời V.M làm Ủy viên thanh-niên ở Ủy ban kháng chiến Trung-Bộ, Huế) Đào

Duy-Kỳ (em ruột Đào-duy-Anh) đều ở Côn-Lôn về trong dịp này. Cả ba được giao phó làm một tờ báo Việt-ngữ, ở đường Henri d'Orléans, tờ « Tin Tức. »

Công việc đầu tiên của tờ báo này là nhiệt liệt ủng hộ cuộc di xe máy từ Saigon ra Hà-nội của một cổ gái bình dân ở Saigon, mới 17 tuổi, cô Hồ thị...

Vụ này gây ra nhiều dư-luận rất xôn xao, từ Nam chí Bắc.

(còn nữa)



● RƯỢU « MỘT CÂY ! »

Bốn người bạn vào tiệm rượu. Một người gọi bồi :

— Cho tôi một ly Whisky.

Người thứ hai :

— Cho tôi một ly Cinzanno.

Người thứ ba :

— Cho tôi một ly Martell.

Đến người thứ tư, anh bồi hỏi uống gì, chàng đáp :

— Tôi cũng như ba ông kia.

những người xã-hội là những người con Phật

■ THIẾU - SƠN

Có nhiều bạn trong số độc-giả tạp-chí Phổ-Thông đã hỏi tôi :
— Tôi theo dõi những bài ông viết trong tạp-chí Phổ-Thông ông ông Nguyễn Vỹ và ông có nhiều điểm khác biệt về tư tưởng và lập trường, sao các ông lại có thể hợp tác với nhau được lâu như thế ?

Tôi đáp :

— Ông nhận xét rất đúng. Nhưng ông chỉ thấy chỗ khác biệt mà không thấy chỗ

tương-đồng. Chúng tôi là những con người cần bút biết tôn trọng ý-kiến của nhau. Rất nhiều bài tôi viết khác hẳn với quan điểm của ông Vỹ nhưng ông không lấy quyền Giám-đốc mà sửa đổi ý kiến của tôi vì ông cho rằng tôi chịu trách nhiệm về những bài của tôi cũng như ông chỉ chịu trách nhiệm về những bài của ông thì tại sao chúng tôi lại không thể hợp-tác với nhau được ? Hơn nữa, Phổ-Thông là một

NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI

tạp-chí văn-hóa, nó có thể dung-nạp được ý-kiến của tất cả mọi người miễn là người viết đừng tỏ ra thiếu khả-năng văn nghệ hay thiếu căn-bản văn-hóa là đủ rồi. Phổ-Thông không phải là một tờ báo chính-trị thì cần gì chúng tôi phải đứng chung một lập-trường chính trị với nhau ? Bởi thế nên sự hợp tác của chúng tôi rất êm-đẹp và có thể là điển hình cho một sự chung-sống hòa-bình rất cần-thiết cho con nhà cầm bút trong hoàn cảnh xã-hội lúc này.

Tuy nhiên, nói thế không phải chúng tôi không tranh đấu tư-tưởng với nhau đối với nhiều vấn-đề thấy cần phải làm sáng-tỏ chân-lý. Đã nhiều lần chúng tôi đã thảo luận sôi nổi trong những câu chuyện riêng tư. Nhưng lần này tôi thấy cần phải thương-xác với anh Nguyễn Vỹ ở ngay trên tờ báo của

anh và tôi chắc anh sẽ không hẹp lượng mà không cho tôi nói.

Tôi muốn nói tới bài « Tuấn, chàng trai nước Việt 1910—60 » đăng trên P.T. số 172 ra ngày 15-5-66.

Trong bài đó anh Nguyễn Vỹ có nhắc tới Phong-trào « Mặt trận Bình Dân » mà nhắc tới một viên công-sứ Nghệ-An tên là Jeannin người đảng Xã hội SFIO. Anh nhắc tới những lời nói của Jeannin trước một cuộc tụ-họp của hàng ngàn dân-chúng ở thành-phố Vinh hồi đó như sau : « Thừa các bạn, tên tôi là Nguyễn văn Jeannin và tôi là người An-nam trong tim (Annamite de coeur) cũng như các bạn vậy. » Có nhiên là Nguyễn-văn Jeannin được hoan-hô nhiệt-liệt.

Và anh Nguyễn-Vỹ đã kết-luận như sau :

Đừng

midol

thoát các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÊN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Dĩ nhiên, không bao lâu những quả bong bóng kia xì hơi xẹp lép và «*thằng dân An-Nam*» sau những đêm liên hoan tưng bừng chào đón phong trào «*Mặt trận Bình dân*» Pháp, lúc tỉnh dậy sờ vào mặt mình, vẫn thấy cái mũi mình không cao như cái mũi của Nguyễn-văn Jeannin.»

Nhận xét của anh Nguyễn Vỹ thật là di-dòm và chắc chắn đã làm vừa lòng một số đồng bạn đọc phần nhiều đều có đầu óc quốc-gia. Nhưng tôi từng là một đảng viên của đảng S.F.I.O tôi thấy những nhận xét đó có bao hàm những tư tưởng kỳ thị chủng-tộc là điều mà con người xã-hội không thể chấp nhận được. Tôi đồng-ý là Jeannin đã đóng kịch. Hắn đã lợi dụng danh-nghĩa là một đảng viên đảng Xã-hội để mị-dân và để hưởng ứng phong-

trào. Nhưng hắn còn là một viên quan cai-trị, một vị công-sứ của chánh-quyền thực-dân. Khi phong trào xẹp xuống thì hắn lại giấu kín thể đảng viên xã-hội và sẽ để lộ bản mặt thực dân của hắn ra. Nếu hắn là người Việt-Nam thật ở vào địa vị đó có lẽ hắn cũng không làm khác hơn thế, trừ phi hắn xin từ chức và chịu nhận tất cả mọi hy-sinh. Nếu anh Nguyễn-Vỹ chỉ nói tới những hành động của Jeannin trong lúc đó và sau lúc đó để nêu rõ sự tương-phản thì tôi cũng không nói tới làm gì. Nhưng đảng này anh đã nói tới cái mũi của Jeannin thì chính đó là một điều tôi cần phải thương-xác với anh.

Trong những năm đầu kháng chiến, tôi đã nhiều lần gặp Jeannin ở các cuộc nhóm họp tại trụ sở. Tôi thấy anh không phải là người ở cánh

tả và cũng như một số đồng chí Pháp khác, anh rất đề-dặt trong cuộc tranh-đấu đòi độc-lập cho Việt-Nam.

Bọn này chỉ muốn cho V. N. một chế-độ tự-do rộng-rãi trong đó người Pháp còn giữ được địa-vị và quyền lợi của họ. Đại-khái Jeannin không làm công-sứ thì vẫn có thể làm một cố-vấn chánh trị gì đó. Tôi còn biết nhiều anh khác nữa đã giành được những địa-vị khá-quan hơn Jeannin như anh Nosmas đã từng làm Đồng-ly văn-phòng cho Thủ-Tướng Nguyễn-văn Xuân.

Một chánh-phủ Việt-Nam mà có một ông Đồng-ly văn phòng người Pháp là một điều khó coi. Nhưng Nosmas rất lấy làm hãnh-diện về địa vị của mình. Anh đã lôi kéo chúng tôi về phe với anh để ủng-hộ «*Thủ-Tướng*» của anh. Và cố nhiên là chúng tôi không để cho anh lôi-kéo

Chẳng những chúng tôi là người Việt-Nam mà một phần lớn đồng-chí Pháp thuộc cánh tả cũng không tán-thành thái-độ của anh. Họ cho rằng nền độc lập của Việt-Nam phải là một thứ độc-lập thật sự. Chánh-phủ Việt-Nam phải do người Việt-Nam tạo nên chứ không phải là một thứ chánh-phủ bù nhìn của thực-dân Pháp. Và muốn vậy thì phải thương thuyết với kháng-chiến, trả độc-lập cho những kẻ chống đối với mình chứ không phải cho những kẻ làm tay sai cho mình.

Đầu năm 1946, có một kiến nghị đầu tiên đòi độc-lập cho Việt-Nam lại do những người Pháp ký tên, trong đó có vô số đảng viên Xã-Hội. Sau đó bọn thực dân đã khùng bố một cách tàn bạo những người ký kiến-nghị. Có người bị chửi bới

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

bị đánh đập, bị tước tích, có một phụ-nữ bị cạo đầu, hèn nhục ở ngay đường Tự Do, và những người đó đều có lỗ mũi cao. Trong khi đó biết bao nhiêu người có lỗ mũi xẹp lại cam tâm phục vụ thực-dân, chửi lại kháng chiến, đánh lại kháng chiến, làm biết bao nhiêu điều ô-nhục để kiếm chút bơ thừa sữa cặn. Tôi không vội lên án những đồng-bào đã như thế thời lầm lạc vì chính về sau đã nhiều người giác-ngộ và sửa lại thái-độ của mình. Tôi cũng không quên rằng chủ-nghĩa thực-dân vẫn ngự-trị trong tâm-hồn đa-số người Pháp trong đó có cả những ông « Tây Xã-Hội ». Nhưng tôi phải nhìn nhận rằng những người xã-hội chân-chính luôn luôn vẫn trung-thành với Jaures, với Jules Guesde và luôn luôn tranh đấu cho độc-lập dân-tộc, cho tự-do dân chủ, cho tình hữu - nghị quốc-tế, cho Hòa-Bình nhân loại. Đối

với những người đó tôi không phân-biệt lỗ mũi họ cao hay xẹp, màu da họ trắng hay vàng và chỉ thấy họ là những con người xứng đáng nhất, đẹp-đẽ nhất đáng yêu nhất. Họ có thể nói với tôi họ là những người Việt-Nam trong tim mà tôi vẫn tin họ được. Nhưng cố nhiên họ không phải là Jeannin, là Nosmas. Mà họ là Caput, là Prétou, là Valère, là Hervochon v.v.. Họ lại không bao giờ nói họ là người Việt-Nam trong tim, nhưng họ chỉ nói họ là người, họ là anh em với tất cả mọi người vì tất cả mọi người đều có những dòng máu đỏ. Đức Phật cũng nói : « Giữa người với người không có gì khác biệt Máu ai cũng đỏ cả ».

Tôi viết bài này giữa mùa Phật-Đản nên tôi cho rằng những người xã hội chân chánh đều xứng đáng là những người con Phật.



CUỘC DIỄN

Nhà đêm vùng dậy
Bom nổ súng gầm
Quê hương là đây !
Tôi ngồi lặng câm

Ly cà-phê đắng
Khói thuốc nồng môi
Tôi nghe mẩn mẩn
Mùi hương cuộc đời

Với quê hương này...
Tôi còn sống đây !
Xác thân rời rã
Cơn sầu trên tay

Với thành phố này...
Tôi sống hôm nay !
Còn đâu nước mắt ?
Khóc đêm khóc ngày...

Tiếng cười dâm dật
Vang trong phòng trà
Ngoài bao thước đất
— CHIẾN TRANH VÀ TA !

Hỏa châu lờ sáng
Sôi khuôn mặt sầu
Một tâm hồn trắng
Còn gì nữa đâu ?

Ôi trời CHÂU-Á !
Hai mươi năm rồi
Nào hương vị lạ ?
— Máu và xương thối...

★ YÊN - BẢNG



BÀ
GIÁO TIMM • | **August Derieth**
Thanh-Việt-Thanh dịch

(tiếp theo P.T. 173)

TỐI hôm đó, đứa bé lại đến nhìn bà Timm qua cửa sổ.

Nó vắng mặt suốt ngày, luôn cả ba đứa lớp trên nó cũng thế. Bà Timm ngờ rằng chúng còn bận giúp việc cho cha mẹ ngoài đồng.

Nhưng khi bà bắt chợt vào lớp thì bỗng thấy đứa bé ấy đang lẫn trốn. Rồi một lát sau, bà lại thấy nó trở lại và nó

cũng nhìn bà qua cửa sổ. Gương mặt nó hiện ra rõ ràng trong bóng tối, mắt vẫn luôn luôn chăm chú nhìn bà.

— Kìa em, em có muốn vào lớp một chốc không? Bà Timm ngọt ngào hỏi.

Không nói một tiếng nào cả, nó lặng lẽ theo bà. Nhưng nó chỉ đi dài theo chân ngưỡng cửa, rồi bỗng dừng lại ngoài vòng ánh sáng của ngọn đèn.

BÀ GIÁO TIMM

Đôi mắt ưu tư của nó vẫn luôn nhìn bà Timm.

Bà cố gắng bình tĩnh, gương cười bắt chuyện với nó:

— Tôi tìm tên em trong sổ và được biết em là Joel... là Joel phải thế không em?

Nó chỉ gật đầu không nói.

— Và em đã phải ở lại lớp tư hai năm?

Nó lại gật đầu.

— Chắc tại em không có thì giờ nhiều phải không?

— Vâng!

Bấy giờ nó mới chịu trả lời nhưng bằng một tiếng ngắn quá nhỏ, rất khó nghe.

Nhìn vào trán nó, bà Timm thấy có một vết sẹo to mà vết sưng còn ngàu đỏ, bà chợt hỏi:

— Tại sao em bị thương vậy, hở Joel?

Nhưng liền đó, như chính đứa bé đã trả lời, bà chợt hỏi tiếp theo ý nghĩ vừa thoáng qua óc:

— Em đã té thang lâu ở đây, nơi trường này, phải không?

Một lần nữa, nó lại gật đầu nhìn nhận.

Đứa bé quả thật là con của Tom Robb. Nhờ những lời thổ

lộ ỡm-ờ của một trại chủ, nên giờ bà mới biết được đích xác những gì đã xảy ra cho Joel. Hơn thế, vết sẹo nặng nề to lớn kia đã giải đáp trọn vẹn cho bà. Ừ, chính cái tai nạn cầu thang đó là cái nguyên nhân làm cho Tom phải điên dại, phải nuôi nấng sự hiềm khích, thù hận và chống đối với học đường qua cái nhìn hung tợn.

Trong giây phút, đối với những điều mà bà đã chứng kiến, bỗng nhiên bà cảm thấy như có một yếu tố tình cảm nào dâng lên, thêm thắt trong lòng bà, khiến bà cảm động: « Ừ, nó thiếu cả tình thương, thiếu cả những săn sóc, những vuốt ve âu yếm của mẹ hiền... thêm vào đó, còn có những định mệnh khắc khe, cay nghiệt mà cha nó đã hoài công chống đối cho nó. Nó đang thèm khát một tình thương sâu rộng như đang thèm khát một vật miễn cảm nào khả dĩ đưa được nó qua khỏi vòng lẻ loi, cô đơn từ thề xác đến linh hồn ». Giọng bà Timm bỗng nhẹ nhàng êm ái:

— Joel ơi, hãy đến thật gần cô nữa đi!... Đứa bé ngập ngừng từng bước, từng bước rồi bỗng run run, toàn thân chú

hắn xề phía trước như chực muốn chạy trốn.

— Kìa Joel ! Joel sao em lại sợ cô ?

Nó lắc đầu không đáp.

Bà Timm lại van nài, êm ái hơn :

— Này em xem, cô có sợ gì em đâu ? Cô muốn dạy em học mà ! Ừ, nếu em không đến học ban ngày được, cô sẽ dạy em vào đêm, em bằng lòng vậy nhé !...

Bà đứng dậy... Nhưng nó vội lẫn về phía hàng ba, rồi bỗng lượn cút đi như một làn gió. Khung cửa sổ — nơi mà nó biến thoát — vẫn luôn mở rộng, đen thẫm một màu. Ánh trắng nhoẹt nhòe in trên sàn ván một bóng mờ hư ảo, khác hơn bóng ngàn phong. Rồi chỉ trong giây phút, bóng ấy tan đi. Màn đêm lại phủ về, đen thẫm hơn.

Chạy vội vàng ra cửa, bà giáo gọi luôn tên đứa bé. Trả lời bà, chỉ có âm vọng mơ hồ. Im lặng.

Xa xa, gió ngàn rên rĩ trong rừng phong già cỗi. Hút cuối con đường, tiếng chó tru ròi rạc mà giọng nó nghe như tiếng rống của một con bò cái, lê thê

và buồn nản.

Đêm đó, bà về nhà trọ rất trễ vì bà đã phải hoài công chờ đợi sự trở lại của thằng bé.

Thế nhưng mà, lúc nào cũng vậy, qua cân não, hình như bà vẫn luôn thấy gương mặt nó hiện ra, hiện ra để nhìn vào khung cửa học đường và để chăm chú nhìn bà. Cũng với mặc cảm đó, bà lại thấy hình như nó đã theo dõi bà trong suốt khoảng đường từ trường học về đến nhà trọ.

Dù đã khuya, Abigail và Lettie vẫn còn thao thức sốt ruột chờ bà. Qua tia nhìn chứa chan niềm thân ái và lo lắng của họ, bà Timm cảm động khế trách yêu :

— Từ nay hai cô đừng nên chờ tôi khuya khoắt như thế nữa nhé ! Vì như vậy, vô tình hai cô đã làm cho lòng tôi không yên, lương tâm tôi bị cắn rứt...

— Không phải thế đâu, bà ạ ! Cô Abigail ngắt lời bà.

— Thực ra chúng tôi có bồn phận phải bảo đảm và trông nom sự đi về của bà. Vì nếu không, mọi trách nhiệm rồi ro đều thuộc cả cho chúng tôi...

— Và bây giờ thì... chúng

tôi đã nhẹ lo rồi !... Cô Lettie phụ họa và đôi mắt cô vẫn luôn liến láo, xét dò.

Bà Timm bỗng nhìn trời rồi thông thả :

— Đêm nay thật là yên tĩnh, thật là êm đềm và thú vị !

— Và như thế, chắc bà đã không bị sự quấy rầy gì ? Cô Lettie nhấn mạnh bằng một giọng lo ngại.

Bà Timm mỉm cười đáp vội :

— Ồ có gì khuấy rầy được tôi đâu !... Nhưng bà bỗng dĩnh chính lại ngay :

— Ngoại trừ một đứa bé có màu da ngăm đen, chắc thế !... Ừ, hai năm nó vẫn ngồi một lớp học ! Các cô nghĩ đấy mà xem : cha nó vẫn luôn cần nó giúp việc đồng áng... nó không thể nào theo đuổi trọn niên khóa để được lên lớp...

Bà Timm ngạc nhiên bỏ dờ câu nói vì bà chợt thấy cô Abigail vừa có vẻ kinh hãi, luống cuống đến run người nhưng lại cố vụng về che giấu.

— Đứa bé nào ? — Cô Lettie hỏi hồi dờn.

— Đứa bé có màu da ngăm đen mà tôi đã quên tên ấy. Nhưng tôi nhận thấy hình như nó là con

của Tom Robb.

— Ồ, tôi nói có sai đâu ! Rồi đây, hẳn bà sẽ bị bắt buộc phải...

— Kìa Lettie ! Có im ngay không ! Hãy đề cho bà Timm nói tiếp ! — Cô Abigail ngắt lời em.

— Đêm nay tôi đã gặp được nó vào lớp. Tôi đã nói chuyện được với nó một chốc, Hình như nó khổ sở lắm, khao khát tình thương lắm !.. Nhưng nó lại quá rụt rè ! Tôi tin rằng nó rất đau đớn vì đã mất mẹ...

Cô Lettie bỗng đứng dậy, chiếc khăn tay áp sát vào môi, lảo đảo bước...

Ngạc nhiên, bà Timm vội nhìn cô Abigail :

— Tôi có nên nói tiếp nữa không ?

— Xin bà tha thứ cho cá tính dễ xúc động của em tôi. Giọng Abigail thiếu vẻ điềm tĩnh lẫn chắc chắn. Có phải đứa bé kia đã nói cho bà nghe tất cả :

— Không ! Nó chỉ trả lời tôi bằng những cái gật đầu. Thực vậy, hình như nó sợ nói lắm...

— Thưa bà, tôi không muốn nghe bà hờ chuyện.

— Nhưng tôi nào có hờ chuyện đâu ? Chắc chắn như vậy mà !

— À này, bà có biết cô Mason không ?

— Không !

— Bà chưa có dịp nào tiếp xúc hoặc thư từ gì cho cô ta sao ?

— Không, chưa bao giờ... Nhưng hãy chờ tôi một chút..

Bà tôi vàng vào trong lục tìm bức thư nặc danh trước kia và trở ra đặt nó vào tay cô Abigail.

— Tôi không biết chắc ai đã gửi thư này cho tôi, nhưng tôi nghĩ đó có thể là của Mason.

— Vâng, phải rồi ! Đây chính là tuồng chữ của cô ta.

Cô Abigail gấp thư trả lại cho bà giáo, rồi lăm bầm :

— Thật là khốn nạn ! Chúng tôi đã đoán lầm về cô ta !..

Lúc này, bà Timm cảm thấy khó nghĩ hơn bao giờ hết. Bà thấy như mình đã bắt đầu có cảm tình với cô Mason. Vì đã từ lâu bà vẫn chưa tìm gặp một thuyết minh, một chứng cứ nào rõ rệt và chân thật khả dĩ làm cho bà được thỏa mãn qua thái độ kỳ lạ của chị em Abigail. Tính tình nhút nhát lại hay bí mật, bỏ lửng giữa câu nói của họ đã làm cho bà thêm bối rối, thêm ngạc nhiên.

Đêm hôm đó, bà ngồi rất lâu trong phòng đèn mà nghĩ ngợi miên man. Ánh trăng thanh gội vào phòng soi sáng cả gương mặt bà. Bà vẫn luôn cố gắng tìm lời giải đáp cho bài toán khó khăn kia, nhưng vẫn hoài công vô ích. Đã thế, bà lại còn thấy thắc mắc thêm những điều khó hiểu kỳ lạ :

« Ủ nếu tất cả mọi người ở đây đều kỳ cục như chị em Abigail và luôn cả Tom Robb nữa thì ít ra bà cũng hiểu được một cách dễ dàng rằng : tại sao một cô gái trẻ và dễ cảm như cô Mason mà không thể chung sống được với họ ? Cả hai chị em Abigail và Tom Robb, đều là những con người kỳ dị, những con bệnh thần kinh ! Chính họ, họ đã làm cho bà lâm vào tình trạng nan giải này.»

Sáng hôm ấy bà Timm vẫn không tìm được dấu vết bởi rồi nào lộ ra trên nét mặt của hai chị em người chủ trọ. Bà liền vội vã đến trường sớm hơn mọi khi với ý định tạt ngang nhà cha đứa bé da đen ấy để mong khám phá một vài điều bí ẩn đang ám ảnh bà.

Bà gặp Tom trong trang trại khi ông ta vừa mới vắt sữa xong và vừa thả bò ra đồng. Thoạt trông thấy bà giáo, không để cho bà kịp chào hỏi, ông ta nói ngay :

— Tôi rất cần đến Edward hôm nay. Xin bà cho phép nó được nghỉ.

— Không phải vì Edward mà tôi đến đây đâu, ông Tom ạ ! Trái lại, tôi đến đây để hầu chuyện với ông về đứa con cả của ông, thằng bé có vết sẹo to trên trán, thằng Joel ấy...

Đôi mắt Tom Robb bỗng sáng lên. Chiếc bình đựng sữa trong tay hắn vụt rơi xuống đất, vỡ tan tành.

Hắn bước nhanh một bước về phía bà Timm, nắm vội đôi vai bà lay mạnh như một kẻ điên khùng :

— Hả, bà muốn nói gì ? Bà muốn làm gì tôi nữa đây ? hử ?

Hắn thét vào mặt bà Timm những tiếng cộc cằn, giận dữ lẫn khổ đau và thất vọng.

— Tại sao bà còn muốn làm khổ tôi nữa như thế ? Tại sao người ta và cả bà nữa không để cho tôi được yên ?

Quá sửng sốt và sợ hãi, bà

Timm cố vùng vẫy mãnh liệt. Nhưng vẫn không sao thoát khỏi đôi tay cứng rắn của Tom.

Bỗng dưng, Tom buông tay thả vội bà ra, rồi lùi lại một bước... Hắn thở hồn hển, run run, vòng tay trên trán, lấp bắp bằng một giọng nặng nề, cảm động.

— Xin lỗi bà !... Tôi... Tôi bị loạn thần kinh !..

Nhìn đôi mắt long lanh lệ của hắn, bà Timm thấy cơn tức giận trong lòng mình như dần dịu lại. Bà quên ngay cả những nắm tay của hắn bám chặt vào người bà đến đau điếng có thể tím bầm lúc này :

— Ông Robb, ông vừa nói gì thế ?

Lần này, tia chìn của gã đàn ông lệ chiếu thẳng vào bà Timm nhưng rất êm ái, biểu lộ một niềm tin chân thật :

— Thế bà chưa biết gì cả sao ? Người ta không nói gì với bà à ?

— Không ! Người ở đây chưa ai nói gì với tôi cả.

— Sao ? Người ta chưa cho bà biết câu gì về Joel, con tôi... Nó đã té cầu thang trường học...

Và giọng hân hoan, nên nghẹn ngào :

— Người ta không cho bà biết rằng Joel đã bị té vỡ đầu, không sao điều trị được? Và nó đã chết cách đây hai năm...

Kính ngạc, và tưởng chừng như quả địa cầu đang sụp đổ, bà Timm lão đảo một giây rồi cố đứng lại, bạo dạn nắm lấy tay Tom, nhẹ nhàng :

— Xin ông tha lỗi cho, quả thật tôi không hay biết gì cả! Nhưng bây giờ, tất cả đều rõ ràng, tôi đã hiểu và tôi đã gặp Joel...

— Tôi cũng thế. Nhưng...

— Ông có sợ nó không?

Tom gật đầu, im lặng. Rồi giọng hân hoan xoi :

— Chiều nào nó cũng hiện về trường học. Tôi đã theo dõi nó... và hình như chúng tôi đều... sợ lẫn nhau!

Có một sự khổ đau ghê gớm và duy nhất đang bùng dậy và xáo trộn trong tâm can bà...

Rời khỏi trang trại, vừa hút tằm mồi của Tom, bà Timm bỗng lão đảo áp người vào một thân cây, trông đáng khổ sở.

Với một ý cảm mờ mờ, từ

tưởng bà chơi vui trong hai hừng, trong một bi kịch : « Nó đã chết ! Chết đã hai năm ! Và không ai dám nghĩ đến việc rút tên nó ra khỏi danh bạ học đường ! Ở lớp tư, không một chiếc thẻ đơn giản nào có thể thay được tên nó !... Không có một đứa con trai nào... Không có một gương mặt ngăm đen nào... Chao ôi ! » Bà cứ luôn lặp lại những lời đó như một chủ đề, một điệp khúc trong bản nhạc.

Đã từ lâu, lâu lắm rồi bà vẫn chưa tìm ra một biện thuyết nào để chinh phục được nó. Ngay hôm ngày đầu tiên dạy, bà nhìn thấy nó ngồi ở một chiếc băng đặt hút cuối phòng học. Bà hỏi tên nó. Nó không trả lời.

Ngạc nhiên, bà quay hỏi một học sinh khác. Nhưng sau khi nhìn về phía cuối phòng, đứa nào cũng chỉ lắc đầu nín lặng. Chao ôi, ngày hôm đó, trông lũ học sinh này sao mà có vẻ trong nghiêm đến thế ! Và rồi cứ mỗi chiều... Ô không, không thể thế được, vô lý lắm !

Khi bà về đến nhà trọ thì đứng vào bữa cơm. Bà đem câu chuyện bà vừa khám phá ra hỏi

chị em Abigail một cách từ tốn :

— Tại sao các cô không báo trước cho tôi biết rằng trường học có ma ?

Lettie đưa mắt nhìn chị, trách móc :

— Đấy chị xem ! Tôi nói có sai đâu... Tôi đã nói rằng...

— Hãy im, Lettie !

Abigail ngắt lời em rồi tiến lại gần bà Timm, điềm tĩnh :

— Có ma thật thế không, thưa bà ?

— Thật thế ! Con ma đó chính là một đứa trẻ : Joel Robb ! Và chắc cô đã biết rõ. Abigail lắc đầu :

— Không, tôi không biết gì cả ! Tôi chưa bao giờ được thấy Joel Robb, và ngay cả Lettie nữa. Tất cả đối với tôi đều là những tin đồn nhảm. Chỉ có hai người thấy ma thôi : đầu tiên là cô Mason và cô ấy đã có nói cho chúng tôi nghe, sau đó là Tom Robb, ông ta cũng đã thấy... Nhưng có lẽ vì chúng tôi đã phỏng đoán sai lầm và đã phủ nhận những điều mà họ đã tin tưởng, nên bà chưa có thể biết được rõ ràng về những sự kiện đó.

Chúng tôi dám chắc rằng cô

Mason đã đi trước khi bà đến đây. Hôm buổi học đầu, trẻ con vùng này đã kể lại rằng bà đã nói chuyện với một chiếc băng trắng. Vì thế chúng tôi đã thấp thỏm lo sợ thềm cho bà...

Và bây giờ... tôi tưởng như bà đang muốn sửa soạn ra đi, là khỏi nơi này...

Có một nỗi buồn lẻ thê tàn ảm trong giọng nói của Abigail.

Cử động đầu tiên của bà Timm là định đề trả lời cho cô gái lưỡng lự có hảo ý ấy bằng một tiếng ngắn : Đi ! Nhưng bà không nỡ đáp thế :

— Không ! Tôi sẽ ở lại ! Bởi vì tôi nghĩ rằng Tom đã sống gần gũi nó trong suốt hai năm dài như thế mà còn chẳng sao, thì đối với tôi, bóng ma của Joel chắc sẽ không trêu hại gì tôi nữa đâu. Tôi sẽ cố thận trọng trong khi đối diện với những học sinh, và từ nay chúng ta sẽ không phải đề cập đến chuyện Joel...

Hai chị em Abigail nhìn bà Timm, thăm trao nhau một dấu hiệu hoài nghi sâu đậm...

Làm sao ta có thể yên được trong những lần dạy tiếp ? Bà Timm luôn nhủ thầm như vậy khi

vừa ngồi vào bàn giấy học đường
đầy ngập ánh trăng.

Bà đợi chờ. Vì bà biết rằng
nó sẽ đến, đến trong giây phút
tối đây. Bà lo ngại, cố tìm cách
để chống lại sự sợ hãi. Nhưng
hình như sự lo âu và nỗi thống
khô đó cứ luôn thân nhiên theo
đó. Bà trong lúc bà chờ đợi...

Gió ngàn quyển qua cành lá.
Trên chót đỉnh rừng phong mây
đen thỉnh thoảng lại che khuất
vầng trăng bạc. Hoang tịch phủ
đầy miền quê heo hút. Tất cả
đều như hoan hỉ xoay đuổi nhau
qua một ngày mê mẩn. Tất cả
đều như hiện ra, hiện ra để
bao phủ lấy bà Timm, để tạo
thành một khúc nhạc mờ mờ và
quái đản...

Và kia, Joel đã đến! Gương
mặt bé nhỏ của nó đã bắt chợt
hiện ra bên ngoài khung cửa sổ.
Qua ánh trăng mờ ảo, trông
chiếc sọ to trên trán nó như một
nét mực dài đen thẫm. « Thời
khắc đã đến—Bà Timm nghĩ
thăm như vậy—Bây giờ là lúc
ta sắp biết rõ đây! » Bà ngập
ngừng một giây, rồi sẽ đưa tay
ra đầu bảo nó vào.

Cũng như đêm hôm trước,
nó lặng lẽ đi vào dọc theo bóng
tối của gian phòng và cũng rút

rè dừng lại bên ngưỡng cửa.

Chao ơi, sao mà trông nó yếu
đuối, bé nhỏ và uyển chuyển
đến thế!...Bây giờ bà Timm đã
hiểu, sự vô hình của nó đã trở
nên hiển nhiên và rõ ràng...
Giọng bà nhẹ nhàng, êm ái:

— Kia Joel! Có phải em đến
để học với cô đêm nay?

Nó gật đầu, một cái gật rất
khẽ, rất khó nhận ra, khó nhận
như một làn gió di động nhẹ
nhàng.

— Joel, em hãy ngồi lại bàn
đi!

Joel tiến chậm về chiếc băng
cuối phòng, chiếc băng mà hôm
ngày đầu bà đã trông thấy nó ở
đó. Và, chao ơi, cũng chiếc băng
này nó đã ngồi học lúc nó còn...

Chao ơi, nơi đó nó đã ngồi
qua một chiếc bóng mờ ảo!...
Ừ, tại sao nó không phải là một
sinh vật gì khác hơn chiếc bóng
mờ ảo kia nhỉ?

— Joel, em có muốn chúng ta
cùng học một bài sử không?
Bằng lòng nhé, Joel nhé.

Hình như bà không nghe
nó trả lời: « Vâng ». Thế
nhưng bà không dám phủ nhận
tiếng nói đó. Bà bắt đầu bài học.

Mỗi một tiếng bà đọc lên làm
tan bớt đi ít nhiều lo âu trong
lòng bà. Và rồi, tất cả những
sự sợ hãi bỗng dần tan biến
hẳn.

Bà cảm thấy sự thương yêu
của bà đối với linh hồn khốn
khở của nó càng bùng dậy
trong lòng bà. Thế nên thỉnh
thoảng, bà vui vẻ ngừng đọc,
để giảng cho nó một vài đoạn
khó hiểu.

Khi bài sử chấm dứt, bà sắp
sửa bắt đầu sang tựa đề khác,
thì...

Thình lình, cánh cửa chỉ khẽ
hờ, hé qua màn đêm êm
địu, bỗng được mở rộng thêm.
Bà đưa mắt lên nhìn và bỗng
bắt gặp Tom Robb... Ông ta
đang đứng thẳng, đôi tay khoanh
trước ngực, mắt nhìn vào một
chiếc băng ở cuối lớp. Bỗng bà
Timm khẽ nói:

— Joel! Đây là ba của em.
Người đến tìm em để
đem em về nhà đấy, Joel ạ!...

Thốt nhiên Tom Robb vụt la
lên một tiếng ghen ngào...

Bà Timm hoảng hốt cúi rạp
mình xuống, vô tình làm tắt
ngúm ngọn đèn dầu trên bàn viết.
Ánh trăng bàng bạc lại tràn vào
phòng học một cách quái đản

hơn. Bà Timm cố ngồi dậy...
Bóng Joel vẫn luôn ở đây, không
động tịnh, mập mờ giữa bóng đêm

Rồi khỏi ghế ngồi, bà Timm
tiến đến gần Tom. Bà nắm lấy
tay ông và lại nhìn xuống chiếc
băng cuối lớp. Bà phân biệt
một cách mập mờ những thành
ghế nhỏ với bóng ma hư ảo của
Joel:

— Joel, em có muốn về với
chúng tôi không?

Dù không thấy gì cả, bà Timm
cũng nhận thấy bóng Joel đang
vùng vẫy và đang lượn đi.

Bà đưa tay ra... và bà bỗng
cảm thấy Tom đang đỡ dẫn dựa
vào người bà. Bà bớt sợ, siết
mạnh tay mình vào bàn tay gân
guốc, chai dãn của Tom, rồi khẽ
lấp bắp:

— Tom, xin ông tha lỗi cho!
Lặng lẽ, Tom cách rời bà một
chút.

Bóng Joel vẫn luôn theo sát
hai người một cách chậm chạp
và liêu lỉnh.

Không nói gì cả, bà Timm càng
siết chặt tay Tom rồi cùng ông
xoay người bước ra khỏi lớp mà
không cần quay nhìn lại phía sau...

Và bây giờ, cả ba đang ở

trên đường về trang trại, qua cụm rừng còn và thung lũng nhỏ.

Cùng trên lối đi mà cả ba người: đàn bà trẻ và già đàn ông thì lão đảo bước, còn bóng ma Joel thì chập chờn, chập chờn...

Cứ thế cho đến khi về đến trang trại thì bóng Joel không còn nữa, nó đã biến vào không gian.

Sự chịu đựng đã mỏi mòn, Robb vội vàng chạy thẳng vào trong. Ngồi ủ rũ trên một chiếc ghế, đáng khổ não, đôi tay ôm lấy đầu, ông ta nức nở:

— Đã hai năm rồi vẫn cứ như thế... Tôi tưởng mình đã điên hẳn! Ừ, người ta đã cho rằng tôi điên thật đấy... Nhưng giá như tất cả mọi người đều ở vào địa vị tôi, chắc họ cũng đến thế mà thôi... Họ đã xua đuổi cô Mason và bây giờ họ lại muốn đuổi cả bà nữa! Đấy bà xem!

Bà Timm nín lặng rất lâu, chăm chú nhìn người đàn ông đang mệt mỏi đó một cách thương hại. Rồi, bần tay bà bỗng lần xoa nhẹ nhàng trên những lọn tóc đen dài của Tom. Chao ơi, dưới tay bà, những làn

tóc ấy sao mà êm dịu thế, êm dịu như lòng bà lúc đó!

Bà chợt lẩm bầm:

— Ừ thôi, tốt hơn là ta nên đi khỏi nơi này, ngay bây giờ...

Tom bỗng đứng dậy, nắm chặt tay bà:

— Không! đừng nên đi, bà Timm ạ!

— Không đi làm sao được? Ông nghĩ mà xem, làm sao tôi có thể lìa hẳn quê hương?... Nhưng mà, nhưng mà... vâng, vâng... tôi sẽ ở lại... và tôi sẽ đến thăm ông luôn!

Tom nhìn về phía cửa sổ sau lưng bà, khẽ hỏi:

— Joel đã đi?

— Vâng nó đã đi! Nhưng ít ra từ nay, xin ông đừng sợ khi thấy nó nữa, đừng nên quan tâm tới lúc nó đến cũng như là lúc nó đi... Chắc ông cũng như tôi: tôi đã sợ nó ngay từ khi tôi biết rõ sự thật. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu, tôi không còn lo ngại gì nữa!

Hắn nó cảm thấy hoang vu và cô đơn lắm! Ừ tất cả đều cô đơn! Kể cả ông, ông cũng cô đơn. Vì ngoài sự kiện đó, ông còn làm cha nó, nó có quyền

nghĩ đến hành động của ông dù chỉ là chút ít thôi... Và bây giờ bây giờ tôi phải về Tømm ạ!

Tømm nhìn bà, đôi mắt đậm vẻ nghi ngờ:

— Thưa bà, hình như bà mới vừa gọi tôi bằng « Tom »

— Vâng, nhưng đó chỉ là tập cho quen thân thôi, Tom ạ! Xin chúc Tom ngủ ngon.

Tom theo sau bà Timm ra đến tận đầu vuông sân vắng đầy ngập ánh trăng, giọng ông ta bất chợt và chân thành:

— Tôi không yên lòng để bà về một mình... Nếu không có gì

trở ngại, xin bà cho phép tôi được đi...

— Xin cảm ơn ông, tôi thấy không có gì trở ngại nguy hiểm cả đâu!

— Nhưng nhờ có gì...

Rồi Tom lại ngập ngừng tiếp:

— Và nhờ bà đem câu chuyện này kể cho họ nghe, họ sẽ cho bà là một kẻ điên khùng, một kẻ loạn thần kinh...

Bình tĩnh bà Timm nhẹ nhàng kết thúc:

— Ừ, như thế thì đã có nghĩa gì, dù chúng ta sẽ là hai kẻ điên!...



DANH NGÔN

Đối với đàn ông, người đàn bà lý tưởng phải là một con chim bồ câu có những đức tính của những con kiến; đối với đàn bà, người đàn ông lý tưởng phải là một con sư tử có nét kiên nhẫn của con trâu.

(La femme idéale, pour l'homme, est une colombe qui a les qualités de la fourmi; et l'homme idéal, pour la femme, est un lion avec la patience de l'agneau).

X...

PHƯƠNG - DUYÊN

• ngơ - ngẩn

Em về lại Saigon,
Với tâm hồn ngày cũ.
Đây nguyên vẹn phố phường,
Đâu bóng hình thon nhỏ !

Sao thời gian qua mãi,
Cho em ngùi nhớ thương ;
Cho mỗi chiều tan sở
Em ngóng trông ngập ngừng.

Sao không là Tân-Định
Cho yêu phố Hiền Vương
Sao không là Phú Thọ
Cho chiều em về trường ?

Sao là Võ Di Nguy
Cho em thành lạc lõng
Ngơ ngẩn từng bước đi
Sầu nặng tình bé bỏng !

Sao giờ còn gặp lại
Sao giờ là bây giờ ?
Áo blouse màu trắng mãi
Cho lặng nhìn ngẩn ngơ !

Sao giờ không ngày xưa
Không là giờ tan sở
Không là thời mộng mơ
Của mùa Xuân rực rỡ ? !

Bây giờ em là ai,
Hồn người đâu ước vọng,
Chờ cuộc đời một mai
Nhặt nhòa trong kiếp sống !

Ôi phải vì chiều mưa
Cho em thành ngơ ngẩn
Rộn ràng bên tiếng cười
Mà nghe hồn hoang vắng ! !..

NHỮNG NGUYÊN TỐ THỊNH VƯỢNG CỦA



LỤC - ĐỊA BẮC MỸ - CHÂU

(Excerpts from The Romance of North America Copyright (c) 1958 by Houghton Mifflin Company. Abridged from the book and reproduced by permission of the publisher.)

✱ **PRESTON E. JAMES**
• TÀI BÌNH DƯƠNG dịch

BẮC Mỹ Châu quả là một lục địa phi thường. Hầu hết mọi người đều không xa lạ gì với các bản thống kê chứng tỏ nền kinh tế Bắc Mỹ được phát triển phi thường đến mức nào. Nhưng ngoài các bản thống kê, còn có một đức tính mãn đại mà từ trước đến nay chưa hề có một nhóm nhân loại rộng lớn nào thí nghiệm được cả. Đó là lục địa này có nhiều tự do cá nhân hơn, nhiều cơ hội mở mang kiến thức hơn, nhiều quyền bình đẳng hơn trước

luật pháp. Vậy tất cả những sự kiện kể trên đã xây đến như thế nào ?

Chắc chắn rằng Bắc Mỹ được thừa hưởng một cách khác thường những gì mà thiên hạ mệnh danh là « tài nguyên thiên nhiên. » Từ những bãi sa mạc hàn đới của Gia - Nã - Đại đến các bờ biển nhiệt đới của miền

đồng Mê Tây Cơ, Hoa Kỳ và cả hai nước láng giềng phía bắc phía nam, đều được cung cấp về khoáng chất và thảo mộc hữu dụng một cách đầy đủ phi thường.

Nhưng lịch sử chứng tỏ rằng: sự chiếm hữu các tài nguyên thiên nhiên chưa đủ bảo đảm cho một mức sống vật chất cao, cũng không hẳn vì sự thiếu tài nguyên mà mức sống phải tàn tạ. Giá trị của đất đai đối với người dân cư trú ở bất cứ thời đại nào, đều tùy thuộc vào cách sinh sống, thái độ, mục đích, và khả năng kỹ thuật của họ. Quốc gia nào cũng thường được hun đúc do sự kết hợp mật thiết của hai yếu tố đất đai và dân tộc. Nếu chúng ta muốn tìm hiểu một dân tộc đang làm gì tại bất cứ địa điểm đặc biệt nào và ở bất cứ thời nào, chúng ta không thể bỏ rơi không chú ý đến bản

chất khí hậu, đến địa hình địa vật, đất cát, nước non, thảo mộc, các động vật, khoáng vật, và các đặc tính khác bao gồm trong danh từ *đất đai*; mà chúng ta còn phải biết dân chúng định sử dụng các đặc tính đó vào việc gì. Vậy muốn hiểu tại sao Bắc Mỹ lại là một lục địa phi thường như trên, chúng ta phải coi mỗi xứ, mỗi miền, mỗi khu đó như là kết quả của hoạt động nhân loại trong một bối cảnh đặc biệt.

Muốn nắm vững các lý do đã thúc đẩy dân chúng cải biến các tài nguyên của trái đất, như họ đã thực hiện được ở nhiều thời kỳ khác nhau, chúng ta phải lùi lại từ khởi thủy.

Các cuộc định cư đầu tiên tại Bắc Mỹ không phải chỉ khác nhau trong tính cách của các phong cảnh tạo thành nơi cư trú, mà còn

khác nhau trong các định chế chính trị, kinh tế, xã hội và trong các mục đích của người dân định cư. Mỗi khu định cư riêng biệt đã trở thành một *lò văn hóa*. Các sinh hoạt đặc biệt của các quốc gia Bắc Mỹ đã thoát thai từ năm lò văn hóa chủ yếu:

Mê Tây Cơ (ảnh hưởng Tây Ban Nha)

Gia Nã Đại (ảnh hưởng Pháp)

Tân Anh Quốc

Miền Nam và

Các thuộc địa Miền Trung.

Ba lò văn hóa sau cùng chịu ảnh hưởng Anh quốc nhiều hơn. Những giòng người thám hiểm tiên phong xuất phát từ các lò văn hóa này đều đã gặp gỡ nhau và phối hợp chung sống.

Tuy vậy, lò văn hóa Mê Tây Cơ khác hẳn các nền văn hóa khác, đặc biệt quan

trọng đối với Hoa Kỳ. Vì hầu hết các lục địa phía nam và phía tây các rừng già đã được thám hiểm trước, rồi sau đó dân từ Trung Mê Tây Cơ mới bắt đầu đến định cư thưa thớt.

Khi dân Tây Ban Nha đến Mê Tây Cơ, họ có hai mục đích chính yếu: 1.— truyền bá đức tin Công giáo để cứu rỗi dân Da đỏ ngoại đạo ở Mỹ Châu; 2.— làm giàu bằng những phương pháp nhanh chóng nhất.

Với các mục đích kể trên, người Tây Ban Nha trước hết tìm đến những nơi nào tại Mỹ Châu có nhiều thổ dân Da - đỏ tập trung, tức là các vùng thuộc miền trung và miền nam Mê Tây Cơ và Goa-tê-ma-la. Người Tây Ban Nha thường dạy đạo Thiên Chúa cho các thổ dân rồi dùng họ vào việc khai thác các mỏ vàng, mỏ bạc. Miền đất ở giữa khu thổ dân



midol

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN



midol

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

Da đỏ định cư đông đúc rất sớm được chia thành nhiều nước riêng, rộng lớn. Phía bắc Miền trung Mê Tây Cơ, vì đất đai hạn hán, nên chỉ thu hút được một số ít người định cư về hướng đó. Tại miền cực tây, việc định cư lúc đầu được giao phó cho các phái bộ truyền giáo. Một số ít tay thực dân Tây Ban Nha từ phía bắc đã đến định cư tại vùng biên giới xa xôi này để chăn nuôi gia súc; nhưng các cuộc định cư lúc bấy giờ mới chỉ được phát triển thưa thớt và việc kiểm soát về hành chánh xem như yếu ớt.

Lò văn hóa thứ hai là lò văn hóa Gia Nã Đại. Người Pháp không theo đuổi việc tập trung dân Da đỏ như người Tây Ban Nha đã làm ở Mê Tây Cơ, nhưng họ đã thám hiểm một khu vực rộng lớn ngay trong nội địa Bắc Mỹ. Họ làm giàu bằng cách đánh bắt thú rừng để đem bán da

lông. Họ thiết lập những cơ sở thương mại tại những địa điểm chiến lược.

Các nông dân Pháp định cư hẳn dọc theo hạ lưu sông St. Lawrence. Tại đây, họ thành lập một cộng đồng công giáo có tính cách tự túc và tối ưu bảo thủ.

Hiện nay, cách sinh hoạt của Hoa Kỳ, và kể cả Gia Nã Đại đều thoát thai từ ba lò văn hóa Anh quốc thuộc miền Đông Bắc Mỹ. Giữa ba trung điểm văn hóa đó, Trung điểm Tân Anh Quốc nằm về phía cực bắc, nơi mà những

óp ngữ và hành hương xưa kia đã đặt chân đến từ năm 1620. Những người đến định cư đầu tiên tại Tân Anh Quốc đã rời bỏ Âu châu vào một thời kỳ mà loài người đã định thức hóa được quan điểm hoàn toàn mới mẻ về mối tương quan của loài người. Quan điểm đó là: cá nhân phải được bình đẳng

trước pháp luật, người cai trị phải được sự thỏa thuận của người bị trị. Tất nhiên nó là yếu tố mở màn cho cuộc Cách mạng Dân chủ sau này.

Tại Tân Anh Quốc, các tư tưởng căn bản cho cuộc cách mạng dân chủ được tự do phát triển tại mọi nơi hầu như chưa có người dân chiếm hữu. Lò Văn hóa Tân Anh Quốc đã khai triển một số những định chế rất quan trọng đối với sự phát triển tương lai của Lục địa. Một trong những định chế đó là Hội đồng Thị xã. Các quyết định căn cứ vào quan niệm của đa số và quan niệm thiểu số có quyền phủ quyết hay dùng võ lực đều bị loại trừ.

Tại lò văn hóa miền Nam, nhiều lãnh vực rộng lớn được tổ chức, mỗi lãnh vực được đặt dưới quyền một lãnh chúa. Cũng trong thời gian đó, thuốc lá rất thông

dụng tại Anh-quốc. Khi cây thuốc lá được du nhập vào xứ Virginia, người dân các đồn điền miền nam đã tìm thấy một sản phẩm thương mại có thể giúp họ xây dựng một nền kinh tế nông nghiệp tại thôn dã. Một người dân của hạt Tân Anh Quốc ít cần dùng đến nô lệ, nhưng người dân Virginia khó lòng mưu sinh nếu không có nô lệ. Tại miền Nam, các địa chủ có thể đề cập đến các vấn đề tự do dân chủ, nhưng đối với họ: tự do thường có nghĩa là để họ được quyền tự trị lấy mình mà không bị các nhà cầm quyền hải ngoại can thiệp vào.

Khoảng giữa Tân Anh Quốc và miền Nam là lò văn hóa của các thuộc địa Miền Trung. Nhiều sắc dân đã di cư tới miền này: Hòa Lan, Thụy Điển, Tò Cách Lan, Ái Nhĩ Lan và người Nhật Nhĩ Man. Nhiều tín ngưỡng tôn

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

giáo khác cũng đã du nhập vào miền này. Mọi người quen chung sống và nhường nhịn lẫn nhau. Đa số những người này sống trong những nông trại lẻ loi hơn là trong những cộng đồng sát vách nhau. Những người dân biên giới tự luyện lấy cách thực hành một hệ thống binh đẳng và bao dung đối với các bạn láng giềng đồng đẳng. Từ lò văn hóa này, các nhà thám hiểm tiên phong đã không ngừng hăng hái đẩy mạnh cuộc Tây tiến.

Như ta đã thấy, một trong năm lò văn hóa lớn của Bắc Mỹ là Gia Nã Đại. Cuộc bành trướng của lò văn hóa độc đáo này rất chậm chạp. Dân cư hầu như vẫn còn giữ nguyên giòng giống Pháp, theo Đạo Công Giáo, bảo thủ về chính trị, và đã trở thành một phần đặc biệt trong tổ chức quốc gia. Trong suốt hậu

bán thế kỷ mười tám nhiều tay thực dân nổi tiếng Anh đã từ phía Nam tiến vào Gia Nã Đại. Tuy vậy, đa số dân Gia Nã Đại ngày nay cũng đều là những lớp di dân từ nhiều miền khác tới. Khu định cư tại Gia Nã Đại mới chỉ gồm một dải đất chật hẹp ở phía bắc biên giới Hoa Kỳ. Còn về miền Bắc, các khu định cư chỉ gồm một số mảnh đất tuy nhỏ nhưng phi nhiều hoặc có hầm mỏ.

Về phía Nam là Châu Mỹ La Tinh. Các điểm dị biệt giữa Châu Mỹ-Anh và Châu Mỹ La-tinh thường rõ rệt hơn là những điểm tương đồng. Lò văn hóa Mễ Tây Cơ khác với các lò văn hóa thuộc miền Đông Bắc Mỹ ở điểm đất đai đã do một xã hội Da đỏ tiến bộ chiếm cứ từ trước. Ngay hiện nay, cũng chỉ có 10% dân số Mễ Tây Cơ không có giòng

máu Da đỏ trong người.

Các truyền thống về nông nghiệp của Tây Ban Nha rất vững chắc : chiếm hữu được đất đai là con đường chắc chắn nhất đưa đến địa vị quyền thế và uy tín. Cũng vào thời kỳ này, các sĩ quan trong quân đội và các linh mục của Giáo Hội thường chia xẻ quyền thế và uy tín với các bọn địa chủ quý tộc.

Do cuộc chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Tây Ban Nha năm 1898, Puerto Rico đã được sát nhập vào lãnh thổ Hoa Kỳ. Từ năm 1940, dưới sự lãnh đạo của Luis Munoz Marin, dân Puerto Rico đã công bố và thực hiện một chương trình phát triển quân bình kinh tế. Người ta cũng đã thừa nhận việc giảm thiểu tử suất tại những khu vực đông dân cư mà không lo tăng cường việc tiếp tế thực phẩm, tức là đưa đến hỗn loạn. Do sự nghiền cứu

trên bản đồ về phẩm chất đất đai và phương thức xử dụng đất đai, người ta đã tìm ra được một kế hoạch xử dụng đất đai một cách hữu hiệu hơn. Chính phủ khuyến khích việc đầu tư vốn vào các ngành kỹ nghệ mới. Puerto Rico vẫn còn đông dân cư quá, tuy nhiên lợi tức tính theo đầu người đã gia tăng. Dân Puerto Rico được đặc biệt ưu đãi do qui chế chính trị mới. Ngày nay, đảo Puerto Rico là một khối thịnh vượng chung, và được tự do liên kết với Hoa Kỳ.

Nhiều thay đổi đang được xúc tiến tại Hoa Kỳ, Gia Nã Đại và Châu Mỹ La Tinh. Tại Hoa Kỳ, giữa các khu hạn hán miền Tây và các khu ẩm ướt miền Đông, sự tương phản vẫn còn nhiều. Vào đầu thế kỷ này, vùng duyên hải Thái Bình Dương đã vươn mình trở thành một khu vực

Dùng
1360/8017/DPDC

midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng

midol

1360/8017/DPDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

NHỮNG NGUYÊN TỐ

đặc biệt của Hoa Kỳ. Sự phát triển của các ngành kỹ nghệ chế tác, trong và sau Đệ Nhị Thế Chiến, lại càng rõ rệt. Tại Miền Đông, sự kỳ thị giữa Nam và Bắc càng ngày càng bớt tầm quan trọng, cả về chính trị cũng vậy. Điện năng tại miền Nam giúp cho các xưởng chế tạo mới có cơ phát triển mạnh mẽ. Các hàng hóa tiêu thụ với giá rẻ chế tạo tại địa phương bằng máy chạy điện đang được triệt để xử dụng tại những địa điểm mà trước đây nửa thế kỷ vẫn còn là « rừng rú hoang vu. » Một trong những thay đổi lớn lao ở miền Nam là sự xuất hiện một khu vực mới, Khu Gulf Southwest.

Sự bành trướng của các kỹ nghệ hóa học mới và của những thành phố thương mại kỹ nghệ mới như Houston và Dallas là những biểu hiện rõ rệt của đặc thái biến thiên kể trên. Và nó đang tiến tới việc đoạn

tuyệt hẳn với cái cảnh miền Nam cổ lỗ. Nhiều ngành kỹ nghệ chế tác thuộc miền Đông Bắc đã chuyển về miền Nam nhưng ngược lại, nhiều ngành kỹ nghệ khác đòi hỏi đến nhân công khéo léo và một thị trường gần kề lại chuyển đến. Tại Miền Trung Tây, các kỹ nghệ chế tác nay được phân tán rải rác thành nhiều cộng đồng nhỏ. Hiện nay, người ta thường gọi miền Coru Belt là vùng kỹ nghệ chế tạo dùng hơn là vùng nông nghiệp.

Nhìn về lục địa Bắc Mỹ hồi giữa thế kỷ này, ta thấy có nhiều tiến bộ phi thường về sản ngạch kinh tế và mức sống vật chất của dân chúng

Không những trong kỹ nghệ chế tác, mà ngay trong nông nghiệp, cũng chưa bao giờ thấy tỉ số sản xuất tính theo đầu người tiến triển đến như vậy.

Tuy nhiên, không phải do kết quả của tất cả các sự kiện trên mà nền kinh tế

NHỮNG NGUYÊN TỐ

của Miền Bắc Mỹ kỹ nghệ đã có thể hoàn toàn tự túc được. Sự thực trái ngược hẳn, và lại cũng không ai hăng hái chủ trương kinh tế tự túc nữa. Đời sống kỹ nghệ tân tiến phải được xây dựng trên sự tùy thuộc lẫn nhau, và nó có thịnh vượng được cũng là nhờ ở sự thương mại phát triển mạnh.

Trong khi Bắc Mỹ càng ngày càng được kỹ nghệ hóa thì các loại sản phẩm kỹ nghệ mới nào đó vừa là phương tiện, mà cũng vừa là kết quả của chiều hướng gia tăng của chính sách kỹ nghệ hóa. Các phẩm vật này gồm có các phương tiện tối tân về chuyên chở và giao thông. Phương pháp đa sản xuất của Bắc Mỹ đã biến xe hơi thành thứ xe của đại chúng, chuyên chở đa số người Mỹ Anh và người Mỹ La-Tinh. Dịch vụ gia tăng càng ngày càng nhiều và được thực

hiện tại bất cứ đâu đâu : từ lần đầu tiên họ đến phòng hộ sinh, bệnh viện, cho đến lần cuối cùng của cuộc đời ; nhân du chậm rãi hơn.

Trước đây năm mươi năm, cuốn điện thoại niên giám chỉ là một tập giấy rời mỏng mảnh, nay nó đã biến thành những quyển sách vĩ đại ghi tên của trên 57 triệu người thuê bao thuộc Bắc Mỹ.

Một gia đình trung cấp kiểu mẫu, trong nhà cũng có tối thiểu nửa tá máy móc giúp làm việc đỡ mệt nhọc hoặc các thứ tiện nghi khác do điện khí đem lại.

Trước đây hai mươi năm, nguyên tử năng mới chỉ là một phương thức lý thuyết. Nếu thế giới thoát khỏi sự đe dọa tàn phá của nguyên tử, cuộc sống ở khắp nơi sẽ dễ dàng rất nhiều qua sự xử dụng nguyên tử năng



tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1350/BX.T./D.P.D.C.

vào các mục tiêu phụng sự hòa bình.

Trong khi đó, các sắc dân ở Bắc Mỹ đã bắt đầu liên kết với nhau. Mỗi người có thể đi du lịch từ miền Cực Bắc thẳng xuống miền Nam Mỹ Tây Cơ không cần giấy thông hành và chỉ bị một vài hạn chế tối thiểu tại ranh giới quốc tế.

Sự cải thiện vệ sinh công cộng và sự kiểm soát bệnh tật của người và nông súc, và của cả cây cối được thực hiện trên toàn diện lục địa.

Hoa Kỳ, Gia Nã Đại và Mê Tây Cơ là những khách hàng mua hàng của nhau nhiều nhất. Như vậy, tại sao có người lo ngại cho sự an ninh của họ?

Nếu mọi chuyện từ trước đến nay có thể tóm tắt gọn ghẽ trong mấy tiếng « sản xuất, lợi tức, và mức sinh hoạt », thì còn có thể có

đất cho bất trắc và hỗn độn. Vì sự an ninh trong một thế giới bất an ninh phải dựa vào một cái gì vượt khỏi phạm vi sản xuất kinh tế. Cái gì đó, người quân nhân mệnh danh nó là « tinh thần, là ý chí chiến thắng. » Trong một nước đang ở vào thời kỳ thái bình, tinh thần có thể đo lường được bằng trình độ của dân chúng hiểu biết và ủng hộ các lý tưởng và mục đích đã làm cho họ tự ý gia nhập một « đoàn thể chính trị » và thỏa thuận làm kẻ bị trị.

Vậy những luồng tư tưởng và mục tiêu nào đã hướng dẫn mọi nỗ lực phát huy để xây dựng nước Hoa Kỳ ngày nay?

Chắc chắn đó không phải hoàn toàn là việc đi tìm tự lợi. Và các yếu tố nào đã làm cho Gia Nã Đại và Mê Tây Cơ trở thành những

nước lớn? Chắc chắn rằng, yếu tố kinh tế không phải là duy nhất, và cũng có thể không phải là yếu tố nguyên thủy.

Người dân Bắc Mỹ còn cam kết phát triển và thúc đẩy một số những tư tưởng mới có tánh cách cách mạng nhất về phương diện tương quan của loài người mà chính loài người xưa nay chưa từng thấy.

Cuộc Cách mạng Dân chủ, sự công kích đạo Luật Định Vị ban quyền hành và uy thế căn cứ vào địa vị sẵn có trong một xã hội đã hoàn thành; yêu sách được bình đẳng trước pháp luật, yêu sách chính phủ phải do dân cử, yêu sách được tự do phát triển và xử dụng kiến thức. Đó là những hoài bão về mối liên hệ giữa loài người.

Các tư tưởng này đã bắt nguồn từ Anh-quốc, rồi lan rộng ra nhiều nơi ở Tây và

Bắc Âu. Nhưng chúng ta đã phát triển được nhanh chóng nhất trong sự tự do tương đối của Bắc Mỹ, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan. Những người cộng sản đã chống lại những tư tưởng mới tiến bộ nhất về phương diện tương quan giữa loài người mà ít ra, cũng phải mất cả hàng ngàn năm mới hình thành được.



Bắc Mỹ không phải chỉ phi thường vì được hưởng thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên, hoặc vì sức bành trướng kinh tế cao độ. Sự tự do vô tiền khoáng hậu, mà các cá nhân được hưởng đã mãnh liệt thúc đẩy họ tiến bộ trên các địa hạt khoa học và kỹ thuật.

Dùng midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Dùng midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Sự tiến bộ về kỹ thuật không phải là tình cờ. Một trong những lý do mạnh nhất thúc đẩy sự phát triển là sự pha trộn những luồng tư tưởng do các lò văn hóa khác nhau đem lại. Sự kiện này đã và chỉ có thể thực hiện được trong một bầu không khí bao dung chứ không phải bằng cách dùng vũ lực, hoặc áp dụng những hành vi cảnh sát.

Người dân của lục địa phi thường này là những vệ sĩ bảo vệ các tư tưởng cách mạng dân chủ và quan niệm

về phẩm cách con người trên mặt đất này.

Trong một đời sống văn minh, bất kể là sự kiện gì, dù là sự nghèo nàn hay sung mãn về kinh tế, dù là sự thiên cận về chính trị hoặc quá khích về tinh thần, mà làm mờ mắt chúng ta, khiến không buông nổi tầm mắt qua các mục đích cao cả trên thấy đều là sự đe dọa đối với an ninh của chúng ta nói riêng, và đối với hoà bão của loài người nói chung.



● MAU-THUẬN

Ti hỏi má nó : « Thương cho rơi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi » là gì hả má ?

Sau khi má nó giảng, Ti nói : « Thế sao thằng Tọ bị má nó đánh hoài, còn hăm không cho nó đi học. Còn chị nó, má nó cho ăn mặc đẹp, tiền nhiều, dẫn đi ciné luôn. Thế chỉ có thằng Tọ được má nó thương sao ?

Má Ti : ... Ừ

Ti : Quái ! con hồng tin đâu...

Trát-ngọc-Vân

PHAN - KHÔI

MỘT GUƠNG SÁNG
TRONG
LÀNG VĂN
LÀNG BÁO

* Ông đã ra người thiên cổ, nhưng chúng tôi tin rằng tinh thần tranh đấu của ông vẫn sống mãi trong giới văn nghệ sĩ chúng ta và dội đi khắp bốn phương trời. »

★ THÁI - BẠCH

1. — Thân thế và sự nghiệp

ÔNG PHAN-KHÔI bút hiệu là Chương-Dân, sinh năm 1887 tại làng Bảo-An, phủ Điện - Bàn, tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt). Năm ấy là năm Chính-Phủ Pháp đặt phủ Tổng-Thống toàn quyền để điều khiển việc cai trị cả toàn xứ Đông Dương. Thân phụ ông là Phan-Trân cùng xuất thân là một vị

khoa bảng có đi tri-phủ Điện-Khánh ít lâu rồi cáo quan về nghỉ. Thân mẫu ông là con gái cụ phó bảng Hoàng-Diệu, nguyên Tổng-Đốc Hà-Nội, người đã tử tiết với thành năm 1882, khi quân Pháp tấn công lần thứ hai.

Ông PHAN-KHÔI theo học chữ Nho từ năm lên 6 tuổi và thi đỗ tú-tài năm 20 tuổi tức năm dương-lịch 1905, năm ở thế giới có trận Nhật-Nga đại-chiến và ở Việt-Nam ta thì đang có cuộc vận-dộng xuất dương do các nhà

cách-mạng trong Đông-Kinh-Nghĩa-Thực khởi xướng.

Theo Chương-Dân thì thoai, thì ông là học trò của cụ Trần-Quý-Cáp. Ông chịu ảnh hưởng của nhà cách-mạng này và của các cụ Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trình, nên năm 1907, Ông ra Hà-Nội viết cho tờ *Đảng-Cổ Tùng-Báo* của phong-trào Đông-Kinh-Nghĩa-Thực. Ông bước vào làng báo từ đó, Nhưng được ít lâu, Đông-Kinh-Nghĩa-Thực bị thực-dân Pháp và bè lũ tay sai khủng-bố, tờ *Đảng-Cổ Tùng-báo* bị đóng cửa, ông phải lui về ẩn náu một thời gian, khi Nam Định lúc Hải Phòng, rồi trở về hoạt động cho phong-trào Văn thân ở Quảng Nam.

Cũng năm ấy ông bị bắt, chánh quyền thực-dân Pháp bắt giam tại nhà lao Quảng-Nam và bị đày ra Côn-đảo vì có tham-gia vào phong trào biểu tình chống thuế ở các tỉnh Trung-Việt. Trong thời gian này ông học chữ Pháp với những công-chức bị giam trong nhà ngục.

Năm 1914 là năm cuộc chiến tranh Pháp Đức bùng nổ toàn-quyền Pháp ở Đông-Dương là Albert Sarraut ân xá cho một số chánh-trị phạm. Ông Phan-Khôi được

thả ra khỏi tù, ông ra Bắc làm thư-ký cho công-ty Bạch-Thái-Bưởi ở Hải-Phòng. Kể đó ông lại quay sang nghề báo. Ông viết cho Nam-Phong tạp-chí của Phạm-Quỳnh, nhưng sau vì bất đồng ý kiến, ông không viết cho tạp-chí này nữa. Ông trở vào Nam viết cho tờ *Lục-Tinh Tân-Văn* và *Quốc-Dân* diễn-dàn xuất-bản ở Sài-gòn.

Năm 1920 tức là 3 năm sau cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên ông lại ra Bắc viết cho *Thực-Nghiệp Dân-Báo* và tờ *Hữu-Thanh* của cụ nghệ Ngô-Đức-Kế. Trong thời-gian này, ông vừa làm báo vừa dịch thuê quyền kinh thánh của Hội Tin-Lành.

Năm 1928 là năm ở Nam-Kỳ có đảng Nguyễn-An-Ninh ra đời và ở Bắc có cuộc đình công nhà máy Aviat, máy Chai, máy Sợi Hải-Phòng, mỏ than Hòn-gay. Hai tờ *Thực-Nghiệp Dân-Báo* và *Hữu-Thanh* bị chính quyền thực-dân Pháp đóng cửa, ông Phan-Khôi lại trở vào Nam. Ông viết cho tờ *Thần-Chung Trung-Lập* và tờ *Phụ-Nữ Tân-Văn* xuất-bản ở Sài-gòn.

Ông bước chân vào làng văn làng báo từ lâu nhưng đến khoảng

thời-gian này tên tuổi ông mới bắt đầu vang dội nhờ ở những cuộc bút chiến như bút chiến với nhà sư Thiện-Chiếu về đạo Phật, bút chiến với Trần-Trọng-Kim về Nho-Giáo, bút chiến với Hải-Triều về vấn đề Duy-tâm và Duy-vật.

Năm 1931 là năm chánh-quyền thực-dân Pháp đang ra tay đàn áp các phong-trào cách-mạng, ông Phan-Khôi lại ra Bắc và viết cho *Phụ-Nữ Thời-Đàm*, xuất-bản ở Hà-Nội. Rồi năm 1936, ông lại từ già Hà-Nội đi Huế viết cho tờ *Tràng-An*, và xuất-bản tờ *Sông-Hương*.

Năm 1939 là năm cuộc thế-giới chiến lần thứ hai bùng nổ, mà cũng là năm tờ *Sông-Hương* bị đình bản, ông Khôi lại trở vào Sài-gòn. Nhưng lần này ông không làm báo mà lại đi dạy học chữ Nho và viết tiểu thuyết. Sau đó vài năm, vì Saigon là nơi máy bay Đồng-Minh bay đến oanh tạc quân đội Nhật, ông lại rút lui về quê nhà ở Quảng-Nam để sống một cuộc đời yên tĩnh.

Trong thời gian này, thỉnh thoảng ông có viết bài gửi đăng

Đông-Dương-Tạp-Chí xuất-bản ở Hà-nội.

Từ năm 1946 đến năm 1954, ông sống ở hậu-phương Việt-Bắc. Ông làm việc cho kháng chiến, nhưng với một ý chí phục vụ cho quyền lợi dân tộc và chính nghĩa quốc gia. Bởi ở chỗ không phải là đảng-viên của Đông-Dương Cộng-sản, nên ông đã cương quyết đứng về phía của các nhà văn nhà báo trong các nhóm: Nhân-Văn Giai-phẩm tích cực chống lại chính sách vô sản chuyên chế của Việt-Cộng. Ông làm chủ nhiệm kiêm chủ-bút tờ *Nhân Văn* xuất-bản ở Hà-nội.

Nhà cầm quyền Hà-nội thấy việc chống đối của ông có hại cho chế-độ, nên nhân dịp kỷ-niệm Lê-Tán, đưa ông đi Bắc-kinh dự lễ, và đề cho ông mở mắt ra trước sự tiến bộ của nước dân-anh. Nhưng biết đó là một sự tuyên truyền, nên khi trở về tiếp tục làm báo, ông vẫn giữ lập trường, nên bị coi là phản động, là «tờ rớt kít», và hủ hóa. Kết quả, tờ *Nhân-văn* của ông bị đóng cửa. Ông phải đi dự lớp chính huấn mặc dù đã ngoài bảy mươi tuổi.

Ông mất tại Hà-nội ngày 16 tháng 1 năm 1959, hưởng thọ

được 72 tuổi. Thật là một cái tang chung cho giới văn nghệ sĩ nước nhà, và những ai có tính thần tranh-dấu dân-chủ, cương quyết chống lại chế-độ áp bức và độc tài.

Ông đã ra người thiên cổ nhưng chúng tôi tin rằng tinh thần tranh đấu ấy của ông vẫn sống trong giới văn nghệ sĩ miền Bắc, và dội đi khắp bốn phương trời... Giá trị của ông trong văn giới nước nhà trước sau vẫn ở địa-vị một nhà văn, một nhà báo tiền phong có công và xuất sắc.

Qua những giọng về thân thế và sự nghiệp của ông trên đây, chúng tôi càng nghĩ bao nhiêu lại càng bồi ngùi thay cho ông bấy nhiêu.

Thận ôi!—Phải chăng như thế là tan cuộc bảy mươi hai năm của đời ông đã lưu lại được hai chữ « nhà văn », nhưng nhà văn đây là nhà văn chân chính và nhà văn cương trực chứ không phải là thứ nhà văn chỉ văn ở cái vỏ ngoài thôi, còn trong thì hoàn toàn trái lại... Và đó cũng là một sự nghiệp khá vẻ vang của ông, một sự nghiệp phải chí thành, phải cố gắng mới có thể làm được.

II. Hoàn cảnh lịch sử

Muốn hiểu ông Phan-Khôi, trước hết chúng ta cũng cần biết sơ qua về hoàn cảnh lịch sử của ông ; và đó là một yếu tố — trong những yếu tố — quyết định cho tư tưởng và hành động của một nhân-vật, và cho sự nhận xét của chúng ta sau này.

Ông Phan-Khôi là người sinh vào cuối thế kỷ 19, một thế-kỷ nước ta đã biết đến văn-minh của các nước Tây-Phương. Nhưng vừa được biết thì quốc-gia Việt-Nam đã trở thành một thuộc-địa của Pháp.

Nguyên nhân vì đâu, không cần phải nói nhiều, ai ai cũng biết đó là kết quả của chính-sách mục nát và thủ cựu của đám vua quan triều-đình Nguyễn, cộng với cái học từ chương từ Trung-Quốc tràn sang đã mấy ngàn năm ngự trị trong đầu óc sĩ phu. Cái học ấy đã làm cho Trung-Quốc càng ngày càng tới chỗ suy vong, mà các sĩ phu Việt-Nam nào đâu có thấy được gì là những cái tai hại của nó. Thậm chí cho đến lúc gót giày của xâm lăng đã dẫm lên kinh thành Huế, là nơi đầu não

của bộ máy chánh quyền, mà trong triều-đình, ngoài sĩ tử vẫn còn bo bo ôm mãi cái học của Không-Mạnh. Trình Chu như là một lá bùa độ mạng. Như thế hỏi sao mà không đưa dân tộc đi tới chỗ làm thân trâu ngựa cho người ta sai khiến.

Nhân dân trong nước trước đó đã khổ sở lắm than vì các cuộc nổi loạn liên tiếp dấy lên như ong, nào loạn Lê-văn-Khôi, Nông-Văn-Vân, nào loạn Lê-Duy-Lương, Lê-Duy-Cự, nào loạn Lê-Văn-Thịnh, Hoàng-Sùng-Anh, Bàn-Văn-Nhị, v.v... Các cuộc loạn này vừa dẹp xong thì lại đến quân xâm-lăng Pháp tràn vào thôn tính lấy Nam-Kỳ rồi Bắc-Kỳ, rồi Trung-Kỳ, rồi đến năm 1887, chánh quyền của nước ta và luôn cả toàn cõi Đông - Dương đều hoàn toàn thuộc về bọn chúng cho mãi đến năm 1945. Suốt trong những năm có mặt ở đây với danh nghĩa bảo hộ, người Pháp đã làm những gì ?— Hẳn không là ngoài việc sưu cao thuế nặng, là dung túng nạn tham ô những lạm đề biến các quan lại người Việt ra những tay sai đắc lực và một mặt khác là thẳng tay đàn áp các phong

trào của cách mạng giải phóng dân tộc.

Từ cuộc nổi lên của các ông Trương-Công - Định, Nguyễn-Trung-Trực, Phan-Đình-Phùng, Nguyễn-Thiện - Thuật, Hoàng-Hoa-Thám, đến các cuộc khởi nghĩa ở Thái-Nguyên, Yên-Bái và bao nhiêu cuộc khác. Thu hút máu xương người Việt-Nam chưa hết, người Pháp còn cho nhập cảng vào những thứ văn chương đồi trụy, lãng mạn cùng một lượt với các đồ xa xỉ để chôn thanh niên vào trong hố trụy lạc vong bản.

Trong thời gian này Tây học càng lúc càng bành trướng, mà Nho học thì càng ngày càng tàn. Nhưng Tây học thì đa số người theo chỉ vì mục đích của văn-đề cơm áo. Còn Nho học tuy tàn, nhưng trong đó lại có một số người có tư tưởng tiến bộ vì đọc các sách Tân-Thư của các nhà Cách-Mệnh-Tầu và các nhà duy-tân Nhật. Số người này trong tâm huyết lúc nào cũng thấy sôi lên vì vận mệnh nước nhà, nhưng trên hành động để cứu vớt gian nguy thì phương châm không đủ.

Ông PHAN-KHÔI là người sống trong thời đại này, lẽ tất

1
nhiên-những biến cố trên đây rất có ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của ông. Hơn nữa gia đình ông là gia đình Nho-giáo, ngoại tổ ông cụ Hoàng-Diệu cũng là một nhà nho, lại một nhà nho đã tử tiết vì nước. Lớn lên, ông PHAN-KHÔI cũng là một nhà nho, tuy đỗ tú-tài thật, nhưng về mặt tinh-thần lại chịu sự hun đúc của các nhà nho học Phan-Chu-Trinh, Phan-Bội-Châu, Trần-Quý-Cáp qua các sách Tân-thư của Tàu và các sách Duy-Tân của Nhật (nhất là của hai thầy trò Khang-Hữu-Vi và Lương-Khải-Siêu). Vì thế, đối với PHAN-KHÔI, chúng ta cũng không lấy làm lạ gì khi thấy ông là một nhà cựu học, nhưng lại có nhiều phát kiến mới ở trong các tác phẩm hơn của nhiều bạn đồng nghiệp với ông là những tay tân học...

III. Văn tài và địa vị

Bước chân vào làng văn làng báo từ năm 1907 và theo đuổi nghề nghiệp cho đến lúc cuối cùng là năm 1959, khi ra Bắc lúc vào Nam, khi về đất Sông Hương, lúc ở tại quê nhà, khi sống trong

lao tù, lúc ở vùng kháng chiến, cuộc đời văn nghệ của Phan-Khôi thật ba chìm bảy nổi. Tổng cộng trước sau, ông đã cộng-tác đến trên 10 tờ báo và tạp chí.

Qua những tờ báo đã cộng-tác, người ta thấy ông viết về đủ loại văn thơ, nghị luận, bút chiến, dịch thuật và tiểu thuyết, v.v... Văn ông chẳng những đã sáng sủa gọn gàng và danh thép, thỉnh thoảng còn có những châm biếm một cách rất tế nhị. Chẳng hạn như làm câu đối cho mấy người thủy thủ tàu André Lebon điếu cụ Phan-Chu-Trinh (tạ thế ngày 24 tháng 3 năm 1926) ông viết :

*Âu-Châu vạn lý quy vị giữ Sào-Nam mưu nhất diện,
Binh-Dần nhị nguyệt tốt, bất tri Bảo-Đại hữu nguyên niên.*

Nghĩa là : « Từ Âu-Châu muôn dặm trở về, chưa được cùng với ông Sào-Nam (Phan-Bội-Châu) gặp mặt mà tính việc — Năm Binh-Dần tháng hai ông mất, nào có thêm biết cái niên hiệu Bảo-Đại là cái niên hiệu nào ».

Hay như khoảng năm 1926, 1927 có lần tờ Đông-Tây (ở Hà-nội) đăng bức hình vợ chồng Tổng-Thống Lebrun với câu chú

thích : « Tổng-Thống Lebrun và quý phu nhân ». Thấy câu chú thích như thế là sai, là một cách vô ý thức, ông liền viết đề sửa lưng đồng nghiệp bằng một đoạn văn sau đây, ký bút hiệu « Thông Reo » đăng trên mục « Phim » của nhật-báo Thần-Chung xuất-bản ở Sài-gòn :

«... Suýt nữa Thông Reo bỏ mạng vì có ông bạn Pháp biết viết Việt-ngữ chưa rành, nhờ Thông Reo dịch hộ câu chú thích dưới tấm hình của Tổng-Thống Lebrun đăng trong Đông-Tây, Thông Reo bèn dịch : « Le Président Lebrun et votre femme ». Nghe xong người Pháp nổi giận và bắn một phát súng lục vào Thông Reo. May sao không trúng. Thật là hú hồn. Ấy cũng chỉ vì báo Đông-Tây đã dùng mấy tiếng quý phu nhân mà Thông Reo lại dịch đúng nguyên văn, chữ « quý » ở đây có nghĩa là « của ông », chứ không có nghĩa là « quý hóa » như đồng nghiệp đã hiểu lầm dùng sai ».

Là một nhà văn trào phúng, ông Phan-Khôi đã viết những đoạn văn châm biếm về thời sự đại loại như đoạn văn trên này.

Là một nhà thơ, thơ của ông

rất ít, nhưng với bài « Tình già » đầu tiên đăng trong Phụ-Nữ Tân-Văn số 122 ngày 10-3-1932, rồi lại đăng trong Phong-Hóa số đặc biệt Xuân Quý-Dậu (1933) thì thật về nội dung, phải nói là một bài thơ tình cảm vô cùng thành thực và xuất sắc, vì chính nó đã gây nên phong trào thơ mới.

Là một nhà tiểu-thuyết, năm 1939, ông Phan-Khôi có đưa cho Phở-Thông Bán-Nguyệt-San ở Hà-nội xuất-bản tập chuyện dài « Trở vô lửa ra ». Nhưng tập chuyện này bị chìm đi vì đã kém nghệ-thuật truyền cảm, lại xen vào quá nhiều những đoạn nghị luận và bình giải. Rồi đến năm 1956, người ta mới lại thấy có những chuyện ngắn của ông ra đời đăng trong một vài tờ báo đối lập ở Hà-nội như : ông *Bình Vôi*, ông *Năm Chuột*. Các chuyện này của ông được nhiều người biết đến vì tính chất chính trị hơn là ở giá trị về nghệ-thuật tiểu-thuyết.

Nhưng ở địa hạt thơ, hay ở địa hạt tiểu-thuyết, ông Phan-Khôi đều không có sở trường vì ông là một nhà văn xử dụng lý trí mạnh hơn là xử dụng tình cảm, nên ông chỉ thành công khi ở địa hạt của

một nhà văn nghị-luận và bút chiến. Qua địa hạt này, ai đọc những bài của ông trước đây đăng trong những báo « Phụ-Nữ Tân-Văn », « Đông-Dương Tạp-Chí », và sau này trong các báo Giai-Phẩm Nhân-Văn đều thấy ông là một cây bút xuất sắc, tỏ ra có rất nhiều tài nghệ, khi hùng hồn, lúc nhã nhặn, khi châm biếm một cách chua chát, khi khiêu chiến một cách rất nẩy lửa khiến cho một nhà Nho rất hiền như Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu mà cũng phải nổi giận cho ông là, « bạo thiên nghịch địa » xin chém đầu đi để làm răn thiên hạ, vì cũng xuất thân từ Khổng học, nhưng ông Hiếu trung thành với Khổng-Giáo bao nhiêu, ông Khôi trái lại đã kích dữ bấy nhiêu...

Nói tóm lại, ông Phan-Khôi là một con dao pha trong làng văn làng báo, ở địa hạt nào, thì ca, phẩm luận, hay tiểu thuyết, ông cũng làm được cả, nhưng chỗ độc đáo của ông chỉ là ở chỗ một cây bút nghị-luận.

Là một trong những nhà văn nhà báo tiên phong của nước ta, so với các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn-Văn-Vinh, Phan-Kế-Bính, ông Phan-Khôi ngoài quyền

« Chương-dân-thi-thoại » (xuất bản lần thứ nhất ở Huế năm 1936) và quyển « Trở vỏ lừa ra » không có tác-phẩm nào xuất-bản khác nữa. Nhưng công trình ông, tên tuổi ông so với các ông kia cũng không thua kém gì vì những bài nghị-luận phê-bình và bút chiến của ông trong các báo-chí xuất-bản thời Pháp vừa qua, là những bài rất sôi nổi, có sức cảm động người đọc rất mạnh, khá có ảnh hưởng đến trào lưu văn học nước nhà ở trong một giai-đoạn lịch-sử...

Nhận xét tổng quát

Phan-Khôi là một nhà thơ, một nhà tiểu-thuyết, nhưng địa vị của ông trên văn học sử nước nhà là địa vị của một nhà văn viết về phê bình, bút chiến và nghị luận.

Ông là người Nho học uyên bác, chịu ảnh hưởng của học thuyết Khang, Lương, của phong trào Đông-Kinh Nghĩa-Thực, và của phong-trào cách mạng Văn thân, lại thêm có tham bán Tây học, nên văn ông có một lối đặc biệt là lời văn hùng mạnh, ý văn

có nhiều khám phá mới. Và cũng vì chịu những ảnh hưởng trên này, nên ông đã không ngần ngại công kích Nho học một cách rất kịch liệt, nào cho thuyết Tam Cang của nhà Nho là thuyết chỉ đề lợi dụng cho các hạng vua chúa (Chế-độ gia-đình nước ta đem giống với luân-lý của Khổng-Mạnh) nào cho giáo-dục của Khổng-Tử tuyệt nhiên không phải là bình-dân giáo-dục (Nhà Nho với Dân-Chủ) nào cho Khổng-Tử là người chính chuyên với chủ nghĩa Quân-Chủ (Nhà Nho với Quân-Chủ). Nào cho việc thành-lập Khổng-Miếu ở miền Nam là hồng : Hồng bát ! Nó đã hồng bát rồi. Nhà Nho đã mang tiếng nhiều lắm rồi ! Muốn khỏi mang tiếng chỉ có : một là tự giải tán cái đoàn thể của mình đi, một cách im lặng, một là sửa sang theo nền nếp mới. Người ta mặc mặc quá đến nỗi không thấy đến chỗ cái tệ đoan của Nhà Nho ô trọc như thế là sỉ nhục cho Đức Khổng, mà lại nghĩ rằng hề văn chỉ còn tức là đạo Thánh còn... Hỡi người có trách nhiệm ! Sao không soi gương các tôn giáo khác ? Có thấy người ta khuếch trương truyền bá đạo của họ

cách nào không ? Còn mình cơ hàng năm xuân đình một bữa chén, thu đình một bữa chén, rồi ngồi tỳ tay vào trán mà than : Ôi ! Thánh Giáo Lãng Di. (Sông Hương số ra ngày 12 tháng 9 năm 1936).

Là một nhà Nho học, nhưng ông Phan Khôi khác với các nhà Nho học cùng thời ở những điểm trên đây.

Trong văn ông tuy có nhiều khám phá mới, nhưng lý luận của ông chưa hệ thống hóa được, chưa thể kết tinh được, nên có lúc ông công kích Khổng-tử, chê cụ Khổng là một người tôn quân, một người không dân chủ, lúc lại tán dương Khổng-học sợ người ta làm sỉ nhục cho danh giá cụ Khổng. Khi thì bài bác thuyết Tam-cang lúc lại tha thiết : Không gì nguy hiểm cho một dân tộc bằng ở giữa nó, cái thể-hệ này không liên lạc với cái thể hệ trước vì có nguồn có cội, rồi mới nói chuyện tiến hóa được, xưa nay chẳng có cuộc tiến hóa nào đã sản sanh được sau khi nhờ cội lập nguồn... Anh em thanh niên toan học chữ Hán chẳng ? Tôi rất lấy làm hả dạ khi anh em học rồi mà đọc hiểu được một bài thơ của ông hạc

của cha mình. (Đông-Dương tạp-chí số ra ngày 31 tháng 1 năm 1942).

Rồi đôi khi cái lý luận của ông đi đến chỗ máy móc và nguy hiểm chứng tỏ tầm suy thức của ông chỉ đặt ở trong một khía cạnh nhỏ hẹp như với việc Khổng-Tử giết Thiệu-Chính-Mão, (Nhà Nho với dân chủ) ông cho là độc tài, và như việc Tào-Tháo không dám cướp ngôi nhà Hán, ông cho vì Tháo là học trò của Khổng-Giáo — mà không thấy rằng cái tội của Thiệu-Chính-Mão ra làm sao ; có ra làm sao, Khổng-Tử mới phải giết đi để làm răn thiên hạ, cũng như không biết Tháo sở dĩ chưa dám cướp ngôi nhà Hán, là ở chỗ trước mặt Tháo còn nhiều tay địch thủ lợi hại, Tôn-Quyền ở Đông-Ngô, Lưu-Bị ở Tây Thục, Tháo muốn thay nhà Hán, nhưng còn muốn để thiên-tử làm bù-nhìn dặng để bề khuếch trương thanh thế đi dẹp các phe đảng đối lập.

Phan-Khôi là một nhà văn sở trường về nghị-luận, phê bình và bút chiến, nhưng tư tưởng của ông bộc lộ rõ rệt nhất là ở những bài nói về những việc có dính tới Nho giáo.

Ông công kích Nho-giáo vì Nho giáo đã làm cho tinh thần con người đi tới chỗ cố chấp, uơ hèn, bảo thủ và thụ động. Nhưng trong cái công việc phá hoại ấy không có cái gì để thay thế vào, dựng lên thì đó là một việc làm thiếu ý thức, một việc mở lối cho cái học cặn bã khác xa hoa và trụy lạc ở bên ngoài tràn vào.

Như thế tư tưởng trong văn ông nói chung còn là một thứ tư tưởng ở trước ngã ba đường. Ông không muốn ngừng lại ở một chỗ nhưng cũng không biết rằng đi về hữu hay về tả.

Cái tư tưởng ấy kể ra cũng là một tư tưởng tiến, nhưng chỉ tiến hơn các bác hủ nho và các chú tân học ròm mà thôi. Còn đối với những nhà cách-mạng chân chính hay những nhà trí thức thật sự thì người ta sẽ cho ông là một con người bất mãn ở một thái cực này nhảy sang ở một thái cực khác, nhưng không thấy rằng ở thái cực này cũng không hơn gì ở thái cực nọ.

Ông là người có tham gia cách mạng, nhưng tư tưởng và tinh thần cách-mạng của ông không có được sự tài bồi, hun đúc nên càng ngày cái tính chất trong văn

ông chỉ còn đặc sệt những cái bất mãn, tiêu cực, lẫn lộn quần không có một con đường để thoát

Kể ra thì ông là một nhà Nho tiến bộ, một cây bút có nhiệt thành với tiền đồ của văn nghệ nước nhà, và là một con người có khí tiết, một con người yêu nước nhưng không có phương-châm chỉ đạo, và tinh thần yêu nước hay cách mạng của ông mới chỉ có trong tư tưởng thôi, chưa biến ra thành ý chí để thành hành-dộng được, nên văn ông chỉ có thể gọi là của một cây bút cải lương, hay là một cây bút duy tân, chứ chưa thể gọi là của một cây bút chiến đấu được.

Nếu đem so sách với các nhà

văn tiền bối cùng lớp thì thấy PHAN-KHÔI rõ ràng là một ngôi sao sáng. Ở ông tuy có nhiều sai lầm, thiếu sót, nhưng nói chung vẫn hơn nhiều người khác. Ông làm báo, làm văn là thành thật vì tiền đồ tổ-quốc, vì văn học nước nhà, trước sao sau vậy chứ không phải để làm phương tiện bước lên đài phú quý như một số kẻ ở đồng thời, mà dư luận đã lên án gắt gao, chẳng hạn như bọn Phạm - Quỳnh, Nguyễn-Tiến-Lãng, v. v. . . và điểm đặc biệt này của ông cũng là một tấm gương sáng ở trong làng văn làng báo nước ta vậy.



SẮP XUẤT BẢN :

Đất

Mẹ

THƠ

★ PHƯƠNG - ĐÀI

chuyện quê hương

★ TRIỀU-VÂN-TỬ
(Gia-dinh)

Tôi chưa xót khóc đa trong lửa đỏ
số kiếp buồn thần tượng đã nghiêng môi
hoàng hôn đây trùng vây bao thống khổ
dòng hồn đau trăm vạn nỗi — trời ơi !

mạch đất chuyền rung rinh dòng lệ ngọc
oang âm ba thế thảm cuộc đời tàn
nửa khung trời nghiêng chân cuồn gió lốc
hành tinh nào như chín cảnh tan hoang

ngiêng vai gầy xác thân người gỏi máu
mộng ngày mai không hẹn thấy tương lai
niềm tủi nhục những oan hồn thế kỷ
đắp bồi lên xây màu trắng đêm dài

trơ năm mộ khói sầu thiên vạn cở
máu xương Châm chổng chất mãi ngàn sau
rồi hôm nay cuộc đời không bến đỗ
những con người lấy lối bước đi mau

vùng nhưt nguyệt dáng thiên thần gãy cánh
lối xưa mờ chênh chênh bãi non tây
lá vàng rơi dập vùi trong sương lạnh
lời ghen ngào ai tỏ được chua cay

lửa hạ đốt vấy bàn tay nhiệt đới
khô nụ cười hy vọng héo tương lai
thành sa-mạc thồi nghe buồn vạn lối
nét kinh hoàng ai siết chặt vòng đai !

cơn mỗi một — vết ung thư bạc mã
hồn lại hồn gục chết giữa hoang vu
nghe tôi tả ý đời xa xóm cũ
năm tháng gầy trơ mối hận thiên thu

chuyện quê hương nếu ai dừng bước hỏi
tôi sẽ đưa người nửa mảnh khăn xô
và đi thẳng gục đầu vào ngõ tối
sẽ bàn tay mười bốn đốt xương khô
sẽ bàn tay mười bốn đốt xương khô

LẠM TƯƠNG - NHƯ,

TƯ - MÃ TƯƠNG - NHƯ

★ HUỖNH - THƯỢNG - CHỈ

Ô

NG bạn Hoàng-
Đình - Trứ, Nha-
Trang, trong mục thư
bạn đọc Phê-thông
số 172 ngày 15-5-1966 đã bỏ-
tức về đối : Lạm-Tương-Như,
Tư-Mã Tương-Như, Danh
Tương-Như Thực Bất Tương-
Như là : Nguy Vô-Kỵ, Trương-
Tôn Vô-Kỵ, Bì Vô-Kỵ Ngã Diệc
Vô-Kỵ.

Nhưng vì có lẽ ông bạn ngại
đài-dòng nên đã tóm-tắt một
cách sơ-lược. Tôi không ngại

sự hiểu biết nông cạn, nên góp
thêm một vài dòng đề làm vui,
mong Quý vị văn-hữu xa gần
lượng-thứ.

Xuất-xứ câu đối trên theo
Văn-dàn Bảo-giám (Trần-Trung-
Viên sao lục) là của ông Nguyễn-
Hòe, một thần-dồng, một danh-
nho đất Bắc thời Lê-Trịnh.

Trước khi đề-cập đến vấn-đề
liên-quan đến câu đối trên, tôi
xin kể hầu một giai-thoại về
Nguyễn-Hòe.

Nguyễn-Hòa tức Trọng Ngọt, sinh đồng-thời với Nguyễn-Hiến tức Trọng Me đều là hai bậc tuổi trẻ thông-minh, văn-tài xuất chúng.

Một hôm Nguyễn-Hòa có việc đi Hànội. Trời tối, lạ người lạ cảnh chưa biết dừng chân vào đâu đề trọ qua đêm. Bỗng chợt nhớ đến nhà một người bạn của Thầy Đồ mình ở gần đấy, mà Hòa đã có lần theo Thầy Đồ đến một lần. Hòa tìm hỏi thăm đến nhà xin trọ một đêm.

Nhận biết Hòa là đồ-dệ của bạn cố-giao mình, chủ-gia niềm-nở tiếp-đón. Nhân hỏi qua việc học-hành, Hòa đối-đáp đều thông suốt, chủ-gia hết sức cảm mến.

Trong lúc đàm-đạo, chủ-gia có hỏi Hòa kỳ thi sang năm có ứng-thí không. Hòa vẫn có tính tự-đại, huênh-hoang đáp có và quyết giật giải khôi-nguyên.

Chủ-gia tuy có cảm mến, song cũng phải phạt ý vì sự ngênh-ngang của gã thư sinh trẻ tuổi ấy.

Ngoài trời trăng vẫn sáng, ánh sáng trắng vô tình len vào những lỗ giột của mái nhà rơi

một vài giọt trên nền nhà, chủ-gia nảy ý bèn ra cho Hòa câu đối :

« Ốc Lậu Nguyệt Xuyên Hình
Như Kê-Noãn Tam Tam Tứ Tứ »

(Nghĩa là nhà giột, ánh trăng chiếu xuống như quả trứng gà chỗ thì ba quả, chỗ thì bốn quả)

Hòa ứng khẩu đối :

« Giang Trường Phong lộng thế
Tợ Long Lân Trùng Trùng
Điệp Điệp »

(Nghĩa là gió thổi trên dòng sông dài làm sóng nước gợn lên như con long con lân trùng trùng điệp điệp).

Gia chủ khen hay, có khẩu khí, có tương lai. Tuy vậy vẫn chưa hài lòng, còn muốn thử tài thêm, mới nhìn lên giá sách treo trên vách và đọc tiếp :

« Quải Thư Bích Thượng Tận
Thu Tứ Hải Sơn Hà »

(Nghĩa là treo sách trên vách tường gồm thâu cả núi sông bốn biển).

Hòa bấy giờ lúng túng chưa tìm được vế đối cho chính. Bèn đứng dậy xin phép chủ-gia ra ngoài rửa-ráy sạch-sẽ rồi sẽ vào đối. Chủ-gia ưng thuận.

Hòa ra ngoài với ý định nếu tìm ra câu đối được thì trở vào bằng không sẽ quất bài tàu mã luôn.

Nhưng cũng may, khi Hòa đang khoát nước rửa chân ở cầu ao, bỗng nhìn thấy sự rung động các vì sao phản chiếu dưới đáy nước. Hòa gợi ý, hờn hờ trở vào xin đối :

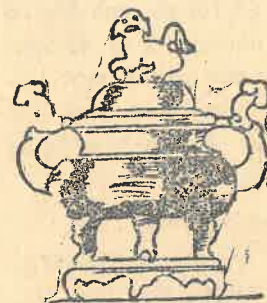
« Tày Túc Trì Trung Diệu
Động Cử Thiên Tinh Đầu »
(Nghĩa là rửa chân ở ao, làm giao-động các ngôi sao ở chín tầng trời).

Chủ-gia tấm-tắc khen hay và dự-định cho Hòa một ngôi giải tế đề làm phần thưởng sau khi Hòa làm nên danh phận.

Năm sau, Hòa ra ứng thí. Gặp quan Chánh Chủ-khảo khoa ấy cũng tên Nguyễn-Hòa, khi xướng danh, xướng ngôn viên vì ký húy tên quan Chánh-Chủ-khảo nên hô chệch là Nguyễn-Huê. Hòa cố ý không chịu vào cứ mang quyền chạy lung-tung. Trong lúc các thí sinh đã vào vì hết mà còn một trò nhỏ chạy tung-tăng ở ngoài, Quan Chánh-Chủ-Khảo mới cho người bắt

loa gọi « Anh là ai, sao chưa chịu vào vi ».

Hòa đồng-đặc đáp to : « Thưa tôi tên Nguyễn-Hòa, là Thăng Hòa đây, chứ không phải Nguyễn-Huê thì vô vi làm sao được ».



Thấy giọng nói bướng-bỉnh có phần khiếm-nhã của thí-sinh tí-hon này, viên Chánh-Chủ-Khảo cũng hơi bất-bình, song chẳng lấy lý gì trách phạt, đành bấm bụng làm ngơ. Song viên Chánh-Chủ-Khảo cũng không khỏi bị mặc-cảm vì sự hỗn-láo ấy, quyết-tâm sửa lưng tên này mới nghe. Vì vậy Viên Chánh-Chủ-Khảo mới gọi Hòa vào và bảo : Ừ được, Huê hay Hòa cũng là thế. Vậy anh hãy đối tôi câu này :

« Lạn Tương-Như, Tư-Mã Tương-Như, Danh Tương-Như Thực Bất Tương-Như » Nghĩa là Ông Lạn-Tương-Như, Ông Tư-Mã Tương-Như, đều có tên Tương-Như, song sự-nghiệp của hai người không như nhau được. Câu này viên Chánh-Chủ-Khảo có ý bảo : « Tôi và anh đều có tên Hòe nhưng tôi là Chánh-Chủ-Khảo còn anh là một thí-sinh, thì như nhau làm sao được. (Chữ Tương-Như nghĩa là như nhau).

Hòe ứng-khẩu đáp :

« Ngụy Vô-Kỵ, Trương-Tôn Vô-Kỵ, Bì Vô-Kỵ Ngã Diệc Vô-Kỵ ». Nghĩa là có tên Ngụy Vô-Kỵ, tên Trương-Tôn Vô-Kỵ, như thế là đăng kia Vô-Kỵ, đăng này cũng Vô-Kỵ. Câu này Hòe có ý nói ông không sợ tôi thì tôi cũng chẳng sợ ông (Vô-kỵ nghĩa là không sợ).

Viên Chánh-Chủ-Khảo thấy Hòe quá-quắt, mới đọc thêm :

« Xì Tính Cang, Thiệt Tính Nhu, Cang Tính Bất Như Nhu Tính Cửu » Nghĩa là Răng bản chất cứng rắn, lưỡi bản-chất mềm dẻo, tính cứng rắn không thê bền lâu như tính mềm dẻo,

như răng cứng thường gãy, lưỡi mềm được lâu dài. Câu này viên Chánh-Chủ-Khảo có ý khuyên Hòe nên nhũn-nhặn, không nên cứng rắn, ương-gàn mà có hại.

Hòe cũng không vừa, đối lại :

« Mi Sinh Tiễn, Tu Sinh Hậu, Tiễn Sinh Bất Nhược Hậu Sinh Trường ». Nghĩa là lông mày mọc trước, râu mọc sau, thế mà lông mày mọc trước sao không dài cho bằng râu mọc sau đi. Câu này Hòe có ý khi ngạo kẻ sinh trước đã chắc gì làm nên sự-nghiệp hơn kẻ sinh sau đâu.

Thế là khoa ấy, đáng lẽ Hòe đậu đầu, nhưng hiềm vì có sự xích mích với quan trường như trên, và kẻ đậu đầu lại là Nguyễn-Hiền là người đã được mắt rồng chú ý trước, cho nên khoa ấy HÒE chỉ được vào hàng Á-Nguyên thôi. Cũng vì thế mà Ngoài Bắc lúc ấy mới có câu « Trạng Me dè Trạng NGỌT ».

★ HUỲNH-THƯỢNG-CHÍ trong nhóm thi văn đoàn Cung-Hăng (Pleiku)

INDONESIA VÀ MÃ-LAI-Á GIỮA ĐÔNG-TÂY

TRÌNH-VĂN-TIẾN



Một vài dấu hiệu tốt

TRONG tháng 5 năm nay, 1966, ở chính-trường quốc-tế, trên cân lực lượng Đông Nam Á, vừa có sự thay đổi lớn. ảnh hưởng trực tiếp đến cục-diện thế giới. Nhưng người ta đã không để ý, có lẽ vì còn bận rộn với một số sự kiện thật gần mình, như phong trào tranh đấu của Phật giáo ở Việt-Nam, chẳng hạn. Tuy vậy, vấn đề vẫn to lớn, vấn đề Indonesia và Mã Lai Á hòa hoãn với nhau.

Sau 38 tháng, hai nước này sống trong tình-trạng chiến tranh không tuyên chiến, hai ông Adam Malik, ngoại trưởng Indonesia và Abdul Razak, phó thủ-tướng Mã-Lai-Á đã chính thức gặp nhau (31-5) tại Vọng Các. Sau đó, (2-6) đôi bên đã ký một bản thông cáo chung nói về sự hợp tác chính trị, kinh tế và văn hóa.

Hơn thế nữa, ông Adam Malik, trước khi lên máy bay về nước, còn tuyên bố Indonesia sẽ cùng Mã-Lai-Á, Thái Lan và Phi-Luật-Tân đi đến một tổ chức « Liên-hiệp Hợp tác » (1).

Đồng thời, Thủ-tướng Mã-Lai-Á Tunku Abdul Rahman đã bình luận rằng « Nguy cơ của những vụ rối loạn, trong đó hòa bình Châu Á có thể bị tiêu vong, đã lùi xa » (2).

Theo tôi, câu nói đó vừa đủ để ứng dụng như một tiên kết cho tầm quan trọng của sự việc, sự việc chỉ phôi cả cục diện hơn thua trong hiện tình thế giới. Muốn có một ý niệm về sự lợi hại này, thiết tưởng nên trở lại từ đầu...

Những khó khăn

Người ta còn nhớ việc thành lập Mã-Lai-Á đã manh nha vào khoảng cuối năm 1960, đầu năm 1961. Tại Luân Đôn, cuộc họp bàn liên hệ đã kéo dài suốt ba ngày, từ 20 đến 23-1-61. Sau đó, hai chính phủ đã ra thông-cáo chung đề cập đến một Ủy-ban đi thăm dò dư luận ở các xứ Sabah (Bắc Bornéo), và Sarawak (3).

Mãi một năm sau, Ủy ban này mới thành tựu, ngày 16-1-1962, do Lord Cobbold cầm đầu, gọi là Ủy-ban Cobbold.

Ủy-ban đã đi thăm Bắc Bornéo và Sarawak suốt 2 tháng, từ 19-2 đến 18-4-62. Kết quả cho biết độ 1/3 dân số tích cực hưởng ứng, 1/3 đồng ý có điều kiện, và 1/3 đòi Anh trao trả độc lập trước đã, rồi hãy hay. (Phúc trình 27-2-63).

Riêng Brunei, Tiều vương Sir Omar Ali Sa'fuddin chấp thuận trên nguyên-tắc (thông cáo 28-7-1962).

Coi như khả thủ.

Ngày 31-7-1962, tại Luân Đôn, Thủ-tướng Anh Harold Mac Millan và Thủ-tướng Mã-lai Tunku Abdul Rahman đã cùng nhau ký kết một thỏa ước dự định sẽ thành-lập Mã-Lai-Á đúng ngày 31-8-1963, tức khoảng một năm sau nữa. Kỳ hẹn nhất định, không triển hạn, dù cho Brunei — vẫn lừng khừng — sẽ hưởng ứng hay không.

(1) VOA đêm 2-6-66. « Liên Hiệp Hợp Tác » ?

(2) AFP (Kuala-Lumpur — 2-6-66) : *La menace de troubles dans lesquels la paix de L'Asie pouvant faire naufrage, a été écartée.*

(3) Commission of Inquiry

Bởi vì trước đó, qua 2 ngày 16 và 17-2-1963, Hội-nghị Jerselton, giữa 5 xứ (Mã-lai, Sabah, Sarawak, Tân-gia-Ba và Brunei) đã đồng thanh chấp thuận chung.

Ngày 8-3-1963, Hội-đồng Lập Pháp Sarawak họp lấy biểu quyết, không có thăm chống nào.

Ngày 13-3-1963, Hội đồng Lập Pháp Sabah (Bắc Bornéo) cũng họp biểu quyết. Hoàn toàn hưởng ứng.

Riêng Tân-gia-Ba đã tổ chức trưng cầu dân ý qui mô (1-9-62), gồm 560.000 người đi bầu 625.000 cử-tri, có 144.077 thăm trắng. Nhưng chính phủ quan niệm rằng thăm trắng là tán thành (4).

Cuối cùng Brunei... lắc đầu.

Qua bao nhiêu trở ngại, trở ngại chính là Indonesia (cho rằng bị đe dọa), Phi-luật-Tân (đòi lại Bắc Bornéo) và Brunei (muốn được Anh bảo hộ hơn là sáp nhập vào Tân quốc gia !), kỳ hẹn đã bị trì hoãn đến 16-9-63 : Như đã biết, Mã-lai-Á bao gồm Sabah (Bắc Bornéo), Sarawak và Tân-gia-Ba (thiếu Brunei).

Đó là một vùng bán đảo rộng 104.060 cây số vuông (kề cả

Brunei : 5.700 cs²), dân số độ chừng 7 triệu người (kề cả Brunei : 84.000 người), chia ra gần 3 triệu rưỡi người Mã-Lai, 2 triệu rưỡi Hoa Kiều, và 750.000 Ấn kiều.

Liên sau khi Mã-lai-Á được thành lập, bao nhiêu khó khăn đã xảy đến, và trở ngại lớn vẫn là Indonesia. đúng hơn, Tổng thống Soekarno. Dù rằng trước đó 3 nước Mã-lai (Phó Thủ-tướng Tun Abdul Razak) Indonesia (Phó thủ tướng kiêm ngoại trưởng Subandrio) và Phi-luật-Tân (Phó Tổng thống kiêm ngoại trưởng Emmanuel Pelaez) đã họp nhau tại Ma-ni, từ ngày 7 đến ngày 11-6-63 (theo sáng kiến của Tổng-thống Macapagal) đề dự định thành lập một Tổng Liên Bang các quốc gia gốc Mã-lai (Maphilindo).

Tháng 11 năm 1964, Indonesia chính thức gây hấn với Mã-lai-Á, bằng cách cho quân du-kích đột nhập dọc theo biên giới Bornéo. Nhưng qua hành động

(4) Đảng đối lập Barisan Socialis (19 nghị sĩ) đã khiếu nại với LHQ. Cuối cùng Thủ-tướng Lý-quang-Điền thẳng thắn.

này, chắc chắn không phải Indonesia muốn tự vệ vì lẽ bị đe dọa. Sự thật đây chỉ là một kế hoạch nằm trong một chiến lược ứng dụng cho cả vùng Đông-Nam-Á

Chẳng hạn, J. Jacques Francillon (Figaro 21-10-63) ở Djakarta về, đã cho biết tham vọng lớn (la grande ambition) của Tổng thống Soekarno là muốn kết hợp toàn cõi Mã-lai (rassembler tout le monde Malais) — tức gồm Indonesia, Mã-lai-Á và Phi-luật-Tân — thành một quốc gia to tát 120 triệu người, đứng trung lập thật tình giữa Hoa-lục và những vị trí Tây Phương ở Úc và Tân Tây-Lan (... sincèrement neutriste entre la Chine populaire et les positions occidentales d'Australie et de Nouvelle Zélande) !

Và chẳng bên cạnh tổng thống Soekarno còn có Thủ-tướng Sihanouk để chứng minh thêm..

Thái tử Sihanouk ở Djakarta về

Trong ngày kỷ-niệm « Đệ thập chu niên Hội nghị Bandoeng » (18-4-1965) tại Djakarta đã có mặt đủ cả các thủ tướng Chu

ân-Lai, Phạm - văn - Đồng và Sihanouk. Ở đó, hôm đó mấy nhân vật này đã cùng nhau hội kiến với Tổng-thống Soekarno.

Nên nhớ, trước khi sang Djakarta dự lễ, Thái tử Sihanouk còn khẳng khái đòi hỏi phải có một hội nghị Genève để bảo đảm nền trung lập và lãnh thổ của Cam-bốt. Chẳng hạn, ngày 15-3-1965, Thái tử đã gửi cho hai nước Anh, Nga (đồng chủ tịch) một văn thư yêu cầu tái nhóm về vấn đề này, có cả bản sao mời Việt-Nam Cộng Hòa (đã tuyệt giao) cùng hợp. Nhưng đi Djakarta về rồi, thái tử đã hoàn toàn thay đổi lập trường, lại công kích Thái lan, Việt Nam Cộng Hòa và Hoa-kỳ.

Như sáng 24-4 (một tuần sau cuộc lễ) lúc khởi hành một cuộc kinh lý, thái tử đã tuyên bố : « Tôi chẳng tin tưởng gì mà vẫn duy trì đề nghị của mình, tuy rằng xét ra ngày nay một hội nghị Genève cho Cambodge có vẻ đáng bỏ qua.

Tôi sẽ không đòi hỏi sự tham dự của Hoa-kỳ, Thái-Lan và Nam Việt-Nam, vì nếu thế sẽ chẳng bao giờ chấm dứt được

chuyện thù nghịch giữa Đông phương với Tây phương...(5)

Hơn thế nữa, thái tử còn lấy cơ bản kinh lý để không tiếp ông Gordon Walker, đặc sứ của Anh (Nga đã tán trợ đề nghị của Cambodge rồi) đến Nam Vang để bàn định việc xúc tiến Hội-nghị Genève 1965.

Hai hôm sau (26/4), ở Nam Vang đã xảy ra những vụ biểu tình đập phá tòa đại sứ Hoa Kỳ để mở đầu cho quyết định đoạn giao (1/5) giữa hai nước.

Những sự kiện đó, có thứ tự thời gian một cách sắp sắn, cho thấy thái độ của thái-tử Sihanouk không phải ngẫu nhiên mà xảy ra Nhất là bấy giờ đang thời oanh-liệt của Tổng thống Soekarno, mà người ta đã hiểu được lập trường của ông qua những hành động của chính ông. Chẳng hạn, hồi tháng 8/1964, ông đã chấn chỉnh nội các Indonesia bằng cách bổ-nhiệm... viên chủ tịch đảng C S Njoto vào chức vụ Bộ-trưởng tại Phủ Tổng thống cho mình !

Một dãy dài liên minh

Vậy thì vấn đề có hai góc cạnh địa-dư và nhân chủng. Trước hết

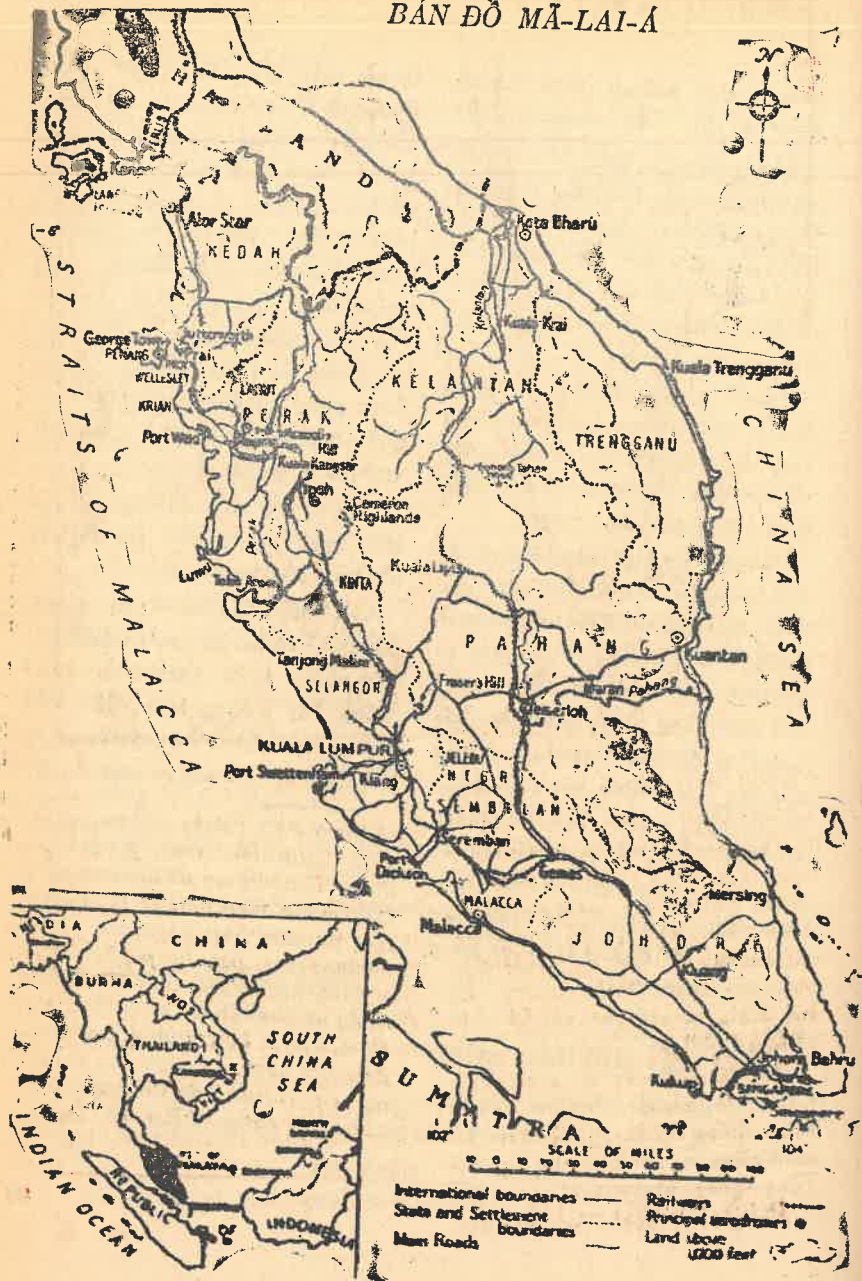
là cái mũi tên dài thượt đâm thẳng từ Hoa-lục xuyên qua Bắc Việt, Trung Lào, Cambốt hướng xuống Mã-Lai-Á, và cái mũi tên cụt ngắn nhưng sát sạt từ Indone-sia chọt lên Mã-Lai-Á. Nhưng trục Bắc-Kinh - Djakarta còn vương ở quãng giữa, Thái-Lan và Việt Nam Cộng hòa, cho nên Cam-bốt « hòn đá chèn vào giữa » phải được phân công gì đó, như tạo tình trạng bất ổn cho cả đôi bên nước láng giềng.

Sau nữa ở cuối đường lại gặp trở ngại Mã-lai-Á, thì đây là phận sự của Indonesia.

Giả thử Mã-lai-Á bị xuyên thủng, sẽ có hai cái lợi trước mắt : một phòng tuyến (hay ranh giới) Đông Tây đường biên dài 500 cây số hợp thành bởi Sarawak và Sabah, hai là trong số non 7 triệu

(5) Theo PTX (24/4) : Je maintiens sans illusion ma proposition d'une Conférence de Genève sur le Cambodge, bien qu'elle m'apparaisse aujourd'hui dépassée. Je ne demanderai pas la participation à cette conférence, des Etats Unis ni de la Thaïlande et du Sud Viêt Nam, car si l'on invite ces deux derniers pays, on n'en fini à jamais en raison de l'antagonisme existant entre l'Est et l'Ouest.

BẢN ĐỒ MÃ-LAI-Á



CÁN CÂN LỰC-LƯỢNG ĐÔNG-NAM-Á



(7.500.000) người, thì già nửa (2.500.000) gốc Hoa. Nhất là Tân-gia-Ba, dân số 1.700.000 người, có tới 75% gốc Hoa, lại có sẵn những lực lượng nghiệp đoàn « các chú » thành tựu ở các trường sở do các Hoa-kiểu quản trị, thuộc ảnh hưởng của Bắc-kinh, tức có cán bộ TC chi phối.

Bởi đó mới nảy ra quan niệm « tout le monde Malais » của Tổng thống Soekarno, đề đổi lại quan-niệm « Maphilindo » của Tổng thống Macapagal.

Bây giờ, vì quyền lợi quốc gia,

Phi-luật-Tân chỉ đoạn giao chứ không phá rời Mã-lai-Á. Bây giờ có sự gặp gỡ Malik-Rajak, và sẽ « hợp tác chính trị » tức là Indonesia cũng không xâm kích Mã-lai-Á nữa. Nhờ thế mà trong vùng sẽ được thống nhất, có thêm một khối nặng hàng nghìn hòn đảo với 70 triệu người để lấy lại sức mạnh toàn cõi Mã-lai.

Kết quả này còn chứa đựng ý nghĩa cả một dãy liên minh Đại Hàn-Đài-Loan-Phi-luật-Tân-Indonesia-Mã-lai-Á-Thái Lan-Việt-Nam Cộng-hòa.

TAI SAO
ĐÌNH CHỈ

LỄ PHẬT - ĐẢN

NĂM
NAY ?

● ĐIỀU - HUYỀN

VIỆN Hóa - Đạo có phổ-biến một thông-cáo đình-chỉ lễ Phật-đản năm nay mà không chính thức nêu rõ lý-do. Đa số Tăng-Ni và Phật-tử vì vậy mà thắc-mắc. Theo thiên-ý của chúng tôi thì không thể có lý do nào chánh-dáng cả. Một số Phật-tử có hỏi quý Thầy ở V.H.Đ. thì được trả lời rằng

chớ vui mừng gì mà làm lễ Phật-Đản ? »

Nhưng chúng tôi nhận thấy đa số Phật-tử không tán-thành lý-do đó. Đồng-ý Phật-giáo phải đề-tang, nhưng chúng ta có thể vừa đề-tang cho các vong-linh Đạo-hữu tử-nạn, mà vừa làm lễ Phật-Đản không được sao ? Lễ Phật-

BÌNH CHỈ LỄ PHẬT ĐẢN

Đản đầu phải như ngày Tết, phải đốt pháo vui mừng ? Lễ Phật Đản là ngày Lễ thiêng-liêng nhất, tôn-nghiêm nhất của Phật-giáo chúng ta, giá sử cuộc tranh-dấu ở vào thời-kỳ quyết-liệt thế mấy chăng nữa, người Phật-tử « Bi-Trí-Dũng » cũng nhất-định không vì duyên-cớ nào mà bỏ phế ngày Đản-Sinh của Đấng Từ-Phụ Tôn-Nghiêm. Nói cho cùng, giá sử như dưới thời Ngô đình-Diệm, Phật-giáo bị nguy-biến vô cùng trầm-trọng, bị đàn-áp vô cùng dã-man, Phật-tử cũng cứ phải giữ vững đạo Từ-Bi, quỳ sụp trước Phật-Đài mà đọc Kinh Cầu-Nguyện, nhớ ngày Đức Thích Ca Mâu Ni xuất thế để cầu Ngài cứu độ cho Nhân-dân ta, cho Tổ-quốc ta, cho toàn thể Dân-tộc Việt Nam đang-quân-quai đau thương trong máu lửa. Lễ Phật-Đản đâu cần phải thả đèn hoa sen xuống sông, xuống hồ, chưng bày xe hoa, rước Tượng Phật, tổ-chức liên-hoan văn-nghệ, ca-hát náo-nhiệt tung-bùng ? Đâu phải thế, trời ơi, đâu phải thế ! Trong thời bình, chúng ta hân-hoan làm lễ Phật-đản, cho xứng đáng lòng trung-thành và chiêm-ngưỡng của chúng ta đối với Đức Phật, nhưng

giữa lúc chiến-tranh điu-hiu tang-tóc, chúng ta không làm lễ Phật-đản đau thương bí-dắt được hay sao ?

Theo ý mọn của tôi, trong dịp Lễ Phật-đản vừa qua, đáng lẽ quý Thầy ở Viện Hóa Đạo phải kêu gọi toàn thể Phật-tử đến thăm đông-nơi Quốc-tự và tất cả các Chùa để dự Lễ Phật-Đản.

với 3

điểm rất giản-dị trong chương trình:

1. — Niệm kệ mừng Phật ra đời
2. — Cầu siêu cho các vong-hồn Phật-tử tử-nạn.

3. — Cầu-nguyện Đức Phật cứu độ Dân-tộc Việt-Nam, và Quốc gia Việt Nam.

Buổi lễ phải được toàn thể quý Thầy tham-dự, rất tôn-nghiêm, thích-hợp với hoàn-cảnh hiện tại. Đề cho qua ngày Phật-đản xong rồi ngày hôm sau quý thầy cứ việc kêu gọi Phật-tử tiếp-tục tranh-dấu, xuống đường, đình công, bãi thị, v.v... tùy theo quý thầy muốn.

Lễ nào quý vị Thượng Tọa ở Viện Hóa Đạo lại coi việc xuống đường đi biểu tình còn trọng đại và đáng làm hơn là Lễ Đản-sinh của Đấng Thế Tôn ? ? Phật tử nghỉ tranh đấu trong 24 tiếng đồng hồ để mừng ngày Đản sinh của Phật, để cầu siêu cho các Đạo-hữu tử nạn, để đọc Kinh cầu nguyện Phật cứu-độ toàn thể chúng sinh Việt-Nam mau thoát khỏi chiến tranh, thì có hại cho Đạo Pháp và cho Dân tộc lắm sao ? ?

Chính ngay ở Huế, lễ Đản sanh của Đức Phật vẫn được tổ chức tập trung tại chùa Diệu-Đế, nơi mà thầy Trí-Quang đang cư ngụ, nơi mà Ni cô Thích-Nữ Thanh-Quang, 50 tuổi, đệ tử của thầy Đôn Hậu, đã tự thiêu. Phật tử đến rất đông.

Rồi lặng lẽ giải tán khi màn lễ.

Và lại, thầy Thích-Tâm-Châu đi công cán ở Ngoại-quốc có đánh điện tín về, đăng trên các báo Saigon, yêu cầu toàn thể Phật-tử làm lễ Phật đản, tại sao

quý Thầy ở Viện Hóa Đạo không thi hành chỉ-thị của Thầy Viện-trưởng ? Tôi sợ rằng thái độ của quý Thầy phủ-nhận mệnh-lệnh của Thầy Viện-trưởng, đã làm mất uy-tín của Viện-Hóa-Đạo không ít, và, sự thực đã gây ra rất nhiều dư-luận hoang-mang trong các giới đồng-bào Phật-tử khắp nơi.

Có một số người tuyên truyền rằng làm lễ Phật-đản tức là «theo Chánh-phủ». Thế nghĩa là thế nào ? Lễ Phật-đản của chúng ta. Lễ Phật-đản của 10 triệu đồng-bào miền Nam, chứ Lễ Phật-đản của chính-phủ à ? Chính-phủ nào cũng vậy, không riêng gì chính phủ Thiệu-Kỳ, tôn-giáo nào họ cũng trọng, Noel họ cũng ư, Phật-đản họ cũng vâng, thậm-chí cái ông cụ già Không-tử kia cũng được họ đề-cao, ca ngợi.

Dù có thế chẳng nữa, thì há lẽ vì xung-đột

mà các Thầy ra lệnh cho 10 triệu tín-đồ Phật-giáo miền Nam dừng làm lễ Phật-Đản hay sao ?

Tôi không biết Đồng bào Phật-tử ở miền Bắc có làm lễ Phật-đản hay không. Nếu họ được phép làm, thì đó là Phật-tử miền Nam chúng ta đã thua Phật-tử miền Bắc về phương-diện tín-ngưỡng rồi đó. Họ cũng đang bị chiến tranh,

thế mà sao họ vẫn làm Lễ Phật Đản ? Còn nếu họ không được phép của Đảng Cộng Sản, thì hóa ra chúng ta đây cũng bắt chước họ mà bắt đầu bỏ phế ngày Lễ Đản-sinh của Đức Phật hay sao ? Nếu sang năm và năm sau nữa Phật giáo sẽ còn tranh đấu, Phật tử sẽ còn chết, thì sang năm và năm sau nữa, quý vị thượng tọa lãnh đạo 10 triệu Phật-tử chúng tôi cũng sẽ ra lệnh cho chúng tôi bỏ luôn lễ Phật-Đản nữa hay sao ?

Than ôi, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm, chiến sĩ Phật tử ở trong Quân đội V.N.C.H. binh-sĩ, sĩ quan, thị xã quan, bỏ thầy tiền chiến trường biết bao nhiêu mà kè, trong 20 năm qua họ cũng chết để bảo vệ tổ quốc và Tự-do tín

ngưỡng đấy, sao hai chục năm qua quý Thầy không bảo Phật-tử bỏ Lễ Phật Đản ? Năm nay, lần đầu tiên trong lịch sử Phật-giáo Việt-Nam và thế giới, quý thầy lại đột ngột ra lệnh bỏ Lễ Phật đản. Điem gì lạ vậy ?

Tôi lại nghe tin rằng Chùa Xá-lợi làm lễ Phật-đản, thì có một số thanh niên Phật-tử gọi thơ đến hăm dọa. Ôi, mịa mai làm sao !

Kính lạy Đức Phật Cao-Nghiêm, Quảng-Đại Quang-Minh, kính lạy Đấng Từ-Bi Vô-Lượng, tín-đồ chúng con thật đau-xót và lo-sợ vô cùng ! Không phải chúng con sợ cho bản thân của chúng con bé nhỏ hơn hột cát sông Hằng, và đầy nghiệp-chướng, mê-làm, không còn ham sống làm gì nữa, nhưng chúng con sợ dần dần giới Tỳ-kheo, Đệ tử của Phật, sẽ mỗi ngày mỗi xa Phật, mỗi ngày mỗi quên Phật, mỗi ngày mỗi mất Phật, thì chúng sanh, Phật tử còn biết nương tựa vào đâu để mong giác-ngộ khỏi mê-làm ?

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT !

điên

● TỔNG PHƯỚC THO

(cho Thủy Dương Tử với cuộc đời điên)



Có những người điên mang tuổi đại
Cuộc đời lần gót bước chân qua
Mềm môi nuốt cả, ân tình vụng
Ai cố nhân mà — nghĩ đến ta.

Hăm sáu phong trần nghe nghiệt ngã
Bỗng chốc thời gian hóa kẻ điên
Mở mắt xem chừng đời tao loạn
Cái chết điểm rồi : tên gọi tên.

Cứ trả ta về thời trung cổ
Rừng rú ngày xưa ta thấy em.
Bởi chán loài người : hay đao phủ.
Trời đất ngông cuồng — một loài điên,

Có những người điên mang tuổi đại
Điên chừng không hết bấy lâu nay
(Ừ thôi quán khách điên đi nhủ)
Say với điên mà - hay rất hay.



TIẾNG

ĐỘNG

BUỒI

TRƯA

NHU

TRỊ

BUI

CHÁNH

THỜI

Tôi ngồi giữa những tiếng động vây quanh. Không biết bao nhiêu ngày tháng rồi tôi vẫn sống như vậy, không để ý đến và xem như là một yếu tố trong khung cảnh sống thường ngày. Tiếng động xâm nhập vào

cả tiềm-thức tôi, đến nỗi nhiều lúc được ngồi ở một nơi tĩnh mịch tôi lại cảm thấy cô-đơn, và những phút ấy dù muốn tôi cũng chẳng suy nghĩ được gì; dường như sự suy nghĩ làm việc trong tiếng động đã trở thành một thói quen khủng-khiếp.

Trạng thái của tôi quả thật là trạng thái của một người nghiện chất độc ; tôi khổ vì ồn-ào, vì những thứ âm thanh hỗn tạp mà tôi không thể gọi tên là gì.

Những buổi trưa Sài Gòn nóng bức không khí quay cuồng náo loạn, liếng máy bay, tiếng xe cộ, tiếng la hét trong những cuộc biểu tình, chen lẫn với tiếng người lao xao bàn tán, có khi cả tiếng trẻ con khóc đòi mẹ nó, tiếng người hành khất van xin. Cái hỗn-tạp ấy của cuộc sống đưa người ta đến cuồng-bạo.

Cuộc phấn đấu dành lấy sự sống càng ngày càng gay gắt, tương tranh chính trị càng ngày càng dữ-đội, mảnh đất nhỏ bé miền Nam sôi sục giữa mùa nắng cháy. Cầm bút không viết được lời nào ngoài những ý tưởng hỗn loạn giữa một cuộc sống hỗn loạn.

Nhắm mắt đi người ta vẫn không cảm được thực tại, chui vào tai, nhập vào tiềm thức. Khó mà tìm thấy được sự thuần khiết,

TIẾNG ĐỘNG BUỔI TRƯA

Trong cái hỗn loạn ấy, nếu không oan niệm rằng tất cả chỉ là cuộc phấn đấu sinh tồn.

Chiến tranh, đau khổ, dày vò, tất cả chỉ là biểu hiện của cuộc sống, tất cả chỉ là biểu hiện của phấn đấu dành lấy sự sống. Dù có trốn lánh vào đâu, người ta cũng không thể phủ nhận thực tại đang sôi động hằng ngày.

Nghĩ đến ai hay nghĩ đến mình điều đó đã trở nên vô nghĩa; chỉ biết rằng giòng nước lớn vẫn cuộn cuộn chảy, mà không thể làm được một Lão-Tử hay Trang Chu, đứng trên bờ sông nhìn xuống.

Chưa bao giờ đất nước thân yêu đau khổ nhưng đứng mãnh như lúc này.

Vào cuộc đấu tranh, cái nhìn khó mà khách quan được; nhưng khách quan là gì nếu không phải

là cái tấm lưới che mặt của những cô gái Á-Rập, được dùng để nguy trang một thái độ thụ động và xem đó như là một thứ triết lý khôn ngoan nhất.

Những tiếng động hỗn loạn vẫn rót vào tai, trong cái phức tạp ấy sự thuần nhất vẫn là sự sống. Khách quan hay chủ quan không phải là vấn đề, khi người ta đối diện với sự sống.

Những tiếng động hỗn loạn vẫn rót vào tai và bây giờ trong cái thực tại hiềm nguy từng giờ từng phút, cuộc sống vẫn tiếp tục, cuộc phấn đấu vẫn tiếp tục.

Tiếng động hỗn loạn vẫn vây quanh tôi, vài cảm nghĩ nhỏ như cánh phù du lạc vào mệnh mông vũ trụ. Nhưng dù nhỏ cánh phù du vẫn là một thực tại và dù lớn vũ trụ cũng chỉ là một thực tại.



GÓP VUI

Thành thật góp vui cùng
LÂM VĂN LỢI và TRƯƠNG THỊ THÙY-KIỀU
và cầu chúc hai bạn trọn đời yêu nhau.

TRẦN-CHU — Saigon

★ TÂM - TRÍ

TÔI đi chuyến này với Đại-dức Thích-Như-Niệm, một vị sư trẻ tuổi nhưng là một vị chân tu có nhiều Đạo-hạnh.

Vì ở xa Sài Gòn quá, nên chúng tôi đến bến xe của Hàng-Không V.N. ở ga xe lửa trễ mất 45 phút. Cô kiểm vé cười bảo :

— Trời ơi, phi-cơ 7 giờ đã cất cánh mà 7 giờ 15 quý Thầy mới tới đây thì đi sao kịp nữa ?

Nhưng tôi nhớ đêm hôm ngủ mê tôi có chiêm-bao thấy máy-bay đi Huế trễ hơn một giờ, nên tôi phớt-tĩnh bảo cô :

— Chúng tôi đi thẳng lên Tân, sơn nhút có lẽ còn kịp giờ.

Cô kiểm vé cười mĩa :



— Dạ, quý thầy cứ đi xem.

Chúng tôi xách hai va-li ra ngoài cổng, chờ 10 phút không có taxi, đành gọi một xe cyclo-máy. Anh xe làm eo dòi 70 đồng.

Chúng tôi lật-dật leo lên xe, mỗi người ôm trên ngực một chiếc va-li kèn cồng. Cũng may là va-li không đựng gì nhiều nên nhẹ bồng. Vài ba bộ quần-áo để thay, với một ít đồ dùng lật-vật. Riêng Thầy Như-Niệm còn đem theo quyền Kinh « *Hiền-Ngu* », tôi quyền Kinh « *Phổ Môn* », một mớ giấy pelure trắng, và hai cây viết chì Bic.

Tôi nói với Thầy Như-Niệm :

— Lạy trời máy-bay chưa cất cánh.

Thầy tủm-tủm cười, không trả lời. Anh xe nói an-ủi :

— Tui chạy 15 phút tới Tân-sơn-Nhứt, quý Thầy dừng lo.

Tôi ngó đồng-hồ đeo tay của Thầy Như-Niệm : 8 giờ thiếu 5. Tôi cười :

— Nếu máy-bay đã cất cánh, thì bây giờ gần tới Huế rồi, Thầy ơi !

Thầy Như-Niệm cứ tủm-tủm cười mãi. Đến trạm kiểm-soát vào phi-trường, xe cyclo của chúng tôi bị chặn lại. Cảnh-sát và quân-cảnh cho biết tất cả các loại xe taxi và cyclo đều không được vào phi-trường. Làm sao bây giờ đây ? Tôi bảo ông Cảnh-sát :

— Thầy làm ơn cho tôi gọi nhờ điện thoại vào phi-trường hỏi xem chuyến máy bay đi Huế đã cất cánh chưa ?

Cảnh sát đòi xem vé. Tôi đưa ra. Anh ta xem kỹ một chặp, rồi bảo :

— Trong vé ghi 7 giờ cất cánh, bây giờ đã 8 giờ hơn làm gì còn. Hối mất công.

Chiếc xe cyclo đậu ngoài ngã-ba, cách trạm kiểm-soát độ 50 mét. Thầy Như-Niệm ngồi trên xe chờ tôi. Tôi trở ra, bảo :

— Thầy ơi, hay là tui mình xách va-li đi bộ vào phi-trường vậy. Thầy nghĩ sao ? Biết đâu phi cơ chưa bay ?

— Từ đây vô trong đó còn xa không, bác ?

— Gần nửa cây số thôi.

Chợt có chiếc xe Hàng-không

Việt-Nam từ phi-trường chạy ra. Chúng tôi đoán chừng đây là xe của hãng chở hành-khách lên phi-trường rồi bây giờ trở về Saigon. Xe trống rỗng không có người. Tôi đưa tay ngoắc tài xế, một tay xách va-li. Xe ngừng, tôi hỏi :

— Anh tài-xế ơi, chuyến máy bay đi Huế 7 giờ đã cất cánh chưa ? Chắc chưa nhỉ ?

— Dạ chưa.

— Ồ ! Thế thì may quá. Anh làm ơn cho chúng tôi vào phi-trường nhanh lên. Hai cái vé đi Huế của chúng tôi đây nè.

Anh tài-xế rất tử-tế, bảo chúng tôi lên mau. Tôi vội-vàng leo lên xe xuýt quên trả tiền cho anh cyclo máy. Anh xe không có tiền thối, tôi đành đưa luôn 100đ. Xe Hàng-không V.N. quẹo trở lại trạm kiểm soát và chạy thẳng vào phi-cảng. Tôi nhảy xuống thật lẹ, chạy vào guichet của Hàng không quốc-nội, trao hai vé cho cô chiêu-đãi-viên. Xem qua, cô hỏi :

— Ông đến trễ quá vậy ? Tôi cười.

— Ông có hành lý không ?

— Có hai va-li.

— Ông đưa đi cân mau lên. Còn 5 phút nữa máy bay cất cánh.

Tôi chạy ra sân gọi thầy Như-Niệm. Chúng tôi xách va-li vào chỗ cân và giao cho họ. Vừa xong thủ tục, thì có tiếng loa gọi :

— Xin mời quý hành khách đi Huế, ra cửa số 1 để sửa soạn lên phi cơ.

Thầy Như-Niệm và tôi nhìn nhau, cùng nhoẻn một nụ cười thích thú. Đồng hồ phi trường chỉ 9 giờ 15. Thế là cuộc khởi hành báo hiệu được hoàn toàn tốt đẹp.

Chiếc DC-6 bay Saigon-Huế chỉ lâu 1 giờ 20 phút, khi nó từ từ đáp xuống phi đạo, tôi bảo Thầy Như-Niệm :

— Đây là phi-trường Phú-Bài ở phía Nam thành phố Huế, còn cách Huế đến 12, 13 cây số. Xe của Hàng-không Việt-Nam Huế sẽ đưa chúng ta đến cái rún của miền Trung, nơi phát-xuất các phong trào tranh - đấu từ ba năm nay và hiện tại, theo mệnh-lệnh của một lãnh tụ còn trẻ tuổi, Thượng-Tọa Thích-Trí-Quang.

Lúc xe chạy đến An-Cựu, ở ngoại-ô Huế, tôi khẽ bảo thầy Như Niệm.

— Thầy nghĩ rằng ông-bà Huệ đi hai bên đường, thầy thấy bề ngoài họ cũng hiền-lành, dễ thương, giống như đồng bào miền Nam mình, chứ có khác gì đâu. Họ có dư tợn gì đâu. Họ là dân chính-cống của kinh-dô Huế, ở đây cũng như ở Trung-Tâm thành-phố, ở cầu Trường-Tiền, ở chợ Đông-ba, hay ở quanh chùa Từ-Đàm. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ rằng họ là những người quá « hăng tiết vệt », hay là những dân « chọc trời khuấy nước », những tay cách-mạng quá-là mức, « ghê gớm » theo như dư-luận chung nhận xét về họ.

Thầy Như-Niệm chú ý quan-sát những đám người đông-đảo, những cử-chỉ ngôn-ngữ của họ, những nhà cửa ở ngoại-ô và dần dần đến thành phố, Sông Hương, cầu Trường-Tiền, đường Trần-hưng-Đạo, chợ Đông-Ba... Thấy thốt ra một câu :

— Huế không đẹp bằng Đà-Lạt, và nhỏ hơn Đà-lạt. Đồng-bào ở đây coi bộ nghèo khổ hơn ở miền Nam, đời sống có lẽ khắc khổ

hơn. Nhà cửa thấp tè-tè, và cũ kỹ quá.

Tôi ngạc-nhiên về sự nhận-xét của vị Sư trẻ-tuổi lần đầu tiên đến Huế không đề ý đến những cảnh đẹp danh tiếng của Cựu-Đế-dô, mà chỉ thấy cảnh nghèo khổ tương-đối của thành phố Huế so với Sài-gòn.

Nhưng nhận xét ấy quả thật là đúng. Ngoài những công-thự của chính-phủ, chỉ có một khách-sạn rộng lớn đồ-sộ của người Mỹ, còn không có một tòa nhà nào cao lớn của người Việt-Nam ở trung-tâm thành phố cũng như trong thành-nội, hay ở các vùng ngoại-ô. Tính-chất cổ-kính của thành-phố Huế trên lĩnh-vực kiến-trúc, tạo-tác, cũng như về phương diện nhân-sự và tâm-lý của quần-chúng mà hai phần ba là tín-dồ trung kiên của quý vị Thượng-Tọa, thật là khác hẳn với cuộc sống mới luôn luôn thay đổi, rộn-rịp ngày đêm, vô cùng phức-tạp của Saigon muôn mặt. Nơi đây, những màu sắc, những trạng-thái nhiều khi tự mâu-thuẫn với nhau ngay trong tiềm-thức của con người, và trong nội tâm của xã-hội. Đó là nguyên-nhân chính của sự cách biệt sâu xa giữa các cuộc tranh-dấu phát-động ở Huế và

tuyên truyền sách-động ở Saigon.

Ở trên xe của Hàng-Không Việt-Nam bước xuống, chúng tôi vào phòng đợi của hãng để nghỉ một chút trong khi chờ lấy hành-lý. Ngẫu-nhiên gặp một bạn thân, làm tư-chức ở một hãng lớn của Việt-Nam ở Huế từ 5 năm nay. Sau khi tay bắt mặt mừng và trao đổi vài ba câu chuyện hàn-huyên, tôi hỏi ông bạn :

— Sao anh, tình hình tranh đấu ở Huế như thế nào, anh ở đây đã lâu, chắc anh hiểu nhiều ?

Ông bạn cười :

— Nói thiệt với anh, tôi chẳng hiểu gì cả.

— Anh ở Huế mà anh không hiểu ? Tôi ngạc nhiên hỏi.

— Vâng, tôi làm việc ở Huế, nhưng tôi là người miền Nam, người Saigon, anh biết chứ !

— Người Saigon hay người Huế, thì có khác gì nhau ?

— Vâng, mình là người Việt-nam cả, nhưng phải là người Huế mới hiểu được rõ những chuyện xảy ra ở Huế. Riêng tôi thú thật là không hiểu gì cả. Nhưng anh ra đây ở đâu ? Hay là anh về ở nhà tôi, tại mình nói chuyện cho vui.

Cảm ơn anh, tôi ở Chùa. Có Đại-đức đây nữa, ở Chùa tiện hơn.

— Chùa nào ?

— Linh-Quang, hoặc Từ-Đàm hoặc Linh-Mụ.

—Ồ, thế thì anh cứ hỏi ngay mấy thầy, anh sẽ hiểu rõ hết. Chính mấy thầy khởi xướng và điều khiển các cuộc tranh đấu sôi nổi ở đây, chắc anh cũng biết.. Anh ra Huế có việc gì ?

— Để tìm hiểu tình hình. Tôi đang viết một quyển Lịch-sử Việt-Nam hiện-dại, chú trọng về những cuộc xáo-trộn nội-bộ miền Nam từ những năm cuối cùng của chế độ Ngô-dinh-Diệm đến nay. Tôi muốn thu gộp những tài liệu xác thực, và nói chuyện với những nhân vật chính có đóng vai trò lãnh đạo các phong trào tranh đấu, và tìm hiểu dư-luận của các giới đồng-bào ngay ở đây. Thôi, bây giờ tôi lên Chùa, ngày mai tôi đi Quảng-Trị và Bến-Hải, ngày mốt tôi trở về Huế và thế nào cũng sẽ đến thăm anh và nhiều bạn khác.

— Anh nên hỏi mấy ông Thượng-Tọa.

— Dĩ-nhiên. Đối với quý Thầy, tôi không phải là người khách xa lạ... Thôi, chào anh nhé, và cảm ơn anh. Sẽ tái-ngộ.

Trung-tá Khoa, cựu Tham-mưu trưởng Sư-Đoàn I B.B. mà tôi đã quen trong cuộc đi thăm Trần-tuyền Ba-Lòng năm 1965, hiện giờ là Tỉnh-trưởng Thừa-Thiên kiêm Thị-trưởng Thành-phố Huế, và ông Rõ, phó Tỉnh-trưởng, đã có nhấ-y cho chúng tôi mượn chiếc xe Landrover và anh tài-xế của Tòa Hành-chánh để đi Bến-Hải. Tôi muốn xem sự tàn phá của phi-cơ Mỹ đã ném bom làm-lở nơi đây. Và tôi cũng muốn thăm sông Bến-Hải và cầu Hiền Lương lần thứ hai, để xem có gì thay-đổi ở Vĩ-tuyến 17 không?

Đây giờ sáng, anh tài xế đem

xe đến đón chúng tôi tại Chùa. Con đường quen-thuộc Huế — Quảng-Trị mà tôi đã đi lần trước rất tốt bây giờ vừa cách đó mấy hôm bị mìn Việt-Cộng phá-hoại một vài nơi và hai chiếc cầu. Công-binh Việt-Nam đang sửa chữa, xe phải đi vòng con đường tạm kế bên. Cách Quận Hải-Lăng không xa, về phía Bắc, một đoàn xe thiết-giáp độ mười chiếc đi hành quân đêm trước về đậu dọc theo Quốc-lộ. Hai bên đường có nhà cửa dân chúng khá đông. Cảnh tượng rộn-riếp, vui vẻ, với bầu con nít và thanh-niên quây-quần cười đùa với anh em chiến-sĩ của Quân đội V. N. C. H. mặc dầu không khí chiến-tranh đã phảng-phất nơi đây. Chúng tôi nghe tiếng bom dội ở miền rừng núi cách quốc lộ không xa...

(kỳ sau tiếp)

Cáo lỗi

Vì một lý do riêng, bài "Danh từ lảng mạn trong văn chương V.N." đã đăng một đoạn trong P.T. số 172, sẽ không đăng tiếp. Vậy xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

TÒA SOẠN

Phổ thông vòng quanh Thế giới

▲ TÍN-KHANH

★ Mỹ dùng ống điều cày Việt-Nam?

Cái ống điều thuốc Lào quê kệch của dân Việt-nam ta, thề mà được các nước văn minh khoái chí tử.

Người Mỹ đã bắt đầu thấy « bộ phận nước » trong ống điều cày là thứ lọc nhựa thuốc hiệu quả hơn hết nên đã đem ra nghiên cứu.

Nhưng nếp sinh hoạt người Mỹ đời nay đâu có nhàn hạ như người Việt, mà ngồi chênh chế rít vài hơi để thả hồn theo gió. Vì thế họ chế tạo ra những bộ phận rất nhỏ, đựng đầy nước đặt vào trong « đầu lọc khói » (filtre) của điều thuốc. Xem ra, điều thuốc tương lai không mỹ quang lắm, nhưng đắt giá thì chắc chắn rồi.

★ Tay lái báo động

Ông Francisco Garcia Vinolas, người Tây-ban-nha mới sáng chế một chiếc máy giúp

tài xế xe hơi khỏi chết « bắt tử » vì quá mỏi mệt... Máy đặt trên tay lái và bắt vào còi xe. Nếu tài xế buông tay, hay cầm « volant » quá nhẹ tay vì quá mỏi mệt, tinh thần bệ rạc v.v... thì tự nhiên máy báo động qua còi, và còi chuyển vào một chiếc máy phát thanh khác trong xe gây ra những tiếng ồn rất khó chịu, làm cho tài xế bực bội, phải tỉnh táo lại.

● Tàu điện bằng plastic

Mặc-tur-khoa mới cho chạy thử 2 chiếc tàu điện bằng plastic: Đặc điểm: rất nhẹ, dài 15 thước mà nặng không quá 2 tấn. Tất cả đều làm bằng nhựa, và tất nhiên là không méo mó, không còn tình trạng lỏng bù lon, kêu đỉc tai như xe buýt ở xứ ta.

● Những cuốn sách đắt tiền nhất

Lạ nhất lại là những sách về nghề bẹp núc.

— Cuốn xưa nhất, đã xuất bản ở Lyon năm 1505, mới đây đem ra bán đầu giá tại Luân-đôn, thu được 7.200 quan (110.000 đồng Việt-nam).

— Bộ sách 500 cuốn nói về kỹ thuật nấu nướng, ăn uống, và rượu v.v... do ông Léon Lambet, 65 tuổi ở thủ đô Bỉ bán ra, giá 115.000 quan (1.725.000 đồng V.N)

— Nhưng cuốn đắt giá nhất là một tập khảo luận về kỹ thuật nấu nướng vào thế kỷ 17, với nhan đề : « Ông thợ bánh François ».

— Lại một bản kê các bữa ăn và các thứ rượu thuộc về ngự thiện vua Louis XVI trong năm 1776, viết bằng tay, đã bán ra với giá 2600 quan.

Chỉ mấy tờ giấy với mấy chục hàng chữ mà giá đến 40 ngàn đồng V.N. kể ra mấy nhà sưu tập cũng chịu chơi thật.

* Máy bán đồ ăn bằng điện-tử

Thụy-Điền vừa sáng chế một loại máy bán đồ ăn bằng

điện-tử. Bạn muốn mua gì, chỉ cần bỏ số tiền tương đương vào lỗ máy. Chỉ 15 giây sau, máy phát ra món hàng bạn muốn mua, ví dụ một cái xúc xích chiên còn nóng hổi, gói sẵn trong bọc nhựa, lại dính theo một gói « mu tạt » cũng đựng trong bọc nhựa. Mua thêm bánh mì để ăn với xúc xích chẳng ? Bỏ 1 đồng nữa, chiếc bánh chạy ra, cũng gói kín trong bọc nhựa.

Máy này do một công ty chế tạo máy móc, súng và xe gắn máy v.v... ở Thụy-điền, nghiên cứu trong 5 năm mới hoàn thành.

Đề sống quá trăm tuổi

— Hai người ở Porto-Rico đã sống đến 108 tuổi và 110 tuổi vừa qua đời vào đầu năm nay. Bí quyết sống lâu của họ là sữa Dê và trái cây.

— Ông Lefèvre, nguyên thủy-thủ, hồi hưu ở Saint Clef (Pháp) mỗi ngày đi 30 cây số xe đạp, không thấy mệt mỏi, mặc dù đã 84 tuổi.

— Theo ông, đi xe đạp và ăn rau, là sống lâu 100 tuổi.

● Lịch sử giải Oscar

Năm 1965 vừa qua ở Hô-ly vọng có đưa ra dự thi tranh giải thưởng Oscar, 25 cuốn phim tuyệt tác.

Tiếng Oscar rất thông thường, ai cũng biết, nhưng chắc ít ai rõ lịch sử nó ra sao.

Giải Oscar ra đời năm 1928 nhân một bữa tiệc giữa các cộng sự viên của Motion Picture Academy.

Trong bữa tiệc một kịch sĩ nọ, tên Conrad Nagel đưa ra ý kiến, không ngoài mục đích quảng cáo cho Hãng là nên treo một giải thưởng hàng năm cho phim nào hay nhất trên thế giới... Cùng có mặt trong bữa tiệc, lại có anh Cédric Gibbon, nghe bạn nói, thấy hay hay, liền lấy bút họa hình một anh chàng hiệp sĩ đang đấu với một số địch thủ (về điện ảnh)...

Chuyện trôi qua chẳng ai để ý. Nhưng 3 năm sau, tầm hình của Gibbon được đem ra nghiên cứu lại và người ta tạc ra thành một tượng đồng mạ vàng. Hôm vừa hoàn thành, nữ ký giả Margaret Gledhil có mặt đây bỗng la lên :

— Ô ! sao pho tượng giống hình chú Oscar tôi thế ?

Thế rồi, mọi người thấy tên hay hay liền đặt cho pho tượng, tức giải thưởng điện ảnh là Oscar. Đây vào ngày 17-3-1928. Từ đó, giải Oscar nảy nở lần.

Tính đến nay đã có 25 giải Oscar khác nhau để thưởng cho : Phim, nam tài tử, nữ tài tử, nhà dàn cảnh xuất sắc v.v...

* Một nguyên tắc... ba que

Một người Nga và một người Mỹ cùng đi thám hiểm ở Tân ghi nê, một hôm bị bọn mọi ăn thịt người tóm bắt được.

Người Nga lay dạ anh Tú trưởng :

— Thưa Đại-trưởng, trước khi nấu chín tôi, hãy làm ơn đá vào mông tôi một cái để tôi chết yên thân.

Viên tù trưởng gạt đầu :

— Ừ, có khó gì.

Nói xong hắn đưa chân ra đá một cú rất mạnh vào mông người Nga. Anh này lạnh lẽo rút dao găm đâm ngay vào hắn và cả đồng bọn đứng gần đó.

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH

Người Mỹ vỗ tay khen :

— Hoan hô ! Anh thật là tay vô địch, nhưng tại sao anh lại câu lụy hẳn làm như vậy ?

— Vì người Nga chúng tôi theo nguyên tắc không khi nào sinh sự trước.

Nửa cân tám lượng

Hiện nay ở nước nào cũng vậy, cơ quan Cảnh-sát đều có lập hồ sơ của tất cả những tay du đảng trẻ con.

Nhưng giới du đảng đâu có chịu thua ? Hiện ở Hoa-kỳ, thanh niên du đảng cũng thành lập một bản thông kê, gồm có lý lịch và ảnh của 6.000 nhân viên cảnh sát... để

theo dõi chơi, cũng như cảnh sát theo dõi họ vậy.

Dùng ghê điện hay treo cổ ?

Đại tá Arce đưa ra một đề nghị đề chính phủ Phi-luật-Tân tiết kiệm được mỗi năm 1 ngàn triệu quan cho ngân sách. Đây là số tiền chi phí phụ trong việc hành quyết các tội nhân từ ngày « ghê điện » thay thế cho « giáo đài » ở xứ này.

Ông Arce đòi dựng lại các giáo đài (khung gỗ để thắt cổ) Vì ở Phi, điện đắt giá hơn dây thừng, và nhất là đề ông có công ăn việc làm. Vì... ông bị thất nghiệp từ ngày có ghê điện.

● ★

ĐÓN ĐỌC

THÁNG
NĂM
SÀU

THƠ

PHƯƠNG - DUYÊN

ĐÍNH CHÍNH TRONG PHỔ-THÔNG SỐ 173

● Trong bài Thơ của cụ Song Thu họa lại bài « Quan-Thế-âm », Phổ Thông số Phật-đản, 173, trang 96, xin sửa một chữ in sai sau đây :

Thay vì : Độ kẻ si-mê lần tỉnh giấc.

Xin đọc : — — — GIÁC

★ Bài « Tác dụng, ảnh hưởng của Phật giáo ở Việt Nam » có nhiều chữ in sai trang 17 cột hai :

— giọng 6 : « Lý luận nằng... » xin sửa lại « Lý luận này... »

— giọng 11 : « Không cần tin ta như một thiên sứ... » Xin sửa lại « Không cần tin ta như một thiên sứ... » (Thiên sứ : représentant divin).

— Giọng 15 : « Ta không đòi được coi là Thành thánh... » Xin sửa lại « Ta không đòi được coi là Thần thánh... »

Và một số lỗi lầm chính tả khác.

Mong được quý vị độc giả đã đoán hiền và lượng thứ.

PHỔ THÔNG

TIN MỪNG

Được tin hôn lễ cử hành tại Pháp của Anh : NGUYỄN NGỌC TRẦN, Tiến-sĩ Khoa-học và Chị PHAN THỊ HỒNG, sinh viên Khoa-học.

Thành thật chúc mừng Anh Chị bền duyên cầm sắt.

PHẠM THỊ NGỌC BÍCH

MỖI SÁNG CHỦ NHẬT

TÌM ĐỌC

Tuần báo «ĐẤT MỎI»

VĂN NGHỆ, SƯU TẦM, GIẢI TRÍ, THỂ THAO

do SONG THI và TÂN QUỲNH

chủ trương biên tập

12 trang lớn — giá 5 đồng

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

*của mọi người và
trong mọi gia - đình*



NUỐC NGỌT CON CỎ Ở ĐÁU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SÔNG LÂU YÊU ĐỜI

đón đọc :

HOA NẮNG

TẠP-CHÍ ĐẶT LẠI CĂN NGUYÊN TƯ-TƯỞNG ĐÔNG TÂY

phụ trách mỹ-thuật : họa sĩ **VĨNH AN**
thư ký tòa soạn : cô **PHƯƠNG ANH**
chủ trương biên tập : **NGUYỄN THÁI**
và **PHẠM CÔNG THIÊN**

Phát hành trong tháng 5, với sự cộng tác của những người ở Paris qua các bài :

- Đánh giá tư-tưởng phá-sản của Arthur Koestler
- Đánh giá thần học phá-sản của Albert Schweitzer
- Đánh giá sự học-văn phá-sản của Nguyễn văn Trung (phê-bình luận án tiến-sĩ triết-học)
- Bất tạo động của tư-tưởng
- Đặt lại nguyên-thể của chính-trị
- Triết-lý của Việt-Nam và cho nhân-loại kể từ 10 năm sau
- Trôi tháng Tư (tiểu thuyết)
- Mặt trời đầu hạ (tiểu thuyết) và nhiều truyện ngắn, thơ, kịch khác...

Thư tư bài vở xin gửi về : Cô **PHƯƠNG-ANH** 8, rue Gay de la Brosse PARIS 5^e (France).

CÁC BẠN MUỐN TÌM HIỂU GIÁO LÝ ĐỨC PHẬT, SINH
HOẠT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT
Ở MIỀN TRUNG

hãy tìm đọc :

LIÊN HOA
nguyệt san

Tòa soạn : 66 đường Chi Lăng — Hộp thư 24 Huế



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ỨC
NGỪA NHIỄM ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯ ẬU-DƯỢC



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ
DẪN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-OT, CHẴM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯ ẬU-DƯỢC

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn đã dưới, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **LÔI CỘNG HOÀN « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» [Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63]

Phong Ngứa, Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lăn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo



K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

K.D. số 1465 ngày 15-6-66

Chúng em là những trẻ ngoan,

siêng chải răng sáng sớm thức dậy
và tối khi đi ngủ. Chúng em chỉ dùng

thuốc đánh răng **Perlon**

có ly tử **FLUOR** màu nhiệm
bảo vệ nà răng chống sâu răng.

